THÀNH ỦY THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN 1930 - 1975

TẬP I

Chịu trách nhiệm xuất bản : BÙI XUÂN HÙNG

Chịu trách nhiệm bản thảo : PHẠM TẤT QUYNH
NGUYỄN DOÃN KÍNH

Biên tập : NGUYỄN XUÂN MINH (CHỦ BIÊN)
HOÀNG NGỌC LA

Sửa bản in : VŨ CHỦ NGHĨA

Trình bày bìa : NGUYỄN CƯỜNG THỊNH

THÁNH ỦY THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
THÁNH PHỐ THÁI NGUYÊN
1930 - 1975

TẬP I

Chịu trách nhiệm xuất bản : BÙI XUÂN HÙNG
Chịu trách nhiệm bản thảo : PHẠM TẤT DUYNH
NGUYỄN DOÃN KÍNH
Biên tập : NGUYỄN XUÂN MINH (CHỦ BIÊN)
HOÀNG NGỌC LA
Sửa bản in : VŨ CHÚ NGHĨA
Trình bày bìa : NGUYỄN CƯỜNG THỊNH

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo dục truyền thống cách mạng, xây dựng tình yêu quê hương là một nội dung có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng hiện nay.

Nhận thức rõ điều đó, chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy Bắc Thái, Ban thường vụ Thành ủy Thái Nguyên quyết định tiến hành việc nghiên cứu và biên soạn cuốn: "Lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên 1930-1975".

Nội dung cuốn sách nhằm dựng lại một cách trung thực quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên qua hai chặng đường lịch sử : 1930-1954 và 1954-1975; trên cơ sở đó, khơi dậy lòng tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thành phố, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của mọi người dân trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn cuốn sách, chúng tôi luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng đã từng sống, hoạt động ở Thái Nguyên, của các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh, nhất là sự chỉ đạo sát sao, đầy tinh thần trách nhiệm của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái. Đặc biệt cuốn sách được hoàn thành là nhờ có sự tham gia trực tiếp của hai đồng chí cán bộ giảng dậy khoa sử trường đại học sư phạm Việt Bắc.

Do thời gian có hạn và nhất là do việc sưu tầm các nguồn tư liệu gặp nhiều khó khăn, cho nên nội dung cuốn sách chắc chắn có nhiều thiếu sót. Chúng tôi rất mong các đồng chí và các bạn đọc góp ý.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các đồng chí đã từng tham gia ý kiến xây dựng trong quá trình biên soạn và xuất bản cuốn sách.

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 10 năm 1991

Bí thư Thành ủy

Nguyễn Ngọc Yến

LỜI CIỚI THIỆU

BÚT TÍCH CỦA Đ/C TRƯỜNG CHINH

Làm sao mấy tỉnh miền ngược trong khu I, do đây tiến thu về xuôi, hàng vùng xuôi do đây bám lên mạn ngược. Về mặt quân sự, có thể nói Thái Nguyên là cửa ngõ đi vào V.B

UBKC. HC. thì xã có nhiệm vụ rất nặng nề. Làm sao cho nó xứng đáng với vai trò một đội du kích canh gác cửa ngõ VB. và một nhân viên tiếp tế cho cả ngược và xuôi.

Tôi tin rằng anh em xứng đáng với nhiệm vụ ấy.

"... Năm 1917, cái liệt sĩ Đội-Cấn và Lương-ngọc-Quyến đã nổi dậy đánh Pháp ở đây. Năm 1940-41, đồng bào Định-cư, Trang-xá đã nổi súng chống Pháp. Tháng Tám năm 1945, Đại hội Võ-nguyên-Giáp chỉ huy quân Giải phóng đã diệt nhật ở thị xã này.

Mong anh em noi theo tinh thần phong ấy mà phấn đấu, đoàn kết và

Việt-nam nhất định độc lập!
Kháng chiến kiến quốc nhất định thành công

7-5-1948

Trường Chinh

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Vào đời các vua Hùng, nước ta được chia thành 15 bộ. Thái Nguyên thuộc bộ Vũ Định. Từ đó trở đi, cùng với những biến thiên của lịch sử, Thái Nguyên đã trải qua nhiều sự đổi thay.

Dưới thời thống trị của nhà Đường (từ thế kỷ VIII đến thế kỷ IX), Thái Nguyên nằm trong đất Châu Long và sau đó thuộc châu Vũ Nga.

Đầu năm 1011, sau khi thành lập, nhà Lý đổi 10 đạo trong cả nước thành 24 lộ; các vùng xa xôi hẻo lánh gọi là châu. Thái Nguyên là một trong các châu thời ấy, về sau đổi thành châu Vũ Lặc. Nhà Trần lên thay, đổi thành trấn Thái Nguyên.

Dưới thời thuộc Minh (1407 -1427), Thái Nguyên trở thành phủ. Đến triều đại nhà Lê, năm Thuận thiên thứ nhất, cả nước chia thành 5 đạo (1) . Thái Nguyên là địa phận của Bắc Đạo. Vào năm Quang Thuận thứ bảy (1466), Lê Thánh Tông chia nước thành 12 đạo thừa tuyên và đổi lộ thành phủ, đổi trấn thành châu. Thái nguyên là một trong số 12 thừa tuyên lúc bấy giờ và đến năm thứ 10 (1469) đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc.

Từ thời Lê Trung hưng (1533-1788) đến hết thời Nguyễn Gia Long (1802-1819), Thái Nguyên lại đổi thành trấn. Thủ phủ của trấn Thái Nguyên đặt tại huyện Thiên Phúc (nay là Sóc Sơn, Hà Nội) và đến năm Gia Long thứ 12 (1813) được chuyển về vùng đất

---

(1) 5 đạo : Nam đạo, Bắc đạo, Đông đạo, Tây đạo và Hải tây đạo.

hiện nay.

Vào năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), trấn Thái Nguyên chính thức đổi thành tỉnh Thái Nguyên. "Tỉnh thành đất bằng phẳng, rộng rãi, đường thủy,đường bộ giao thông đều thuận tiện" (1). Chu vi tỉnh thành dài 345 trượng (khoảng 1.145m40), cao 9 thước (khoảng 2m88); mở 4 cửa; hào rộng 3 trượng (khoảng 9m96), sâu 5 thước (khoảng 1m66). Tường thành đắp bằng đất; đến năm Tự Đức thứ 2 (1849) được xây bằng gạch.

Ngày 19/3/1884, sau khi bình định vùng hạ lưu Bắc kỳ, thực dân Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên. Từ đó, cùng với việc tăng cường b ộ máy cai trị, các cơ sở dịch vụ của thực dân Pháp và tay sai cũng ngày càng mở rộng. Tầng lớp viên chức, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ ngày càng đông dần lên. Việc buôn bán mỗi ngày thêm nhộn nhịp.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khu vực Đồng Mỗ (2) được mở rộng và phát triển dần về phía tây nam, trở thành một thị xã, bao gồm phần đất có diện tích tương đối với phường Trưng Vương, một phần phường Hoàng Văn Thụ và phường Phan Đình Phùng ngày nay. Thời đó, thị xã Thái Nguyên được xây dựng trên những đồi cây có ao sâu bao bọc xung quanh. Về sau, việc san lấp bình địa được thực hiện bằng công sức của dân chúng và những tư nhân ở đây. Các nhà tranh được thay thế bằng những tòa nhà kiên cố. Cách thị xã 200 mét về phía bắc, một chiếc cầu dài 93 mét (tức cầu Gia Bẩy), xây dựng trong năm 1928-1929, vắt qua dòng sông Cầu, như một nét chấm phá tô điểm cho bức tranh thị xã.

Sau ngày cách mạng tháng Tám, khi toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (19/12/1946), quân dân

(1) "Đại Nam nhất thống chí" - tập IV - Quyển XX - NXB Khoa học xã hội - HN - 1971 - trang 153.

(2) Nay gọi là xóm Cột Cờ (x. Túc Duyên)

thị xã Thái Nguyên thực hiện triệt để tiêu thổ kháng chiến, tự tay phá bỏ những công trình, nhà cửa, cầu cống... do chính sức lao động của mình dựng nên.

Năm 1954, miền Bắc được giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thị xã Thái Nguyên không ngừng mở rộng. Các cơ sở công nghiệp Trung ương và địa phương lần lượt ra đời, tạo cho thị xã có vị trí quan trọng. Đặc biệt , từ năm 1958 khu liên hiệp gang thép Thái Nguyên bắt đầu được khởi công xây dựng. Sự ra đời của khu liên hiệp gang thép - một ngành công nghiệp luyện kim đầu tiên ở nước ta trên địa bàn Thái Nguyên- đã nâng thị xã lên tầm vóc mới. Ngày 19/10/1962, theo quyết định số 114 của Phủ Thủ tướng, thị xã Thái Nguyên trở thành thành phố trực thuộc tỉnh, với diện tích tự nhiên là 16 km2 và dân số là 60.000 người.

Năm 1965, do nhu cầu phát triển kinh tế và tăng cường khả năng quốc phòng, hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên được sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, lấy thành phố Thái Nguyên làm tỉnh lỵ. Từ một thị xã nhỏ bé dưới thời thuộc Pháp, Thái Nguyên trở thành một thành phố rộng lớn, bao gồm 16 phường và 8 xã ngoại thành.

Thành phố Thái Nguyên nằm trong khu vực tọa độ từ 21o29' đến 21o37 vĩ độ bắc và từ 105o43' đến 105o55' kinh tuyến đông. Về phía đông, thành phố giáp huyện Đồng Hỷ; tây giáp huyện Đại Từ và Phổ Yên; bắc giáp huyện Phú Lương; nam giáp huyện Phú Bình và thị xã Sông Công.

Nằm ở vị trí then chốt và là một trong những thị trường quan trọng nhất của Bắc Kỳ, thành phố Thái Nguyên đã trở thành đầu mối giao thông giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Quốc lộ số 3 nối liền Hà Nội với Cao Bằng là một trong những con đường chiến lược quan trọng đi qua trung tâm thành phố Thái Nguyên. Từ Thái Nguyên, dọc theo đường số 3 ngược lên phía Bắc,

đến km 11 (Bờ Đậu) rẽ về hướng tây theo đường 13A qua huyện Đại Từ, thẳng sang Tuyên Quang, Hà Giang. Con đường 1B xuất phát từ thành phố Thái Nguyên, đi theo hướng đông bắc qua huyện Võ Nhai, lên Bắc Sơn rồi đến tận xứ Lạng. Nối liền trung tâm thành phố với các huyện và thị trấn trong tỉnh là một hệ thống đường đất, đường đá tương đối hoàn chỉnh Từ trung tâm thành phố, đường tỏa đi muôn ngả.

Thành phố Thái Nguyên không có nhiều khe suối như một số địa phương khác, nhưng có hai con sông lớn chảy qua. Sông Cầu- một dòng sông đã đi vào lịch sử dân tộc - bắt nguồn từ xã Bằng Phúc (Chợ đồn). men theo các dãy núi đồi nhấp nhô của vùng Bạch Thông, Phú Lương, Võ Nhai, vòng về thành phố Thái Nguyên theo hướng tây bắc - đông nam, tạo thành ranh giới tự nhiên với huyện Đồng Hỷ ngày nay, rồi lững lờ trôi về Phú Bình, Phổ Yên và chảy vào địa phận Hà Bắc, Lưu lượng nước mức lớn nhất trung bình hàng năm là 1.090 m3/gy, có lúc lên tới 4.300 m3/gy, mức nhỏ nhất trung bình là 420 m3/gy. Đoạn sông ở thượng nguồn, dòng nước chảy xiết, càng về hạ lưu thì tốc độ dòng chảy chậm lại, mặt sông trở nên phẳng lặng, hiền hòa, thuận lợi cho thuyền bè đi lại.

Dòng sông Công bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá (Định Hóa), chảy qua các huyện Định Hóa, Đại Từ, Đồng Hỷ, đổ vào hồ Núi Cốc và theo hướng tây bắc - đông nam đi vào địa phận thành phố rồi xuống huyện Phổ Yên.

Hai con sông không chỉ là tuyến đường thủy quan trọng, nguồn tưới nước cho đồng ruộng và cung cấp nước cho các nhà máy, xí nghiệp, mà hàng năm còn bồi đắp cho thành phố một khối lượng phù sa khá lớn, mặc dù nó cũng gây ra những nạn lũ lụt có sức phá hoại không nhỏ.

Từ những năm sau hòa bình (1954), mạng lưới giao thông phát

triển nhanh chóng. Con đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên được xây dựng từ năm 1958, hàng ngày chuyên chở một lượng lớn về người và hàng hóa qua lại, cách phía nam thành phố chừng 10 km là tuyến đường sắt Lưu Xá - Kép cũng là một con đường quan trọng.

Toàn bộ hệ thống đường giao thông thủy bộ nối liền thành phố Thái Nguyên với các địa phương không những có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế, văn hóa, mà cả trong lĩnh vực quân sự.

Do ở vị tri tiếp giáp giữa vùng rừng núi và đồng bằng Bắc bộ, lại có nhiều đường giao thông thủy, bộ dọc ngang, Thái Nguyên trở thành nơi trao đổi các luồng hàng. Ngay từ thời trước, bến sông Đồng Mỗ, dù nhỏ hẹp nhưng đã là một nơi thường xuyên ra vào của các loại thuyền bè. Các hàng lâm, thổ sản ở miền ngược theo bè mảng xuôi về cập bến Đồng Mỗ, rồi lại tiếp tục chuyển vận theo dòng nước về xuôi. Vào những mùa nước to, thuyền lớn từ Đáp Cầu (Bắc Ninh) có thể dễ dàng ngược dòng sông Cầu, thả neo tại bến Đồng Mỗ để đưa hàng tới các huyện miền núi.

Ngày nay, phạm vi thành phố được mở rộng, các ngành kinh tế đều phát triển, việc đi lại dễ dàng, thuận lợi hơn nhiều. Nhờ đó, mối quan hệ giữa thành phố Thái Nguyên với các địa phương trong và ngoài tỉnh được tăng cường. Hàng hóa, sản vật trao đổi giữa miền núi và miền xuôi phần lớn đều dừng lại ở thành phố Thái Nguyên, biến nơi này trở thành một thị trường chung cho cả khu vực phía bắc. Bộ mặt của thành phố cũng dần dần đổi thay. Cảnh trên bến dưới thuyền xưa kia ở Đồng Mỗ, nay được thay thế bằng cảnh tấp nập, nhộn nhịp ở trên tất cả mọi ngả đường và góc phố. Hàng loạt các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp của trung ương và địa phương lần lượt được xây dựng, phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố. Sự ra đời của các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, cùng

với các khu mỏ giàu trữ lượng (1) đã tạo cho Thái Nguyên có dáng hình của một thành phố công nghiệp. Tiếng còi tầm, tiếng máy chạy...làm tăng thêm vẻ sống động trong thành phố. Tại các khu trung tâm và dọc theo các đường phố, đều mọc lên các cửa hàng dịch vụ, càng làm cho bức tranh thành phố thêm hoàn thiện, hoàn mĩ.

Ngoài vẻ đẹp của một thành phố trẻ mới hình thành, Thái Nguyên lại có thêm vẻ đẹp trí tuệ. Từ thời xưa, trường học của Phủ Phú Bình (2) đặt tại địa phận xã Phù Liễn, phía ngoài cửa tây tỉnh thành (3). Cho đến những năm sau khi hòa bình lập lại, cùng với sự phát triển nhanh chóng của ngành giáo dục phổ thông, các trường chuyên nghiệp từ sơ cấp đến đại học được thành lập. Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 4 trường đại học thuộc các ngành giáo dục, nông nghiệp, y tế và công nghiệp; 17 trường trung học chuyên nghiệp, bao gồm nhiều ngành nghề khác nhau. Mỗi năm, các trường thu nhận hàng ngàn con em các dân tộc vào học tập; đào tạo một đội ngũ cán bộ có trình độ và năng lực cho các địa phương miền núi và trung du. Các cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật cũng ra đời, ngày càng phát huy tác dụng trong ngoài tỉnh. Thành phố Thái Nguyên chính là một trung tâm văn hóa, khoa học của tỉnh cũng như của cả k hu vực phía bắc.

Thành phố Thái Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng: nó vừa

(1) Theo tài liệu của Pháp để lại, than Phấn Mễ rất giàu chất bay hơi có giá trị cao trên thị trường Đông Dương; trung bình mỗi tháng có 2.000 tấn được xuất ra ngoài tỉnh. Mỏ than Khánh Hòa cũng là một mỏ có trữ lượng và chất lượng tốt.

Mỏ sắt Trại Cau là mỏ lộ thiên, quặng thuộc loại tốt. Bọn tư bản Pháp đã thăm dò từ những năm 1927, 1928; đến năm 1939 chúng bắt đầu tuyển mộ công nhân từ các tỉnh miền xuôi. Năm 1940, 1941 chúng tiến hành khai thác để xuất cảng cho Nhật và Ý.

(2) Theo sách "Đại Nam nhất thống chí" - tập IV - QXX: phủ Phú Bình đời Nguyễn Gia Long bao gồm 8 huyện: Tư Nông, Bình Tuyền Võ Nhai, Phổ Yên, Đồng Kỷ, Phú Lương, Đại Từ, Văn Lang và 1 châu là Định Hóa.

(3) "Đại Nam nhất thống chí - T.IV - Q.XX - NXB KHXH - HN 1971 trang 156.

là cửa ngõ phía bắc, là cái áo giáp che chở kinh thành Thăng Long-trái tim của Tổ quốc; vừa là chìa khóa của miền châu thổ Bắc bộ. Với một thế đất bằng phẳng, đây đó nhô lên những gò đất nhỏ xen lẫn với đầm hồ (1), thành phố Thái Nguyên được bao bọc bởi những dãy núi đá cao và hiểm trở. Núi Voi trấn mặt tây bắc, (ba ngọn núi hình voi phục, làm hậu án cho tỉnh thành); các ngọn ở phía đông bắc ôm lại (các núi Côn Lôn và Yến Đĩnh); các núi phía tây nam bọc quanh (các núi Ngọc Bội và Cổ Lân); một dải kéo dài liên tiếp như bức trường thành (một dải núi cao về phía bắc, từ địa phận châu Bạch Thông kéo qua địa phận huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai, đến tận huyện Hữu Lũng... một dải núi cao về phía nam, từ địa phận huyện Đại Từ kéo qua địa phận huyện Phổ Yên, huyện Bình Xuyên đến huyện Sơn Dương...(2).

Xem thế đủ thấy rõ thành Thái Nguyên cũng là một miền quan yếu. Bởi vậy, ngay từ thời trước, bọn phong kiến phương bắc thường lấy miền đất này vừa làm điểm tập kết để tiến đánh kinh thành Thăng Long, vừa là một căn cứ phòng thủ mỗi khi chúng rút chạy. Khi Lý Bôn dựng cờ xướng nghĩa (năm 542), nghĩa quân cũng đã dựa vào hồ Điền Triệt (Đầm Vạc, nay thuộc phường Quán Triều) làm nơi cố thủ. Khi thực dân Pháp chiếm được tỉnh thành (1884), chúng biến nơi đây thành căn cứ xuất phát, đem quân đi chinh phục các địa phương khác. Năm 1945, phát xít Nhật ra sức củng cố thị xã Thái Nguyên thành một điểm chốt mạnh, làm bàn đạp uy hiếp khu giải phóng Việt Bắc. Cũng chính vì vậy, thị xã Thái Nguyên là một điểm trọng yếu trên đường tiến về giải phóng Hà Nội của đội Việt Nam giải phóng quân.

Từ sau khi hòa bình lập lại (1954), thành phố Thái Nguyên

---

(1) Hiện nay, diện tích ao đầm trong thành phố là 137 ha.

(2) Xem "Đại Nam nhất thống chí" - T.IV - Q.XX - sách đã dẫn trang 153, 154.

không chỉ tập trung các cơ quan lãnh đạo của tỉnh, mà còn là nơi đặt toàn bộ bộ máy lãnh đạo của khu tự trị Việt Bắc. Hiện nay, thành phố là trung tâm văn hóa chính trị và kinh tế của tỉnh Bắc Thái.

Thành phố Thái Nguyên có diện tích tự nhiên hơn 153 km2 trong đó , diện tích đất canh tác là 8.670 ha. (tính cả đất hoang, hóa); đất nông nghiệp là 4297 ha; đất trồng chè là 243 ha (1). Địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho việc canh tác, Một số đồi trọc chủ yếu tập trung ở vùng Lương Sơn, Phúc Trìu, Thịnh Đức, Tân Cương. Những khu đồi này vốn xưa kia là những rừng cây xanh tốt, có nhiều gỗ qúy. Dưới chế độ thực dân phong kiến, bọn đế quốc và địa chủ chiếm đoạt hầu hết đất đai để lập đồn điền (2) chúng ra sức bóc lột sức người, sức của và khai thác hết độ phì nhiêu của đất. Ngoài việc khai khẩn mở rộng đồn điền và khai thác gỗ phục vụ cho việc vơ vét tài nguyên dưới lòng đất, chúng còn chặt phá rừng không tiếc tay. Rừng cây bị tàn phá nhiều lần, diện tích cây lớn bị thu hẹp và diệt vong, nhường chỗ cho các loại lau sậy và cỏ dại. Những di tích rừng ngày trước, đến nay chỉ còn lại qua tên gọi: rừng Bần (Lương Sơn) dốc Lim (Thịnh Đức)... Rừng cây bị phá trụi, chỉ còn trơ lại những đồi trọc, đã gây ảnh hưởng xấu không nhỏ đến môi trường sinh thái, đến sản xuất và đời sống con người. Hiện nay, với phong trào trồng cây gây rừng, những khu đồi trọc, hoang dại đang được trả lại mầu xanh.

Đất canh tác trong khu vực thành phố có hai loại chủ yếu. loại

---

(1) Tính đến năm 1987

(2) Theo "Tiểu chí Thái Nguyên " của E sina (Echinard) - công sứ Thái Nguyên năm 1932, đồn điền của người Pháp và Việt ở khu vực thành phố Thái Nguyên gồm có:

- *Đồn điền Kép le : 2850 ha.*
- *Đồn điền Phạm Bá Oánh (Đồng Quang) : 125 ha*
- *Đồn Điền Cam Giá của Bécna Hiếu: 1.200 ha.*
- *Đồn điền Đocumay : 3.650 ha (ở Đồng Bẩm) v.v...*
- *Đồn điền Com măng : 209 ha (ở Thịnh Đán)*

Feralít màu vàng phần lớn tập trung ở các xã Lương Sơn, Thịnh Đán, Thịnh Đức, Thành Công (nay thuộc thị xã Sông Công), Tích Lương, Phúc Xuân, Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng. Loại đất này thích hợp với việc trồng cây công nghiệp (chè) và cây ăn quả. Đất phù sa do sự bồi đắp thường xuyên của hai lưu vực sông Công và sông Cầu phần lớn nằm ở các xã Quang Vinh, Cao Ngạn, Tân Cương, Thành Công, Túc Duyên, Cam Giá, Gia Sàng. Loại đất này ở độ phì nhiêu tương đối cao so với các vùng trong tỉnh, rất thuận lợi cho việc trồng các loại rau và hoa mầu. Cả một dải đất nằm ven thành phố (như Túc Duyên, Gia Sàng, Cam Giá...) quanh năm được phủ kín bằng lớp thảm rau xanh. Đó chính là nguồn thực phẩm dồi dào, không những chỉ phục vụ đời sống của cán bộ và nhân dân trong thành phố, mà còn cho cả các địa phương khác. Ngoài các loại rau xanh, đất phù xa sông Công, sông Cầu còn có khả năng phát triển các loại giống lúa mới, nhất là lúa xuân.

Nằm trong khu vực gió mùa nhiệt đới, khí hậu Thái Nguyên chia làm 4 mùa : xuân, hạ, thu, đông. Vào mùa hạ, tiết trời nóng bức; nhiệt độ trung bình từ 25°C đến 27°C; có nắng to, độ ẩm lớn vì mưa nhiều. Lượng mưa tươngđối cao, cường độ mạnh và mưa tập trung; có trận mưa, chỉ trong một ngày (ngày 26/4/1924) lượng nước đã được 632 mm (1). Nhiều khi trong thành phố xuất hiện đột ngột những trận gió lốc quét từng vệt dài và khá mạnh, gây ra những thiệt hại về nhà cửa và mùa màng.Chuyển sang mùa thu, khí hậu mát dần. Đến cuối thu, trời bắt đầu se lạnh. Mùa đông trùng với mùa gió mùa đông bắc; nhiệt độ hạ thấp dần, dao động từ 12°C đến 15°C, có năm xuống thấp dưới 10°C, tiết trời giá lạnh. Do ít mưa, có những tháng không mưa, hoặc mưa với lượng nước không đáng kể, nên độ ẩm không khí thấp. So với các địa phương phía bắc tỉnh,

---

(1) "Đất Bắc Thái" - Ủy ban nông nghiệp tỉnh Bắc Thái xuất bản 1975- trang 27.

nhiệt độ trong thành phố thường cao hơn và ít có những trận sương muối. Đó là một điều kiện thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi và những hoạt động kinh tế - xã hội của con người. Bước vào mùa xuân, thường có mưa phùn, nhiệt độ ấm dần; các loài động vật và thực vật có dịp sinh sôi, phát triển.

Sự xuất hiện mùa đông lạnh, khí hậu khô hanh, đã gây nhiều trở ngại cho sản xuất và đời sống con người. Nhưng so với các địa phương miền núi phía bắc, mùa đông lạnh trong khu vực thành phố Thái Nguyên thường không kéo dài. Thời gian có mặt trời thực tế đạt tỷ lệ cao, do đó tổng lượng bức xạ mặt trời tương đối lớn. Khả năng phong phú về bức xạ và tiềm nhiệt đã có tác dụng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của động, thực vật ở Thái Nguyên. Nhiều loại cây có khả năng rút ngắn thời gian sinh trưởng và quay vòng nhiều lần trong một năm. Bản chất nóng ẩm của khí hậu là một trong những điều kiện thuận lợi rất căn bản để đẩy nhanh quá trình sinh trưởng cây trồng, nâng cao hiệu quả trao đổi chất và góp phần tăng sản lượng mùa màng. Tuy nhiên, trong điều kiện nóng ẩm, sâu bệnh và cỏ dại cũng phát triển nhanh chóng. Điều đó cũng gây những khó khăn không nhỏ trong sản xuất và đời sống. Song, với trình độ khoa học - kỹ thuật ngày nay, con người đã và đang chế ngự được những tác hại do sâu bệnh gây nên.

Nhìn chung, so với các địa phương khác trong tỉnh, về mặt điều kiện tự nhiên, thành phố Thái Nguyên có nhiều thuận lợi hơn để phát triển một nền kinh tế tương đối toàn diện. Thiên nhiên đã ưu đãi cho xứ sở này một vùng đất trù phú, một độ ẩm thích hợp và một vị trí địa lý đặc biệt - Với tất cả những ưu thế ấy, thành phố Thái Nguyên dần dần trở thành nơi sinh tụ của con người.

Trên cương vực không lớn của tỉnh Thái Nguyên xưa, dấu vết của con người thượng cổ còn để lại ở nhiều nơi. Thành tựu khảo cổ học trong những năm gần đây cho biết, tại các miền núi đá, hang động thuộc các xã Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Quảng Sơn,

Bình Long, Vũ Chấn, (Võ Nhai) có các di chỉ thuộc văn hóa Thần Sa (trong kỳ đồ đá cũ),23000 +200-23100+300 văn hóa Hòa Bình (đồ đá giữa), văn hóa Bắc Sơn (đồ đá mới) và đồ đồng Đông Sơn. Những hiện vật khảo cổ đã khẳng định Thái Nguyên là một trong những cái nôi khai sinh ra loài người trên đất nước Việt nam. Các bộ tộc người nguyên thủy sinh sống bằng nghề hái lượm và săn bắt. Trải qua một thời gian dài, dân số tăng lên, nguồn thức ăn cạn dần, họ đi dọc theo các triền sông, khe suối, mở rộng địa bàn cư trú.

Thành phố Thái Nguyên - nơi tiếp giáp vùng đồng bằng Bắc bộ với miền núi, nơi gặp gỡ và tiếp xúc giữa các bộ lạc và các luồng giao lưu văn hóa của các bộ tộc - trở thành điểm hội tụ của cac tộc người. Ngày nay, dân số tập trung trong thành phố có 173.413 người (1), thuộc gần 10 dân tộc anh em.

Chiếm số đông nhất là dân tộc Việt, có khoảng 157.531 người. Thành phần cư dân này gồm nhiều bộ phận hợp thành. Một bộ phận vốn là dân bản địa, có mặt từ lâu đời, sinh sống cùng các dân tộc khác. Một bộ phận là dân phu được tuyển mộ vào làm công trong các mỏ hoặc trong các đồn điền của bọn chủ thực dân Pháp và người Việt. Một bộ phận là những người dân phiêu bạt, di cư từ các vùng Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên...lên kiếm sống. Một bộ phận khác là lính của triều Nguyễn ở lại sinh cơ lập nghiệp. Những di dân mới đến thường được những người đồng tộc đã có mặt từ trước giúp đỡ để ổn định cuộc sống và canh tác. Họ nhanh chóng hòa nhập với nhân dân địa phương vì vốn có quan hệ gần gũi về huyết thống, tiếng nói và phong tục tập quán. Dần dần, họ định cư trong khu vực thị xã, sống bằng nghề nông hoặc nghề thủ công và buôn bán. Trải qua nhiều đời, họ sinh cơ lập nghiệp và trở thành một cộng đồng chủ thể của vùng này.

---

(1) Theo số liệu điều tra dân số 1/4/1989.

Dân tộc Tày có khoảng 8.603 người. Họ sống xen kẽ với các dân tộc khác trong thành phố. Người Tày có một nền nông nghiệp cổ truyền khá phát triển. Ngoài việc trồng lúa, đồng bào còn trồng ngô, khoai, sắn và các loạicây thực phẩm khác như rau, đậu. Cũng như người Việt, kỹ thuật canh tác và nông cụ của người Tày tương đối cao và hoàn chỉnh. Từ lâu, đồng bào Tày đã có tập quán bón lót, bón thúc, kết hợp với cải tạo đất bằng vôi ở các chân ruộng chua và thường đổi công giúp nhau đưa phân ra ruộng. Bên cạnh nghề trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào Tày rất khéo tay trong nghề thủ công đan lát.

Dân tộc Cao Lan - Sán Chi có 267 người. Đồng bào sống chủ yếu bằng nghề nông, vừa làm ruộng nước, vừa làm nương rẫy. Họ làm ruộng nước một cách khá thành tạo; kỹ thuật canh tác không khác gì so với dân tộc Việt, Tày, Nùng. Với nghề làm ruộng nước, đồng bào Cao Lan - Sán Chi sớm định cư. Họ sống thành từng chòm xóm, rải rác trên địa phận các xã. Ngoài làm ruộng nước và nương rãy, nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các gia đình đồng bào Cao Lan - Sán Chí khá phát triển.

Đồng bào Cao Lan - Sán Chi có ý thức về tộc người khá mạnh mẽ. Tình thương yêu, nỗi cảm thông lẫn nhau giữa những người đồng tộc được coi như là một trách nhiệm của mỗi người đối với việc giữ gìn và phát triển tộc người của mình.Người Cao Lan - Sán Chi có tập quán hôn nhân một vợ một chồng khá bền vững. Trường hợp không có con, người ta ít khi lấy vợ lẽ, mà thường xin con nuôi. Ở họ, cũng ít thấy những trường hợp ly hôn. Tất cả những tập quán tốt đẹp đó đến nay vẫn được đồng bào giữ gìn và phát huy, nhất là khi quyền tự do yêu đương, xây dựng gia đình đã có pháp luật của nhà nước bảo đảm. Tuy nhiên cũng như các gia đình Tày, Nùng ở một số địa phương khác, việc ma chay, cưới xin còn nhiều tục lệ phức tạp và tốn kém mà cho đến nay vẫn chưa khắc phục được.

Dân tộc Sán Dìu (Trại Đất) với 1.920 người, có truyền thống

làm nghề ruộng nước.Do vậy, họ giầu kinh nghiệm và có những tri thức dân gian rất phong phú về trồng trọt. Quan sát hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, đồng bào có thể đoán biết trời mưa to, bão lụt hay nắng hạn...

Trước đây, quan hệ hôn nhân của người Sán Dìu hầu như chỉ đóng khung trong nội bộ dân tộc của mình. Ngày nay,do tình đoàn kết, bình đẳng và sự hòa hợp giữa các dân tộc tăng lên, cho nên quan hệ đó được mở rộng.

Tuy mỗi dân tộc có một tập quán, phong tục riêng, nhưng đều chung một nguồn gốc. Do đó, giữa các dân tộc cư trú trên địa bàn thành phố có một mối quan hệ gần gũi lâu đời.Quan hệ đó được nhắc đến trong nhiều truyền thuyết. Những truyện cổ tích, như truyện "Trăm trứng" của người Việt, truyện "Quả bầu" của nhiều dân tộc thiểu số, đã nói về nguồn gốc chung của các dân tộc anh em trên đất nước ta và mối quan hệ giữa các dân tộc. Dù cho bọn thống trị trước đây tìm mọi cách chia rẽ các dân tộc, nhưng mối quan hệ đoàn kết gắn bó vẫn vững bền. Ngoài tình họ hàng và tình đồng tộc, tình làng nghĩa xóm ngày càng thêm bền chặt. Từ những việc ma chay, cưới xin, những ngày lễ, tết... cho đến việc làm nhà, đào mương dẫn nước vào ruộng..., đều có sự quan tâm thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong vùng. Đồng bào sống trong sự cưu mang, đùm bọc lẫn nhau.

Từ sau cách mạng tháng Tám, nhất là trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, với chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và nhà nước ta, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân các dân tộc và giữa các dân tộc ngày càng cao. Nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa đã tạo ra những điều kiện cho sự liên hệ vốn có giữa các dân tộc thuận lợi hơn trước. Sự cố kết đồng hóa và hòa hợp giữa các dân tộc trở thành một hiện tượng phổ biến trên đất nước ta hiện nay.

Thành phố Thái Nguyên vốn là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa

giữa các vùng; hơn nữa, do đặc điểm cư trú của các dân tộc ở đây tập trung thành những đơn vị nhỏ và xen kẽ, cho nên quá trình hòa hợp đó diễn ra khá sớm và dễ dàng, gần như là một lẽ tự nhiên. Trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, các dân tộc sống trên đất thành phố, dù đông người hay ít người, dù là dân bản địa hay từ nơi khác đến, đều có những đóng góp to lớn.

Để bảo đảm sản xuất, duy trì cuộc sống của mình, các dân tộc thành phố Thái Nguyên, trải qua bao thế hệ nối tiếp, đã biết dựa vào nhau chống chọi với mọi thiên tai. Xưa kia, do trình độ văn hóa - khoa học của con người còn thấp kém, cho nên thiên nhiên có một sức mạnh ghê gớm, gần như chi phối đời sống con người. Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, người nông dân có nhiều kinh nghiệm xem xét thời tiết để cày cấy cho đúng thời vụ.Một khi đã gieo cấy xong rồi, họ cầu mong mưa thuận gió hòa cho đến ngày thu hoạch. Điều kiện thiên nhiên ở khu vực thành phố không khắc nghiệt như một số nơi khác, nhưng cũng có những năm gây ra những tai họa lớn như bão tố, lũ lụt..., làm thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, mùa màng và tính mạng con người.

Trước thế lực quái ác của thiên nhiên, người nông dân ở đây vẫn không chịu khuất phục. Họ đã biết cố kết chặt chẽ, giúp nhau khắc phục thiên tai, giữ vững sản xuất. Họ cùng nhau bạt đồi, san bãi, đào mương đắp đập, ngăn bờ giữ nước, từng bước cải tạo địa hình. Phải trải qua nhiều gian nan, khó nhọc, những cư dân ở đây mới có thể tạo dựng được một thành phố với dáng vẻ bề thế như ngày nay. Trong quá trình đó, không phải chỉ có cải tạo đất đai, mở rộng diện tích canh tác và xây dựng, mà họ còn bảo tồn và phát triển các loại cây trồng.

Cây lúa là loại cây lương thực chính nuôi sống con người. Phải mất bao nhiêu công sức và trí tuệ, người nông dân các dân tộc đã biết chọn lọc, giữ gìn và phát triển các loại giống lúa tốt. Bên cạnh những giống lúa có hương vị thơm ngon như tám mỡ, dị hương, sớm lai, còn có thêm giống lúa mới có năng suất cao như nông nghiệp 5, nông nghiệp 8, chân trâu lùn, bao thai hồng, mộc tuyền, mộc khăm, đài bắc tám, 314 vv..., cho đến nay, đồng bào đã gây

được một tập đoàn giống lúa rất phong phú, ổn định và có năng suất cao, bao gồm cả giống địa phương, giống nhập nội và giống do viện cây lương thực Việt Nam lai tạo.

Cùng với cây lúa là ngô, khoai, sắn... Đó là nguồn lương thực cho con người trong những kỳ giáp hạt, đồng thời cũng là nguồn thức ăn chính để phát triển chăn nuôi. Những khu đồi trọc, soi bãi...được khai phá và biến thành những bãi khoai, nương sắn xanh tốt. Xưa kia, khi những vùng ven thị xã còn là những khu rừng cây rậm rạp, con người ở đây phải chống loài thú dữ để bảo vệ, và phát triển hoa màu. Ngày nay, ngô, khoai, sắn... là những loại cây hoa màu chính đã đứng vững trên địa bàn thành phố.

Ngoài cây lương thực và hoa màu, là cây chè. Trên đất nước Việt Nam, hầu như địa phương nào cũng có chè, nhưng không đâu có thể sánh được với chè Thái. Cây chè là một đặc sản của Thái Nguyên. Với hương vị thơm ngon, từ lâu chè Thái - nhất là chè Tân Cương - đã từng nổi tiếng khắp cả nước. Chè Tân Cương có mầu sắc xanh trong, vị đậm ngọt và hương thơm mát, khác hẳn chè ở các nơi khác. Cái hương vị thơm ngon đặc biệt đó không phải chỉ do chất đất vùng này tạo nên, mà còn do kỹ thuật sao chè của người dân ở đây. Bao nhiêu đời nay, chè Thái vẫn giữ được hương vị có một không hai đó.

Cư dân thành phố Thái Nguyên phần lớn là từ muôn nơi chuyển đến. Họ mang theo cả kinh nghiệm tổ chức làm ăn cũng như các ngành nghề cổ truyền ở quê hương cũ. Từ đời này sang đời khác, do có sự trao đổi kinh tế - văn hóa giữa các vùng và giữa các vùng dân tộc, thành phố Thái Nguyên ngày càng trở thành một khu vực có nhiều ngành sản xuất đa dạng, phong phú.

Bên cạnh những nghề thủ công cổ truyền như đan lát, rèn đúc nông cụ, nung vôi, làm gạch..., còn xuất hiện các cơ sở thủ công và tiểu thủ công nghệ như xưởng dệt thảm, làm mành cọ, mành trúc, xí nghiệp gạch vôi, xưởng xẻ, các xí nghiệp cơ khí...Đến nay, trên địa bàn thành phố có cả một hệ thống các ngành công nghiệp nặng

và công nghiệp nhẹ của địa phương, không kể các cơ sở công nghiệp do Trung ương quản lý.

Hoạt động thương mại cũng ngày càng mở rộng. Từ thế kỷ XV, tuần sở Đồng Mỗ đã được lập ra, có chợ buôn bán,. có phường sản xuất thủ công. Vùng nông thôn bao quanh cũng dần dần hình thành và mở rộng. Đến thế kỷ XVIII, tuần sở Đồng Mỗ phát triển thịnh vượng, trở thành trung tâm buôn bán giữa các vùng. Phong cảnh nơi đây thật là hữu tình. Nhà thơ đương thời Ngô Thì Sĩ ghi lại mấy dòng sau đây:

"*Một dải non xanh trông xuống làn nước biếc,*

chấn biên thành mà có cảnh đẹp như thế này cũng ít có.

Cửa hàng buôn bán, phố xá người ở có những nhà cái cao cái thấp.

Sở thuế tuần, thuyền khách buôn ở trên bến, dưới nước"

Dưới triều Nguyễn, việc buôn bán trong tỉnh thành có phần phát triển nhưng cũng còn bó hẹp ở bến Đồng Mỗ. Mặt hằng trao đổi với bên ngoài chủ yếu chỉ là lâm thổ sản. Đến khi thị xã Thái Nguyên được hình thành và mở rộng, một số cơ sở dịch vụ và hiệu buôn xuất hiện. Việc trao đổi hàng hóa ở trong thị xã và giữa thị xã với bên ngoài tăng lên cùng với sự ra đời và phát triển tầng lớp tiểu thương (1).

Ngày nay, hoạt động thương mại trong thành phố phát triển thành một mạng lưới mậu dịch, hợp tác xã mua bán và các cửa hàng dịch vụ thuộc đủ các ngành nghề khác nhau. Hàng hóa trao đổi rất phong phú. Con người rất năng động và tháo vát.

Trong quá trình lao động sản xuất và đấu tranh chế ngự thiên nhiên, nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên đã sáng tạo một nền văn hóa rất nhiều mầu nhiều vẻ.

---

(1) Thời thuộc Pháp, thị xã Thái Nguyên có 13 cầu chợ, làm nhiệm vụ trung chuyển, giao lưu hàng hóa trong vùng rừng núi phía bắc.

Với đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, từ thời xưa đồng bào đã xây dựng nên những công trình thủy lợi, tuy còn nhỏ bé và thô sơ, nhưng rất phù hợp với việc tưới nước ruộng. Đó là hệ thống phai đập, mương máng. Đồng bào biết tự chế tạo những công cụ thích hợp như cầy, cuốc, liềm, hái... cho đến các loại súng, nỏ để săn bắn thú rừng. Đáng chú ý nhất trong quá trình lao động sáng tạo nền văn hóa vật chất của đồng bào các dân tộc ở vùng này là các công trình kiến trúc, các công trình văn hóa nghệ thuật.

Những ngôi đền, chùa xây dựng cách đây hàng mấy thế kỷ, nay vẫn giữ được vẻ độc đáo, với những nét bài trí khá tinh xảo, thể hiện một trình độ phát triển k há cao về nghệ thuật kiến trúc cũng như về đầu óc thẩm mĩ.

Ngoài văn hóa vật chất, đồng bào các dân tộc còn có một đời sống văn hóa tinh thần rất phong phú, đa dạng, bao gồm nhiều yếu tố tích cực, lành mạnh và trong sáng, nhưng vẫn có những yếu tố tiêu cực, lạc hậu.

Hầu hết các dân tộc cư trú trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đều có hình thức tôn giáo tín ngưỡng căn bản giống nhau. Tôn giáo tín ngưỡng, nẩy sinh trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, văn hóa khoa học thấp kém, được bọn thống trị lợi dụng để phục vụ lợi ích của chúng.

Từ những quan niệm, tín ngưỡng khác nhau, người ta sinh ra các loại bói toán, cầu cúng...vừa phức tạp, vừa tốn kém... Hàng ngũ những người làm nghề thầy cúng, thầy bói xuất hiện và tăng lên, nhất là khi tam giáo (1) thâm nhập vào đời sống các dân tộc thiểu số.

---

(1) Tam giáo: là những tôn giáo của xã hội có giai cấp, gồm có: Đạo giáo, Phật giáo và Khổng giáo.

Phật giáo du nhập vào xã hội nước ta từ rất sớm. Phật giáo cho rằng, lý tưởng con người là được siêu thoát, tức là đến được chỗ hoàn toàn hư tịch, gọi là cõi "Niết bàn". Do vậy, đạo phật chủ trương xuất thế, thoát ly khỏi cuộc sống thực tại để truy cầu một cuộc sống huyền ảo, xa xăm. Thái độ của Phật giáo đối với đời là thái độ bi quan, yếu thế...

Từ sau cách mạng tháng Tám, nhất là từ khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng lên. Các tệ nạn xã hội, kể cả nạn mê tín dị đoan, nhờ đó cũng được xóa bỏ từng bước trong nhân dân.

Ngoài những hình thức tôn giáo tín ngưỡng là những mặt đem lại tác dụng tích cực, phải nói tới những giá trị tinh hoa, tích cực được chứa đựng trong văn học nghệ thuật dân gian của đồng bào các dân tộc. trải qua nhiều thế hệ, dù có nhiều biến đổi, có những lúc đứng trước âm mưu đồng hóa của giặc ngoại xâm, nhưng dòng văn học nghệ thuật dân gian đậm đà mầu sắc dân tộc vẫn được bảo tồn, ngày càng bền vững, thể hiện sức sống vô địch và ý chí quật cường của những người dân sống trên mảnh đất này.

Mỗi dân tộc có những nét sắc thái riêng và phong cách thể hiện, nhưng trong kho tàng văn học nghệ thuật dân gian của các dân tộc đều có nội dung tư tưởng, tình cảm căn bản giống nhau. Đó là một nền văn học nghệ thuật do nhân dân lao động sáng tạo nên trong quá trình sản xuất và chiến đấu, nhằm phục vụ cho cuộc sống của mình. Nó ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên của quê hương, xứ sở; ca ngợi tình yêu chung thủy của lứa đôi, tính tình hồn nhiên, giản dị cũng như đức tính cần cù và dũng cảm của người lao động.

---

tiếp chú thích trang 15.

So với Phật giáo, đạo thiên chúa vào nước ta muộn hơn nhiều, bắt đầu từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam. Sau khi thực dân Pháp đặt được ách thống trị ở nước ta, tiếp trang 16tại miền núi, nhất là ở thị xã, thị trấn, một số nhà thờ Thiên chúa giáo mọc lên. Tại Thái Nguyên, nhà thờ đầu tiên được xây dựng vào năm 1894 ở Nhã Lộng (Phú Bình). Đến năm 1896, tòa giám mục Bắc Ninh cử một cha cố về thái Nguyên để xây dựng xứ đạo (tức là khu nhà thờ hiện nay ở phường Trưng Vương). Về sau này vào năm 1943, tòa giám mục Bắc Ninh lại cử linh mục (Nguyễn Văn Chiêu) về Tân Cương để mở xứ lẻ. Ngoài người Việt và người Hoa, một số người, thuộc các dân tộc khác cũng đến nhà thờ. Tuy theo đạo, nhưng phần lớn đồng bào không hiểu biết gì lắm về đạo, mà động cơ chính là vì kế sinh nhai, theo đạo để được lĩnh canh ruộng đất của nhà chung.

Nó đả kích những sự bất công, thối nát trong xã hội cũng như những đồi phong bại tục của giai cấp thống trị. Đồng thời, nó cũng nói lên ước vọng của đồng bào muốn vươn tới một cuộc sống hạnh phúc, ấm no. Một số truyện cổ tích (như truyện "Trăm trứng", "Thánh Gióng", Thạch Sanh"... của người Việt, truyện "Quả bầu", Pú Luông - Già Cải", "Vua Giáng", "Cẩu chúa cheng vua"... của người Tày; truyện "Quả bầu"... của người Cao Lan - Sán Chi v.v...) được lưu truyền qua các thế hệ nhằm ghi lại các sự kiện lịch sử, biết ơn những người có công xây dựng quê hương, giáo dục tinh thần đoàn kết tương thân tương ái giữa các dân tộc.

Cùng với quá trình lao động xây dựng quê hương, bảo tồn và phát triển nền văn hóa dân tộc, với ý chí đoàn kết, thiết tha với độc lập tự do và thống nhất tổ quốc, những người dân ở đây trước sau vẫn một lòng kiên trinh, bền gan chiến đấu chống giặc ngoại xâm, chống mọi thế lực phong kiến cát cứ, góp phần làm rạng rỡ thêm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Ngay từ buổi đầu công nguyên, dưới ngọn cờđại nghĩa của hai nữ anh hùng dân tộc Trưng Trắc và Trưng Nhị, dân chúng bái quận Giao Chỉ và Cửu chân nổi dậy khởi nghĩa, lật đổ ánh thống trị của nhà Hán, giành lại quyền làm chủ trong 65 thành trì.

Từ thế kỷ thứ X, sau khi khôi phục được nền độc lập, chế độ phong kiến Trung ương tập quyền Việt Nam ngày càng được củng cố. Ý thức về một quốc gia thống nhất và sự gắn bó giữa các dân tộc trên một lãnh thổ quốc gia thống nhất ngày càng tăng cường. Cũng vì thế, việc tham gia của dân tộc vào công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước lại càng tích cực hơn.

Dưới triều Lý, trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống (thế kỷ XI), Lý Thường Kiệt đã huy động tới 5.000 quân người dân tộc thiểu số (1). Các đội quân miền núi dưới sự chỉ huy

---

(1) Lã Văn Lô: "Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước" - NXBKHXH- HN 1973 trang 76.

trực tiếp của các tù trưởng địa phương, trở thành những đội quân xung kích, vượt qua biên giới đánh phá các trại quân Tống theo kế hoạch tấn công để tự vệ của Lý Thường Kiệt.

Với truyền thống yêu nước, các dân tộc Thái Nguyên hăng hái tham gia dưới nhiều hình thức vào cuộc kháng chiến. Tiêu biểu cho sự đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên là công lao của Dương Tự Minh.

Dương Tự Minh là người làng Quán triều. Ông được triều Lý giao cho cai quản phủ Phú Lương. Vua Lý Anh Tông lại gả công chúa Thiều Dung cho Tự Minh và phong ông làm phò mã lang.

Tin cẩn vào tài năng và đức độ của Dương Tự Minh, vào những năm 90 của thế kỷ XI, vua Lý Anh Tông giao cho ông trọng trách ổn định và củng cố vùng đất Quảng Uyên mới giành lại từ tay nhà Tống. Ông đã cùng với các bộ tướn g của mình là Nguyễn Hữu Mai và Lý Nghĩa Minh lãnh đạo nhân dân vùng biên giới đập tan cuộc quấy phá, xâm lấn của quân Tống do Đàm Hữu Lượng cầm đầu. Nhờ đó, nhân dân địa phương được sống trong cảnh thanh bình.

Là một viên quan yêu nước, Dương Tự Minh không chỉ có uy tín trong nhân dân Phủ Phú Lương - nơi ông từng cai quản - mà còn có công lớn trong việc bảo vệ lãnh thổ quốc gia cũng như trong việc mở rộng mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc vùng biên cương phía bắc quốc gia Đại Việt thời ấy. Sau khi Dương Tự Minh mất, để tưởng nhớ ơn đức của ông, nhân dân địa phương lập đền thờ ông tại chân núi Đuổm (nay thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái). Triều đình nhà Lý phong ông là "uy viễn đôn tĩnh cao sơn quảng độ chi thần". Các triều đại sau đó đều có sức truy phong ông là "cao sơn quý minh". Theo truyền thuyết dân gian để lại, tại Gia Sàng, nhân dân địa phương cũng lập đền thờ công chúa Thiều Dung - người vợ của Dương Tự Minh (tức đền Xương Rồng).

Sau khi nhà Lý sụp đổ, nhà Trần lên thay (năm 1226), mở ra

một thời kỳ phát triển mới của xã hội nước ta. Dưới triều Trần Thái Tông (1226-1256) và Trần Nhân Tông (1279-1293), dân tộc ta trải qua ba cuộc kháng chiến anh hùng chống quân Mông - Nguyên xâm lược. Các cuộc kháng chiến thắng lợi đã nâng cao vị trí của nhà Trần trong lịch sử, đồng thời góp phần tô điểm thêm niềm tự hào và ý thức dân tộc của nhân dân ta. Trong ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông, cùng với toàn dân cả nước các dân tộc Thái Nguyên đã tích cực tham gia bằng mọi hình thức khác nhau, góp phần đem lại chiến thắng hiển hách. Cuộc xâm lăng của quân Nguyên-Mông bị đẩy lùi. Trên đường rút chạy, khi qua các tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên, chúng tàn phá, cướp bóc, gây nên nạn đói khủng khiếp sau chiến tranh.

Vào cuối thế kỷ XIV, đất nước ta ở trong tình trạng rối ren, phức tạp. Hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, đói kém...kế tiếp diễn ra, đem lại những hậu quả bi thảm tại Thái Nguyên, Lạng Sơn, khiến cho dân chúng nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa. Nhà Trần mục nát và sụp đổ . Nhà Hồ chiếm đoạt ngôi vua, trị vì đất nước trong một tình hình kinh tế - xã hội đầy dẫy mâu thuẫn và khó khăn.

Lợi dụng tình hình đó, nhà Minh - một triều đại phong kiến phương bắc - đem quân sang xâm lược nước ta (11/1406). Vì cơ sở chính trị yếu ớt, không đủ sức để phát động được một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có sự tham gia đông đảo của nhân dân, cho nên chỉ sau nửa năm chốngđỡ, nhà Hồ thất bại. Đất nước ta rơi vào tay quân xâm lược Minh. Khắp nơi trong nước, nhân dân ta sống trong cảnh lầm than, tang tóc:

"Thui dân đun trên lò bạo ngược

Vùi con đỏ dưới hố tai ương...

Tát khô nước Đông hải, khôn rửa sạch tanh hôi.

Chẻ hết trúc Nam sơn khó ghi đầy tội ác..."

Những lời tố cáo đanh thép ấy của Nguyễn Trãi trong "Bình

Ngô Đại cáo" đã tóm tắt cả những tội ác tầy trời của quân Minh trong vòng 20 năm đô hộ trên đất nước ta.

Tại Thái Nguyên, quân Minh đi tới đâu chúng đều tàn phá, cướp bóc đến đấy. Chúng còn dùng thủ đoạn lừa bịp, phao tin trong dân chúng, cốt làm cho mọi người tưởng rằng quân Minh sang nước ta với mục đích vô tư là giúp phục hồi nhà Trần. Chúng cho thả xuống sông Cầu và sông Công những tấm thẻ viết lời tuyên bố "hòa bình". bịp bợm đó.

Căm thù quân cướp nước bạo tàn, nhân dân ta ở tất cả các địa phương đều nổi dậy khởi nghĩa. Đầu năm 1408, dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang và Nguyễn Đa Bí, nhân dân trong vùng nổi dậy chống lại giặc Minh. Những năm sau, phong trào đấu tranh lan rộng dưới sự lãnh đạo của Chu Sự Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân. Nghĩa quân Ông Lão Lập căn cứ ở Đồng Hỷ và lan rộng ra phía tây bắc Phổ Yên, được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của các dân tộc Thái Nguyên trong thời kỳ này là những hoạt động của nghĩa quân "áo đỏ". Xuất phát từ Thái Nguyên, phong trào "áo đỏ" mở rộng địa bàn hoạt động ra các vùng xung quanh. Suốt 17 năm ròng rã, bám chắc vào rừng núi, lúc ẩn, lúc hiện, phong trào loang dần ra cả miền Việt Bắc, Tây Bắc, xuống đến tận vùng rừng núi Thanh Hóa - Nghệ An . Được nhân dân các dân tộc che chở, ủng hộ, nghĩa quân "Áo đỏ" đã gây cho địch nhiều tổn thất, "làm cho chúng không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền núi rừng bao la của ta" (1).

Sau khi nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu đánh đuổi được giặc Minh, đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ về các mặt. Nhưng đến đầu thế kỷ XVI, xã hội triều Lê bắt đầu suy

---

(1) Lịch sử Việt Nam - tập I - NXB khoa học xã hội - HN- 1971 trang 239.

yếu Nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến diễn ra gay gắt.

Năm 1527, tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế, gây sức ép phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc. Tình hình đó làm gay gắt thêm các mối xung đột giữa các phe phái, dẫn đến tình trạng cát cứ và nội chiến lâu dài.

Giữa thế kỷ XVI, đất nước ta bị chia làm hai miền: từ Thanh Hóa trở ra thuộc bộ Mạc (Bắc Triều); từ Thanh Hóa trở vào thuộc họ Trịnh (Nam Triều): Trịnh, Mạc phân tranh, đánh nhau kéo dài trên nửa thế kỷ. Thái Nguyên là một trong những nơi trở thành bãi chiến trường (2). Sách "Đại Việt sử ký toàn thư" chép rằng: " Các xứ Kinh Bắc Thái Nguyên, Lạng Sơn can qua rất động". Con cháu nhà Mạc liên tục nối dậy chiếm cứ khắp nơi. Uy vương Mạc Kính Dung chiếm giữ Thái Nguyên. Đi tới đâu, nhà Mạc đều bắt dân chúng xây thành đắp lũy (3). Hành động của Nhà Mạc đi ngược với xu thế phát triển của lịch sử dân tộc, ngược với ý nguyện của toàn dân mong muốn duy trì và củng cố một quốc gia thống nhất. Đó là một trong những nguyên nhân khiến cho nhà Mạc không có chỗ dựa trong nhân dân, đi đến chỗ thất bại trước cuộc tiến công của nhà Trịnh.

Trải qua hơn nửa thế kỷ chịu bao tai họa do cuộc chiến tranh giữa nhà Mạc và nhà Trịnh gây ra, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tỏ rõ thái độ bất bình và nổi dậy chống đối. Sách "Đại Nam nhất thống chí" chép rằng: một viên quan dưới triều Lê là phó tướng Nông quận công Trần Đăng Minh cùng con là triều liệt đại phu tăng Bình quận công đã tập hợp lực lượng đánh nhau với nhà Mạc. Cả hai cha con đều tử trận. Nhân dân địa phương tỏ lòng ngưỡng mộ, lập đền thờ tại Đồng Mỗ (gọi là đền Trần Quận Công).

(2) Núi Tiện (xã Gia Sàng) có đường hình xoáy trôn ốc chạy từ chân núi tới đỉnh. Đó là nơi luyện quân , đua ngựa của nhà Mạc.

(3) Thành nhà Mạc đến nay vẫn còn di tích ở núi Voi, Đồng Mỗ, Lưu xá.

Sau khi bị quân trịnh đánh bại, nhà Mạc rút lên phủ Cao Bằng, chiếm giữ 4 châu; Thượng Lung, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên. Đến năm Vĩnh Trị thứ hai (1677), nhà Trịnh liên tục đem quân lện Cao Bằng tiến đánh nhà Mạc. Nhà Mạc phải chạy sang nhà Thanh (Trung Quốc). Đất 4 châu vào tay nhà trịnh, được đặt riêng thành trấn cao Bằng.

Bước vào thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến đàng ngoài khủng hoảng nghiêm trọng. Khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra. Đến thế kỷ XIX, từ thời Nguyễn Gia Long trở đi, mâu thuẫn xã hội ngày càng trở nên sâu sắc hơn. Nông dân vẫn tiếp tục nổi dậy khởi nghĩa suốt từ Bắc chí Nam. "Năm 1803, các dân tộc thiểu số miền núi phía bắc, nhất là trấn Thái Nguyên nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa" (1). Tại Thái Nguyên,cuộc khởi nghĩa lớn do Dương Đình Cúc lãnh đạo, diễn ra suốt 18 năm (1806-1824), làm cho triều Nguyễn thêm lúng túng.

Năm 1833, khởi nghĩa Nông Văn Vận bùng nổ. Đây là một phong trào đấu tranh chống chế độ phong kiến nhà Nguyễn phản động, có quy mô hết sức to lớn của nhân dân các dân tộc Việt Bắc. Từ căn cứ xuất phát tại huyện Bảo Lạc (Cao Bằng), nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động, đánh chiếm tỉnh thành Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, và nhanh chóng lan khắp miền núi Việt Bắc và uy hiếp nhiều vùng khác như Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hà Bắc. Lực lượng nghĩa quân đông đến hàng vạn người, bao gồm nhiều thành phần dân tộc tham gia. Nhân dân Thái Nguyên cũng hăng hái sung vào các đội quân ứng nghĩa, góp phần làm cho thanh thế nghĩa quân thêm mạnh. Một bài hát lượn phổ biến ở Cao Bằng đã kể rằng:

---

(1) Lịch sử Việt Nam - tập I - sách đã dẫn - trang 382.

"Lại nói về ông Vân đất ấy

Chiến binh tướng vừa được mười nghìn

Chiêu quân xứ Thái, xứ Tuyên.

Chiêu về tuyển tập tướng hùng quân uy".

Triều Nguyễn đã tổ chức 3 lần tiến quân đàn áp cuộc khởi nghĩa. Đến năm 1835, cuộc khởi nghĩa kết thúc. Sự khủng bố điên cuồng, tàn bạo của quan quân nhà Nguyễn không thể dập tắt được tinh thần chiến đấu, trái lại càng thổi bùng ngọn lửa căm thù trong nhân dân đối với chế độ phản động nhà Nguyễn.

Lợi dụng sự suy yếu của xã hội phong kiến Việt Nam, từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Thái độ hèn nhát, đầu hàng của vua quan triều Nguyễn là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng và đặt bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nam bộ, Trung bộ và đồng bằng Bắc bộ, thực dân Pháp bắt đầu đem quân đánh chiếm các tỉnh miền núi phía bắc.

Ngày 19/3/1884, từ Bắc Ninh, quân Pháp tràn sang đánh chiếm thành Thái Nguyên. 2000 quân Thanh (Trung Quốc) bỏ chạy, nhưng quân xâm lược đã vấp phải cuộc chiến đấu mãnh liệt của nhân dân các dân tộc cùng với 600 quân của triều đình. Chính bọn thực dân đã phải thú nhận điều đó. Tuy nhiên, do lực lượng so sánh quá chênh lệch, lực lượng nhân dân không được tổ chức chặt chẽ, thiếu hẳn sự lãnh đạo chung, cho nên thành Thái Nguyên đã bị hạ. Mặc dù vậy, quân Pháp vẫn chưa dám chiếm đóng trong thành; công cuộc chinh phục vẫn còn phải tiếp tục" (1). Ngày 21/3/1889 tướng

---

(1) Esina (Echinanc): "Lịch sử chính trị - quân sự tỉnh Thái Nguyên - Bản đánh máy - trang 19 - (Lưu tại ban NCLSĐ Bắc Thái).

Bonic đơ Lit hạ lệnh cho quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên về Bắc Ninh. Mãi đến 10/5/1884, trung tá Đon-niê (Đonnier) chỉ huy Bắc Ninh mới được lệnh chiếm đóng hẳn Thái Nguyên. Cũng từ đó, chúng biến nơi này thành điểm xuất phát tiến đánh một số huyện miền núi trong tỉnh, như Chợ Mới (Phú Lương), Chợ Chu (Định Hóa). Trong quá trình này, quân Pháp không những chỉ gặp phải sự chống cự kiên cường của nhân dân các dân tộc do các thủ lĩnh địa phương lãnh đạo, tiêu biểu là Bá Kỳ (Phùng Bá Chí) ở Chợ Mới, mà còn phải lo đối phó với những hoạt động kháng cự của nhân dân ở trong và vùng ven thị xã Thái Nguyên. Những hoạt động này có tác dụng kiềm chế quân Pháp, không cho chúng dễ dàng tập trung lực lượng đánh chiếm các địa phương khác. Cũng vì lẽ đó mà trong suốt 3 năm (1886-1888), quân Pháp ở Thái Nguyên không thể đánh rộng ra được các vùng xung quanh. Cho đến ngày 17/1/1889, binh đoàn Boócenhi Đêboóc (Borgrij Desbocdes) mới chiếm được Chợ Mới; và ngày 2/2/1889, chúng chiếm được Chợ Chu.

Chương I

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC, BÓC LỘT, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-8/1945)

I- Thị xã Thái Nguyên dưới ách thống trị của thực dân Pháp

Sau khi đánh chiếm được thị xã Thái Nguyên, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị, do một tên võ quan đứng đầu. Cho tới ngày 1/10/1892, chúng tổ chức bộ máy cai trị dưới hình thức dân sự. Bắt đầu từ đó, những tên thực dân cáo già lần lượt thay nhau làm công sứ - một chức quan cai trị nắm mọi công việc chính trị, quân sự, tư pháp, kinh tế, văn hóa - xã hội ở trong tỉnh.

Thị xã Thái Nguyên thời bấy giờ gồm 3 khu phố, nằm trên một diện tích không rộng lắm, là nơi chiếm đóng, kìm kẹp của các thế lực thống trị phản động. Đó là những dinh công sứ, nhà tỉnh trưởng, huyện đường Đồng Hỷ, trại lính, nhà tù, ty cảnh sát và nhiều công sở khác. Nhân dân thị xã sống nghẹt thở bởi các công cụ bạo lực thực dân, phong kiến.

Về quân sự, thực dân Pháp tập trung ở thị xã một lực lượng gồm 200 lính Âu tinh nhuệ, hơn 200 lính khố xanh, khố đỏ; ngoài ra còn có gần 200 cảnh sát và lính cơ để bảo vệ các công sở. Đó là chưa kể những lực lượng có võ trang nằm trong các sở kiểm lâm, thuế quan...

Ở các tổng và các xã còn có lính dõng dùng để trấn áp nhân dân và đốc phu, thu thuế. Trong các đồn điền và các ấp, thực dân Pháp cho lập các đội võ trang riêng.

Bộ máy thống trị và lực lượng quân sự nói trên của thực dân Pháp là công cụ để khủng bố, đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân ta.

Về chính trị, thực dân Pháp tìm mọi cách phá hoại khối đoàn kết, thống nhất dân tộc. Chúng kiểm soát chặt chẽ từng khu phố cho tới các làng, ấp. Cực khổ nhất lúc đó là những người dân tá điền. Họ vừa phải chịu sự o ép của bọn chủ, cai ký, lý trưởng, chánh tổng ở các xã, tổng như bao người dân khác.

Về kinh tế, ngay sau khi xây dựng bộ máy chính quyền, thực dân Pháp ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta. Nguồn thu lớn nhất cho ngân sách của chính quyền thực dân lúc này là thuế. Nếu tính trong toàn tỉnh, năm 1931 với hơn 8 vạn dân, thực dân Pháp đã bòn rút tới 386.443 đồng tiền thuế (1). Bằng mọi thủ đoạn, thực dân Pháp tìm cách tăng nhanh mức thuế các loại để đáp ứng các khoản chi tiêu và bù đắp những chỗ hao hụt trong cơn khủng hoảng kinh tế. Riêng thuế điền thổ, chúng dùng sở điện chính kiểm tra, lập sở điền bạ để làm cái mà chúng gọi là "xác định quyền sở hữu ruộng", thực chất là tăng khống diện tích bắt dân phải chịu. Công sứ Thái Nguyên - Esina (Echinaro) đã thú nhận: "Chúng tôi tăng thuế không phải bằng cách tăng mức thuế mà bằng cách buộc phải trả một số thuế tối thiểu về những diện tích cao hơn nhiều so với các lời khai của kỳ mục" (2). Bởi vậy, từ năm 1920 đến 1930, thuế trực thu bao gồm thuế ruộng và thuế thân tăng gấp hơn 2 lần (110%).

Thuế thân là thứ thuế dã man, vô nhân đạo nhất, đánh vào đầu người đàn ông từ 18 tuổi trở lên. Đó là một thứ thuế có từ thời phong kiến. "Từ năm 1884, chính phủ bảo hộ thành lập, lợi dụng

---

(1) Nếu tính 25 đồng 1 tấn thóc theo thời giá lúcđó thì số tiền trên tương đương với 15.457,7 tấn thóc.

(2) Esina (Echinaro); "Tiểu chí Thái Nguyên" - tài liệu lưu tại ban NCLSD tỉnh Bắc Thái.

ngay cách đánh thuế đinh và phát thẻ tùy thân của chế độ phong kiến Việt Nam làm một lợi khí xoay tiền cho công quỹ và kiểm soát dân sinh " (3).

Từ năm 1931 , để bù vào sự thiếu hụt trong ngân sách Đông Dương, thực dân Pháp đã bổ thêm 15% khoản phụ thu vào thuế thân và thuế ruộng. Tại thị xã Thái Nguyên, thuế thân tăng 2,5 lần (4).thuế thổ trạch tăng 2,6 lần so với năm 1920.

Cùng với việc vơ vét bằng thuế khóa, thực dân Pháp đã trắng trợn cướp đất của nông dân để lập đồn điền. Hầu hết ruộng đất của thành phố Thái Nguyên ngày nay, dưới thời thuộc Pháp đều nằm trong các đồn điền của người Âu, như Kép le (Képppphr), Bécna Hiếu (Bernarơ Hiếu), Gieông (Jaillon). Chỉ riêng 3 đồn điền này đã chiếm tới 6.144 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 1.811 ha (1). Ngoài ra, bọn thực dân còn cấp đất cho một số binh lính hồi hương sau chiến tranh thế giới lần I , (1914 - 1918), lập ra các ấp di thực, như ấp vùng Ỷ La (2) gồm 3 làng: tân Cương, Tân Thành, Thịnh Đức.

---

(3) Trường Chinh - Võ Nguyên Giáp : "Vấn đề dân cày" - NXB Sự thật - Hà Nội - 1959 - trang 58.

(4) Tính trung bình mỗi suất thuế thân là 2,875 đồng; trong khi đó, giá cả thị trường trên một số mặt hàng lương thực, thực phẩm lúc đó như sau: - gạo loại I : 5,3 đ/tạ, loại II: 5đ/tạ: loại III: 4,6 đ/tạ.

- Thịt lợn : 0,6 đ/kg; thịt gà: 0,5đ/kg.

(1) Về thời gian thành lập, vị trí và quy mô của các đồn điền này như sau: Đồn điền Kép le cách tỉnh lỵ 2 km về phía tây nam; trung tâm là Đồng Quang, do 3 đồn điền hợp lại: đồn điền Cunăng (903 ha, thành lập 13/4/1923); đồn điền Cunăng và Dunesnay (288 ha, thành lập 13/4/1923); đồn điền Kép Le thành lập 11/1/ 1937. Diện tích đồn điền Képle (hợp nhất) là 1.650,48 ha (trong đó có 471 ha lúa, 4 ha chè); cư dân có 140 hộ (180 đàn bà, 220 đàn ông, 300 trẻ em).

- Đồn điền Bécna Hiếu thuộc tổng Túc Duyên, cách tỉnh lỵ 2 km về phía tây nam, gồm 4 đồn điền hợp lại. Diện tích canh tác là 700 ha; cư dân có 120 hộ (150 đàn ông, 80 đàn bà, 50 trẻ em).

- Đồn điền Gia-ông (Jaillon) : cách tỉnh lỵ 2 km về phía đông bắc, trung tâm là Đồng Bẩm; thành lập 20/2/1924 do Commaillon bán cho công ty Demenpejat, sau đó bán cho Jaillon. Jaiollon lại bán cho Nguyễn Thị Năm. Diện tích là 3.694 ha; cư dân có 210 hộ (230 đàn ông, 254 đàn bà, 401 trẻ em.

(2) Ấp này thành lập ngày 18/12/1918 do thực dân Pháp cấp cho 99 gia đình lính: Mỗi lính được hưởng 15 mẫu, được cung cấp nông cụ. Những người lính này đã mộ dân miền xuôi lên, lập ra ấp và các làng nói trên. Tổng diện tích 3 làng là 1.861 mẫu và 897 người.

Chủ đồn điền không những nắm quyền thống trị về kinh tế, mà còn cai quản cả về chính trị- xã hội trong đồn điền. Giúp việc cho chủ là những tên cai kí, đốc công.Bọn này được chủ giao cho quyền phát canh, thu tô, thuê mướn nhân công. Người nông dân vì thế phải chịu thêm một tầng áp bức bóc lột.

Chủ đồn điền còn lập ra đội vũ trang để trấn áp những người chống đối; đồng thời đặt thêm chức lý trưởng để giúp việc thu tô, Bọn cai kí, đốc công và nhiều tên lý trưởng trong các làng, ấp trở nên giàu có nhờ bòn rút không thương tiếc công sức và của cải của tá điền.

Các đồn điền ở Thái Nguyên lúc đó chủ yếu trồng lúa. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế (1929-1933), gạo bị sụt giá trên thị trường trong nước và thế giới. Sản xuất nông nghiệp ở các đồn điền nằm trong tình trạng bấp bênh. Các chủ đồn điền ở thị xã Thái Nguyên chuyển sang việc trồng cà phê và chè. Nhưng do ít vốn, kỹ thuật canh tác lại lạc hầu nên kết quả thu được không như chúng mong muốn.

Chủ đồn điền ở Thái Nguyên mới đầu kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Nhưng vì lợi nhuận thuđược thấp, nên chúng chuyển sang hình thức bóc lột cổ truyền của giai cấp địa chủ Việt Nam: phát canh thu tô.

Tại ba đồn điền Đồng Quang, Gia Sàng, Tân Cương, bọn chủ thu tô mỗi mẫu từ 8 đến 9 phương thóc (1) đối với ruộng loại I; từ 6 đến 7 phương đối với ruộng loại II; và từ 4 đến 5 phương đối với ruộng loại III. Khi thu tô, chúng dùng phương hai đáy để cướp thêm của tá điền mỗi phương gần 3 kg thóc. Nhiều gia đình gặp khó khăn, phải thuê trâu của chủ đồn điền và sau đó phải trả 10 phương thóc (nếu thuê trâu đực), 6 phương thóc (nếu thuê trâu cái) trong một vụ.

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế (1929-1933), các chủ đồn

điền trút mọi gánh nặng lên đầu người tá điền. Vào thời gian đó, mức tô hoa lợi trên mỗi hạng ruộng đất tăng từ 1 đến 2 phương. Nhìn chung, người dân tá điền ở Thái Nguyên phải chịu mức tô rất cao so với nhiều địa phương khác (2). Ngoài bóc lột địa tô hoa lợi là chủ yếu, các chủ đồn điền còn bóc lột tô lao dịch đối với người nông dân. Hàng năm, tá điền phải đến làm việc hàng chục ngày không công cho chủ. Chủ đồn điền còn thuê mướn nhân công với giá rẻ mạt trong từng công việc như làm vườn, thu hái cà phê, chè v.v..., bóc lột họ theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Ngoài ra, vào các ngày tết, ngày giỗ, tá điền phải mang lễ vật đến biếu bọn chủ. Những năm mùa màng thất bát, không còn nguồn sinh sống, tá điền phải đến vay thóc nhà giàu; vay một phải trả hai. Không đủ thóc nộp tô, không đủ tiền nộp thuế, tá điền bị bọn chủ đánh đập dã man; có người bị thương tật, nhà cửa bị phá phách hoặc bị đuổi ra khỏi đồn điền.

Ở một số đồn điền, như Gia Sàng, bọn chủ thường tìm cách đuổi những tá điền cũ hoặc những người có tư tưởng chống đối để mộ tá điền mới. Và , cứ mỗi tá điền mới đến, khi lĩnh canh phải nộp 6 đồng và làm 10 ngày không công cho chủ. Đây là một thủ đoạn xảo quyệt của chủ đồn điền, vừa nhằm bóc lột được nhiều, vừa để làm dịu mâu thuẫn giai cấp trong đồn điền.

Ngoài đồn điền, ruộng đất ở thị xã còn tập trung trong tay địa chủ, nhà thờ và những kẻ núp dưới danh nghĩa trông coi công điền, công thổ. Bọn này phát canh thu tô, bóc lột nông dân nghèo một cách thậm tệ.

Ở xã Túc Duyên, nông dân hầu hết là tá điền. Họ bị tước đoạt

---

(1) (2) - Một phương tương đương khoảng 22-25 kg thóc.Nếu tính theo ruộng loại I, tá điền phải nộp gần 220 kg thóc/mẫu. Giá thóc năm 1933 là 3,5 đ/tạ; quy thành tiền, tá điền phải trả 6đ/mẫu. Trong khi đó, tô đất ruộng loại I ở làng Hành Thiện (Nam Định) là 1,9 đ/mẫu.

hết ruộng đất. Riêng 5 địa chủ ở đây đã chiếm gần 450 mẫu; số còn lại là ruộng đất công. Xã Quang Vinh có trên 400 mẫu ruộng; địa chủ chiếm trên 100 mẫu và gần 40 mẫu công điền. Nông dân có rất ít ruộng, thường là những chân ruộng xấu, hoặc khô cằn, hoặc ngập lụt.

Người nông dân Thái Nguyên ngày trước bị bọn chủ đồn điền thực dân và giai cấp địa chủ tước đoạt gần hết ruộng đất. Trong khi đó, cơ sở công nghiệp hầu như không có gì; do đó không có khả năng tiếp nhận những nông dân bị mất ruộng đất. Trong hoàn cảnh ấy, trừ một số ít nông dân có nghề hoặc có chút ít vốn chuyển sang làm các nghề thủ công hoặc buôn bán nhỏ, còn đại bộ phận phải chấp nhận thân phận tá điền hết sức cực khổ.

Cùng với việc chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, bọn thực dân còn cướp bóc nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất. Mỏ sắt trại Cau là một mỏ lộ thiên, có hàm lượng sắt trong quặng tương đối cao. Từ những năm 1927, 1928, bọn tư bản thực dân đã tiến hành thăm dò; nhưng phải chờ đến năm 1939, chúng mới có thể tuyển mộ công nhân để khai thác. Gần 400 công nhân làm việc tại đây đã bị bọn chủ mỏ vắt kiệt sức. Với lối khai thác thủ công, cường độ lao động cao (từ 12 giờ đến 14 giờ trong một ngày), đồng lương thấp kém, cho nên tình trạng ốm đau, bệnh tật là hiện tượng phổ biến. Câu ca dao sau đây đã nói lên tình cảnh bi thảm của người công nhân mỏ dưới thời Pháp thuộc:

"Mang thân lên đất Trại Cau,

Khi về chỉ thấy đầu lâu mang về".

Trong khoảng 2 năm (1940 - 1941), tư bản Pháp đã vơ vét trên 10.000 tấn quặng sắt mang về bán cho Nhật.

Để phục vụ nhu cầu quân sự và công cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp cho xây dựng các con đường liên tỉnh: Hà Nội - Thái Nguyên - Cao Bằng (đường số 3), Thái Nguyên - tuyên Quang

(đường 2B) và thị xã Thái Nguyên - Lạng Sơn (đường 1B). Ngoài các tuyến đường trên, chúng còn xây dựng các con đường nối liền tỉnh lỵ với các huyện, các cơ sở kinh tế và các vùng xung yếu. Đường Thái Nguyên - làng Hích được xây dựng và hoàn thành trong thời kỳ khai thác thịnh đạt của thực dân Pháp ở mỏ kẽm Hích. Đường Thái Nguyên - Thịnh Đán - Sông Công dài 7 km v.v...

Với hệ thống đường bộ tương đối thuận lợi, hàng ngày có hàng chục ô tô chở khách trong và ngoài tỉnh ra vào thị xã. Việc thông thương buôn bán ở thị xã trở nên nhộn nhịp.

Cùng với đường bộ, sông Cầu là giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng đối với cuộc khai thác thuộc địa của Pháp. Hàng chục xà lan trọng tải 100 tấn xuôi ngược thường xuyên chở than từ Thái Nguyên ra Hải Phòng. Ngoài bến than ở gần đầu cầu Gia Bẩy, bến Đồng Mỗ trở thành một bến cảng sầm uất, là nơi ra vào của các loại thuyền bè, Thị xã Thái Nguyên thời đó có tới 175 thuyền buôn lớn nhỏ chuyên chở hàng hóa ra Hải Phòng.

Việc lưu thông, trao đổi hàng hóa trong thị xã ngày càng phát triển. Tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ ở thị xã ngày càng đông. Phố xá ngày càng mở rộng; nhiều dãy phố mới cùng với những ngôi nhà cao tầng được xây dựng...

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp và phong kiến tay sai tìm mọi cách kìm hãm dân ta trong vòng ngu dốt, lạc hậu. Tính đến năm 1931, toàn tỉnh Thái Nguyên chỉ có 2 trường kiêm bị con trai và 1 trường kiêm bị con gái ; tổng số học sinh là 1.435 người, chiếm tỷ lệ không đầy 2% dân số (1). Ở thị xã, chúng đặt 1 trường kiêm bị con trai và 1 trường kiêm bị con gái. Bởi vậy, tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động không được cắp sách đến trường học. Nạn mê tín dị đoan cùng với các tệ nạn xã hội khác, như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút...tự do phát triển.

Việc chăm lo , bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính

quyền thực dân - phong kiến quan tâm. Thị xã Thái Nguyên thời đó chỉ có một nhà thương, gồm : 1 khu đàn ông (30 giường), 1 khu đàn bà (30 giường) ; 1 phòng khám bệnh; 1 phòng pha chế; 1 phòng thí nghiệm nhỏ... (2). Nhà thương chủ yếu chỉ dùng để chữa bệnh cho các quan chức và binh lính trong tỉnh. Vì thế, các bệnh dịch thường xảy ra, đe dọa sức khỏe và tính mạng của nhân dân.

Tóm lại, dưới thời thuộc Pháp, cuộc sống của nhân dân ta, nhất là nông dân và dân nghèo thành thị hết sức cơ cực. Đó chính là nguyên nhân cơ bản thúc đẩy nhân dân ta liên tiếp vùng dậy đấu tranh để giành độc lập, tự do.

Trong những năm từ 1888 đến 1895, Phùng Bá Chi (tức Ba Kỳ) đã tổ chức phong trào kháng chiến chống Pháp, tập hợp đồng bào các dân tộc vùng phía Nam Bắc Cạn và phía Bắc thị xã Thái Nguyên. Được nhân dân giúp đỡ, nghĩa quân Ba Kỳ đã uy hiếp địch ngay trong thị xã.

Tiếp theo cuộc nổi dậy của nghĩa quân Ba Kỳ, Mã Sình Long cũng tập hợp lực lượng hoạt động mạnh ở vùng Chợ Mới, Phú Lương đến tận phía Bắc Quán Triều, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân thị xã.

Hưởng ứng phong trào nông dân Yên Thế, nhiều nơi trong tỉnh, như Phổ Yên, Võ Nhai, Đại Từ.... các tầng lớp nhân dân tổ chức hoạt động chống Pháp.

Tất cả những phong trào trên đều góp phần nâng cao ý thức dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân thị xã, kể cả anh em binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Bất bình với chính sách phân biệt đối xử tàn bạo của thực dân Pháp, nhất là chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp ở

---

(1) (2) ; Esina (Echinaro): "Tiểu chí Thái Nguyên" - Tài liệu lưu trữ tại Ban NCLSĐ Bắc Thái.

thị xã Thái Nguyên dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) liên kết với một nhóm chính trị phạm do Lương Ngọc Quyến đứng đầu, đã nổi dậy khởi nghĩa vào đêm 30 rạng 31/8/1917.

Binh lính khố xanh , dưới quyền chỉ huy của Đội Cấn, ngay từ đầu cuộc nổi dậy,đã diệt được tên giám binh Pháp và tên phó quan tay sai đắc lực của Pháp. Lá cờ mang dòng chữ "Nam binh phục quốc" được dựng lên ngay trong trại lính khố xanh, 34 Lực lượng nghĩa quân nhanh chóng chiếm kho vũ khí và đạn dược, quân trang ở trong trại lính khố xanh; đồng thời giết chủ ngục, phá nhà tù, giải phóng tù nhân. Sau đó, nghĩa quân chia thành nhiều đơn vị nhỏ đánh chiếm các công sở ở thị xã, như kho bạc, sở dây thép (bưu điện), cắt đường dây điện thoại... Các tầng lớp nhân dân trong thị xã và công nhân trong các khu mỏ gần tỉnh lỵ tích cực tham gia chiến đấu và giúp đỡ nghĩa quân. Số binh lính và tù nhân vừa được giải phóng (khoảng 200 người) nhanh chóng nhập vào đội quân khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân lên tới 600 người. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Đến sáng ngày 1/9, nghĩa quân hoàn toàn làm chủ thị xã, nhưng vẫn chưa chiếm được trại lính Pháp.

Ngày 2/9, quân Pháp từ Hà Nội kéo lên, tấn công vào phòng tuyến Gia Sàng. Được nhân dân ủng hộ, nghĩa quân ở đây đã chống cự được hai ngày.Cho đến sáng 4/9, quân Pháp phá được phòng tuyến Gia Sàng và bắt đầu tổng công kích vào thị xã. Lực lượng nghĩa quân chiếm giữ ở các vị trí anh dũng chiến đấu; có cứ điểm đã hy sinh đến người cuối cùng.

Do so sách lực lượng quá chênh lệch, trước sự tấn công của quân Pháp, các phòng tuyến và nhiều cứ điểm của quân khởi nghĩa bị phá vỡ. Trưa ngày 5/9, quân Pháp chiếm được tỉnh Lỵ Thái Nguyên. Nghĩa quân phải rút khỏi thị xã, đến vùng núi Tam Đảo. Trên đường rút lui, nghĩa quân phải tổ chức nhiều trận chiến đấu chống lại lực lượng truy kích của quân Pháp.

Cuối năm 1917, địch tập trung lực lượng khủng bố; nghĩa quân bị tổn thất nặng. Trịnh Văn Cấn cùng với số quân còn lại rút về vùng núi Pháo (Đại Từ). Quân Pháp tiếp tục bao vây nghĩa quân. Cho tới tháng 3/1918, thực dân Pháp dập tắt được cuộc khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa của anh em binh lính Thái Nguyên tuy thất bại, nhưng nó đã góp phần cổ vũ tinh thần đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

IIPhong trào đấu tranh cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1930-1945).

Ngày 3/2/1930, Đảng cộng sản Việt nam ra đời. Đó là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại, là ngọn đuốc soi đường, dẫn dắt nhân dân các dân tộc Việt nam tiến lên đấu tranh giành độc lập, tự do.

Vừa mới ra đời, Đảng ta đã phát động và lãnh đạo một cao trào cách mạng sâu rộng trong toàn quốc, đỉnh cao nhất là phong trào Xô viết Nghệ -Tĩnh. Đây là một đòn giáng mạnh vào chế độ thống trị của thực dân, phong kiến.

Vượt qua thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp và phong kiến tay sai trong những năm 1932-1935, từ năm 1936 Đảng ta lại tổ chức được một cao trào đấu tranh rộng lớn, dưới nhiều hình thức phong phú, nhằm đòi các quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống cho nhân dân.

Tất cả những phong trào trên đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên. Vào thời gian đó, một số cán bộ cách mạng sau khi thoát khỏi nhà tù đế quốc,đã trở về quê tại thị xã Thái Nguyên, tiếp tục hoạt động (1) và thành lập được

---

(1) Theo báo "Đông Pháp" số 30/11/1933, Bà Triệu Thị Đính, tức Đào Thị Toan, sinh năm 1912 ở Đồng Mỏ, tổng Túc Duyên, bị kết án đày biệt xứ vì hoạt động cộng sản. Theo đồng chí Đào Văn Long, tức Ngọc Lan, bà Triệu Thị Đính là đảng viên cộng sản bị Pháp bắt ở Quảng Ninh và bị đưa về giam ở Hỏa Lò cùng với đồng chí Ba Ngọ, Ngọc Lan, Bùi Văn Tịch. Sau khi thoát khỏi nhà tù đế quốc, các đồng chí về Thái Nguyên và hoạt động ở khu vực thị xã.

Đền thờ ĐỘI CẤN tại trung tâm THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

các hội tương tế, hội ái hữu, hội truyền bá quốc ngữ... Trên cơ sở đó, các đồng cí đã xây dựng được cơ sở ở Trại Dự (thuộc đồn điền Képle) và ở trong phố (2). Những cơ sở này chính là những trạm liên lạc để nhận thư từ, báo chí cách mạng của Đảng từ Hà Nội lên Thái Nguyên (3).

Các tờ báo của Đảng, như "Tin Tức", Bạn Dân", "Dân Chúng"... được phổ biến rộng rãi, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền chủ trương đường lối cánh mạng của Đảng trong nhân dân. Phong trào học chữ quốc ngữ diễn ra khá sôi nổi, lôi cuốn các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, phụ nữ trong thị xã. Có lúc, hội truyền bá quốc ngữ đã tổ chức được 9 lớp học ban đêm thu hút được gần 100 học viên.

Tại các châu, phủ tiếp giáp với thị xã, các tổ chức cơ sở của Đảng đã vận động quần chúng hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, ký tên đòi thả chính trị phạm, đòi các quyền tự do dân chủ. Các cuộc đấu tranh chống đi phu, chống thuế diễn ra sôi nổi, nhất là ở Võ Nhai. Những phong trào có tác dụng cổ vũ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân trong thị xã, ảnh hưởng cả tù nhân trong nhà tù. Mặc dù mức độ đấu tranh còn thấp, nhưng một số phạm nhân ở nhà tù Thái Nguyên đã có hành động phản đối chế độ hà khắc trước mặt quan thống sứ, khi y đến "thăm" nhà tù, buộc y phải ra lệnh không được đánh đập tù nhân (2).

Như vậy, trong thời kỳ 1936-1939, phong trào cách mạng do Đảng tổ chức và lãnh đạo đã gây được những ảnh hưởng nhất định trong nhân dân thị xã Thái Nguyên. Mặc dù những ảnh hưởng đó

(2) Nhà đ/c Tư Phòng được chọn làm nơi hội họp, đồng thời là trạm liên lạc.

(1) Sách báo cách mạng trong thời kỳ này được đưa vào thị xã với số lượng ngày càng nhiều. Thông qua đ/c Ngọc Lan, phụ xe khách trên tuyến Hà Nội - Bắc Cạn -Cao Bằng, sách báo của Đảng từ Hà Nội được chuyển lên Thái Nguyên qua đường dây bưu điện Hà Nội - Thái Nguyên.

(2) Theo báo "Đông Pháp" - số 3604 - ngày thứ 7 - 31/7/1937.

chưa mạnh mẽ, chưa tập hợp được quần chúng vào những tổ chức cách mạng, nhưng nó là bước chuẩn bị về mặt tư tưởng cho nhân dân thị xã tham gia vào phong trào giải phóng dân tộc trong những năm sau đó.

Ngày 1/9/1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, mở màn cho cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II. Hai ngày sau, nước Pháp nhảy vào vòng chiến. Đông Dương và các thuộc địa của Pháp bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh đế quốc.

Thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách phản động về các mặt. Về chính trị, chúng ra sức khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Về quân sự, chúng thực hiện lệnh tổng động viên. Về kinh tế, chúng thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy", nhằm vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta ném vào cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Tại Thái Nguyên, chính quyền thực dân tăng mức nhiều loại thuế; trưng thu các phương tiện vận chuyển, kể cả thuyền bè; huy động mọi lực lượng phục vụ cho chiến tranh. Nhiều thanh niên khỏe mạnh bị gọi ra lính. Một số quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta vừa giành được trong thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939) đều bị chúng thủ tiêu.

Trước sự biến đổi của tình hình, hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI (11/1939) quyết định giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam.

Cuộc chiến tranh thế giới ngày càng lan rộng. Tháng 6/1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng; uy thế của Pháp bị suy sụp. Nhân cơ hội này, phát xít Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc và xâm chiếm Đông Dương.

Ngày 22/9/1940 quân Nhật từ trung Quốc tràn qua biên giới Việt-Trung, đánh chiếm Lạng Sơn. Quân Pháp ở Lạng Sơn hoảng sợ, tháo chạy theo đường 1B qua Thái Nguyên để về Hà Nội. Nắm

lấy thời cơ thuận lợi này, Đảng bộ Bắc Sơn phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa. Ngày 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Tuy bị thực dân Pháp đàn áp dã man, nhưng tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn đã vang dội khắp cả nước, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở Thái Nguyên. Được sự quan tâm của trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, đội du kích Bắc Sơn ra đời và sau đó phát triển thành Cứu quốc quân. Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai cũng hình thành từ đó,

Nhận rõ sự phát triển mau lẹ của tình hình, đầu tháng 2/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Tại Pác Bó, Người đã triệu tập và chủ trì hội nghị trung ương Đảng lần thứ VIII (từ 10 đến 19/5/41) Hội nghị hoàn toàn nhất trí với sự chuyển hướng, chỉ đạo, chiến lược cách mạng của Đảng được nêu lên trong hội nghị trung ương lần VI và VII. Trên cơ sở đó, hội nghị phân tích sâu sắc những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước, quyết định thành lập mặt trận Việt Minh, nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước chống đế quốc.

Nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng lần VIII đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng,có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của công cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta. Dưới ánh sáng nghị quyết hội nghị Trung ương lần VIII, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên có những bước phát triển mới.

Tại khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội, phong trào cách mạng vẫn tiếp tục phát triển mạnh. Cứu quốc quân mở rộng địa bàn hoạt động xuống vùng La Hiên (Võ Nhai) , Cây Thị (Đồng Hỷ).

Như vậy, một vùng tiếp giáp thị xã đã có cơ sở và phong trào cách mạng.

Trong khi đó, ở phía tây Nam thị xã, từ năm 1941, thực dân

Pháp thành lập Căng Bá Vân (xã Bình Sơn) để giam giữ các chiến sĩ cộng sản. Ngọn lửa đấu tranh cách mạng bắt đầu được nhen nhóm ở vùng này.

Có sự chỉ đạo của Xứ ủy, chi bộ căng Bá Vân đã tuyên truyền, vận động xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng ở Bá Xuyên, Bình Sơn, Tân Cương v.v... Nhiều thanh niên được giác ngộ về lý tưởng cách mạng, được huấn luyện về chương trình, điều lệ Việt Minh, đã hăng hái tham gia hoạt động trong các tổ chức Cứu Quốc. Cơ sở cách mạng ngày càng lan rộng. Đình Bá Vân (Bình Sơn) trở thành địa điểm liên lạc từ "căng" ra ngoài. Cho tới cuối năm 1942, đồng chí Trịnh Thị Tâm, cán bộ giao thông của Xứ ủy Bắc kỳ được cử lên xây dựng đường dây liên lạc giữa chi bộ "căng" với xứ ủy. Đường dây liên lạc từ "căng" ra thị xã lên căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai cũng được tổ chức. Lượng thông tin , báo chí đưa tới thị xã ngày càng nhiều, góp phần thúc đẩy công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, hình thành các hội cứu quốc của mặt trận Việt Minh trong thị xã. Ngoài hình thức tuyên truyền bằng báo chí, các chiến sĩ cộng sản trong "căng" Bá Vân còn tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, thể dục thể thao, nói chuyện...nhằm khơi dậy tinh thần đấu tranh cách mạng trong thanh niên. Nhờ đó, cho đến đầu năm 1943 , phong trào cách mạng ở thị xã có nhiều chuyển biến.

Cuối tháng 2/1943, hội nghị ban Thường vụ Trung ương Đảng đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Hội nghị nhấn mạnh đến việc xây dựng và phát triển phong trào cách mạng ở thành thị, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Quán triệt tinh thần nghị quyết hội nghị Ban thường vụ , sau khi chấn chỉnh lại lực lượng, Cứu quốc quân đẩy mạnh xây dựng cơ sở cách mạng ở các huyện trong tỉnh và ngày áp sát khu vực thị xã. Các cơ sở và phong trào cách mạng ở Khe Mo, Đoàn Kết, Cây Thị (Đồng Hỷ) được củng cố và mở rộng. Đường dây liên lạc của

Đảng từ Xứ ủy qua phía Bắc thị xã lên Võ Nhai được giữ vững.

Cùng thời gian trên, phong trào cách mạng từ Tân Cương đã phát triển tới Đồng Quang rồi lan rộng sang Quang Vinh (1). Đường dây liên lạc từ Xứ ủy qua khu an toàn II của Trung ương (trên đất Hiệp Hòa - Phổ Yên - Phú Bình) lên phía tây nam thị xã, sang vùng Đại Từ - Núi Hồng tiếp tục được củng cố.

Trong khi đó, tại căn cứ địa Cao Nằng, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. "Từ Cao Nằng phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc khi phát động đấu tranh vũ trang lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ" (2). Thực hiện chủ trương trên của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, vào cuối năm 1943, hai trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai đã nối liền với nhau, tạo thành một khu liên hoàn vững chắc. Thị xã Thái Nguyên và vùng phụ cận trở thành những đầu mối giao thông quan trọng trong việc nối liền phong trào cách mạng ở căn cứ địa Việt Bắc với phong trào cách mạng ở miền xuôi.

Vì vậy, việc xây dựng và mở rộng cơ sở cách mạng ở thị xã Thái Nguyên lúc này càng trở nên cấp thiết. Theo chủ chương của Xứ ủy Bắc Kỳ, một số chiến sĩ cộng sản ở "căng" Bá Vân và "căng" Chợ Chu được tổ chức vượt ngục (3). Ra khỏi tù, một số đồng chí được Xứ ủy phân công về tăng cường cho phong trào cách mạng ở vùng phía Tây và tây nam thị xã Thái Nguyên, nhằm giữ vững các đường dây liên lạc và mở rộng cơ sở.

Trên cơ sở phát triển các tổ chức Cứu quốc, các đội tự vệ ở một số địa phương thuộc Đồng Hỷ ra đời. Nhiều thanh niên Cứu quốc

---

(1) Do các đồng chí Ngọc Lan và Trịnh Thị Tâm phụ trách.

(2) Võ Nguyên Giáp : "Từ nhân dân mà ra" - NXB QĐND - Hà Nội 1964 - trang 34.

(3) 8 đồng chí ở Căng Bá Vân vượt ngục 22/8/1944; 12 đ/c ở căng Chợ Chu vượt ngục 11/10/1944.

ở Tân Cương, Thịnh Đán, Phúc Trìu v.v...hăng hái tham gia các lớp huấn luyện quân sự: Tại nhiều nơi trong tỉnh, nhất là ở khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt , từ sau khi có chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" (7/5/1944), của Tổng Bộ Việt Minh và lời kêu gọi "Sắm vũ khí, đuổi thù chung" (10/8/1944) của trung ương Đảng, không khí chuẩn bị khởi nghĩa trong khu căn cứ ngày càng sôi nổi. Thực dân Pháp và tay sai mở cuộc khủng bố hòng dập tắt phong trào. Trong bối cảnh đó, từ giữa tháng 11/1944 cuộc đấu tranh chống địch khủng bố diễn ra quyết liệt tại Võ Nhai.

Hưởng về cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Cứu quốc quân và đồng bào các dân tộc ở Võ Nhai, nhân dân thị xã Thái Nguyên t ổ chức quyên góp tiền bạc, muối, thuốc men... để ủng hộ Cứu quốc quân.

Cùng thời gian trên, cuộc chiến tranh thế giới lần II đang bước vào giai đoạn kết thúc. Bên châu Âu, phát xít Đức bị Hồng quân Liên Xô truy kích đến tận sào huyệt. Tại châu Á, phạm vi kiểm soát của Nhật ngày càng bị thu hẹp. Con đường biển đi từ Nhật xuống khu vực Đông Nam Á đã bị quân Đồng Minh khống chế, do đó phát xít Nhật cố giữ Đông Dương. Trong khi đó, thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đang ráo riết hoạt động và chờ cơ hội đánh Nhật. Mâu thuẫn vốn có giữa Nhật và Pháp trở nên sâu sắc, không thể điều hòa được, tất yếu phải dẫn đến chỗ "tao sống, mày chết quyết liệt cùng nhau" như Đảng ta đãdự đoán. Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính truất hẳn quyền thống trị của Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Đông Dương hoàn toàn nằm trong tay phát xít Nhật.

Đúng vào lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị mở rộng tại Đình Bảng (Từ Sơn Bắc Ninh). Trên cơ sở nhận định mục đích, tính chất của cuộc đảo chính và điều kiện mới do cuộc đảo chính gây ra, hội nghị quyết định phát

động cao trào chống Nhật cứu nước, lãnh đạo nhân dân gấp rút chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước .

Từ đó, phong trào cách mạng ở Thái Nguyên cùng với các tỉnh vùng núi phía Bắc bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ tiền khởi nghĩa. Các cuộc khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận diễn ra ở nhiều địa phương.

Tại thị xã Thái Nguyên, ngay từ lúc biết tin Nhật làm cuộc đảo chính, thực dân Pháp và tay sai hoang mang, lo sợ. Chúng đã rời bỏ thị xã, tháo chạy lên phía Bắc. Chiều ngày 10/3/1945, quân Nhật từ Hà Nội tiến lên Thái Nguyên. Bọn quan chức dân sự Pháp cùng bè lũ tai sai dưới quyền chỉ huy của tên phó sứ, vác cờ trắng xuống Gia Sàng đón quân Nhật.

Vào thị xã Thái Nguyên, phát xít Nhật nhanh chóng chiếm công sở, tổ chức chính quyền tay sai thân Nhật. Một số quan chức người Việt đã từng phụng sự thực dân Pháp, nay lại quay sang ôm chân chủ mới, tiếp tục khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Phát xít Nhật thi hành nhiều chính sách phản động. Về chính trị, chúng sử dụng bọn tay sai và các tổ chức phản động, ra sức tuyên truyền lừa bịp nhân dân ta bằng các thuyết "Đại Đông Á", "Khu vực Thịnh Vượng chung". Chúng tung bọn tay sai đi các địa phương hiểu dụ một số chức dịch lập chính quyền thân Nhật, lôi kéo thanh niên. Về kinh tế, Phát xít Nhật tiến hành thu thóc tạ, bắt nhân dân nhổ lúa trồng đay, trồng vừng...nhằm cung cấp nguyên liệu cho chiến tranh, gây ra nạn đói nghiêm trọng. Về quân sự, chúng xây dựng lực lượng bảo an, khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Tuy bị phát xít Nhật và tay sai khống chế, đàn áp, phong trào cách mạng ở thị xã và vùng phụ cận vẫn tiếp tục phát triển. Cơ sở

và phong trào cách mạng được xây dựng và mở rộng ở Tân Cương, Phúc Trìu, Thịnh Đán, Đồng Quang, Gia Sàng, Quang Vinh, Tích Lương... các đoàn thể Cứu quốc của mặt trận Việt Minh được xây dựng và phát triển nhanh chóng. Nhiều nơi đã thành lập được Ban chấp hành Việt Minh, giữ chức năng như một chính quyền cách mạng. Các đội tự vệ lần lượt xuất hiện và tổ chức trừng trị bọn tay sai thân Nhật. Lực lượng tự vệ các xã Tân Cương, Phúc Thuận... cùng với lực lượng vũ trang Đồng Hỷ đã tiêu diệt bọp cướp giả danh "Đồng minh" và bọn tay sai của Nhật, giữ vững các tuyến giao thông liên lạc của Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Trong cao trào chống Nhật cứu nước, tại một số nơi ở Thái Nguyên, như Tân Cương, Phúc Xuân... đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chống phu, chống thuế. Hầu hết các cuộc đấu tranh được tổ chức công khai, vừa có tác dụng tuyên truyền, giáo dục quần chúng rộng rãi; vừa góp phần làm thất bại chính sách bóc lột vơ vét của phát xít Nhật.

Tại các đồn điền, lực lượng tự vệ cùng với nhân dân tổ chức ngăn chặn bọn lưu manh,.nhân cơ hội "đục nước béo cò", địch vơ vét thóc gạo, tài sản mà chúng ta vừa tịch thu củacác chủ đồn điền.

Trước khí thế cách mạng sục sôi của quần chúng, nhiều chức dịch trong bộ máy chính quyền địch không dám hoạt động, một số ngả về phía cách mạng. Hệ thống chính quyền địch ở cấp cơ sở gần như bị tê liệt.

Chớp thời cơ thuận lợi đó, Ban chấp hành Việt Nam xã Tân Cương đã phát động quần chúng nổi dậy thu bằng triện của bọn hào lý, xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời. Tại các xã Cây Thị, Khe Mo, Bá Vân vv... quần chúng cũng vùng dậy đập tan chính quyền địch, thành lập Ủy ban

dân tộc giải phóng, tạo thành thế bao vây, uy hiếp đối với bộ máy thống trị của phát xít Nhật và tay sai ở thị xã. Tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở thị xã phát triển hơn trước.

Từ sau khi có nghị quyết hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ (4/1945) "đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này" (1), "phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ" (2), hoạt động quân sự ở thị xã được đẩy mạnh một bước. Các lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày liên tiếp được mở ở nhiều nơi. Tại Tân Cương, lực lượng tự vệ tổ chức luyện tập quân sự một cách công khai. Trên các ngả đường từ Thịnh Đán trở vào đến Tân Cương, Phúc Thuận, tự vệ tổ chức canh gác nghiêm ngặt nhằm ngăn chặn sự lùng sục, chống phá của giặc Nhật và tay sai, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Cùng thời gian trên, cao trào kháng Nhật cứu nước đang dâng lên mạnh mẽ trong cả nước. Những cuộc khởi nghĩa từng phần diễn ra sôi nổi ở nhiều địa phương, đẩy địch vào thế suy yếu và tan rã, vùng giải phóng không ngừng được mở rộng.

Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình trong và ngoài nước, vào đầu tháng 5/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh từ căn cứ địa Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị đại hội quốc dân. Sau khi nghe báo cáo tình hình và nhất trí với những nghị quyết, chỉ thị của hội nghị Ban Thường vụ Trung ương đảng mở rộng (họp từ 9 đến 12/3/1945), Người chỉ thị thành lập khu giải phóng ở Việt Bắc và đề ra 10 chính sách cho khu giải phóng. Thực hiện chỉ thị của Người, ngày 4/6/1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập hội nghị đại biểu 6 tỉnh : Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên để thành

---

(1) (2) Văn kiện Đảng (1939-1945) - NXB Sự Thật - Hà Nội - trang 494, 497.

lập khu giải phóng.

Sự ra đời của khu giải phóng Việt Bắc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng toàn quốc. Tại thị xã Thái Nguyên, cơ sở và phong trào cách mạng tiếp tục được mở rộng, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Nhiều thanh niên đã tìm cách liên hệ với quân giải phóng ở căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. các cuộc vận động quyên góp thóc gạo, muối ăn, thuốc men v.v... ủng hộ quân giải phóng được đông đảo quần chúng tham gia.

Ở các xã phía Nam và Tây nam thị xã, lực lượng tự vệ và tổ chức Cứu quốc đẩy mạnh các hoạt động chống Nhật cứu nước. Tại những nơi đó, Việt Minh hoàn toàn làm chủ, góp phần tạo nên hành lang chính trị nối liền Tân Trào - thủ đô khu giải phóng - với an toàn khu thứ II của Trung ương.

Các xã Phúc Thuận, Tân Cương, Thịnh Đán... trở thành đầu mối giao thông, đưa đón cán bộ lên Tân Trào. Tháng 7/1945, Ban cán sự Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng huyện Đồng Hỷ ra đời, có ảnh hưởng trực tiếp đối với phong trào cách mạng ở thị xã. Được sự quan tâm của Ban cán sự Đảng huyện Đồng Hỷ và quân giải phóng, cơ sở cách mạng đã hình thành và phát triển ở xã Đồng Bẩm. Tại đây, lực lượng tự vệ trưởng thành nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Từ Đồng Bẩm, các đội võ trang tuyên truyền đã liên lạc được với các cơ sở cách mạng trong thị xã, khẩn trương chuẩn bị lực lượng đón thời cơ tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiều thanh niên thị xã ra vùng giải phóng để tham dự các khóa huấn luyện quân sự, chính trị. Sau đó, họ quay lại thị xã làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng. Các tầng lớp nhân dân sôi nổi chuẩn bị lương thực, thực phẩm băng cờ v.v... chờ đón thời cơ nổi dậy giành chính quyền.

Cho đến giữa tháng 8/1945, phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô đánh bại. Chính phủ Nhật phải tuyên bố đầu hàng phe Đồng minh vô điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương và chính quyền tay

sai Trần Trọng Kim hoang mang dao động đến cực điểm.

Chớp thời cơ ngàn năm có một, hội nghị Đảng toàn quốc (13-15/8/1945) quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Đêm 13/8, Ủy ban khởi nghĩa ra bản quân lệnh số 1, hạ mệnh lệnh tổng khởi nghĩa. Tiếp theo hội nghị toàn quốc của Đảng, từ ngày 16 đến 17/8, đại hội quốc dân được triệu tập. Đạihội tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng; đồng thời cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quốc dân thể hiện sự đoàn kết, nhất trí của toàn thể dân tộc Việt Nam trong mặt trận Việt Minh do Đảng lãnh đạo, thể hiện lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, quyết tâm thực hiện chủ trương tổng khởi nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ngày 16/8/1945, từ Tân Trào, một đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa trong cả nước. Cách mạng Việt Nam đang đi tới bước nhảy vọt vĩ đại, từ những cuộc khởi nghĩa từng phần chuyển lên tổng khởi nghĩa.

Hòa nhịp với khí thế cách mạng của toàn thể dân tộc, các tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên , dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã phối hợp với các lực lượng vũ trang giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 18/8, ngay sau khi nhận được tin tức từ cơ sở ở thị xã báo về, lực lượng vũ trang Đồng Bẩm đã kịp thời phát động quần chúng nổi dậy.

5 giờ sáng ngày 19/8, quần chúng cách mạng có trang bị vũ khí thô sơ và lực lượng tự vệ Đồng Bẩm do một trung đội vũ trang tuyên truyền dẫn đầu, xuống đường tuần hành, tiến về thị xã. Nhân dânthị xã mang theo băng cờ, từ các phố đổ về đầu cầu Gia B ầy để đón đoàn biểutình từ Đồng Bẩm kéo sang. Cả thị xã Thái Nguyên tràn ngập không khí cách mạng sục sôi. Sau bao nhiêu ngày âm

thầm chuẩn bị, đến nay giờ phút nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân đã tới. Một cuộc tuần hành thị uy lớn, tập hợp hàng nghìn người giương cao băng cờ, biểu ngữ và vũ khí thô sơ, từ phía cầu Gia Bẩy rầm rộ tiến vào trung tâm thị xã. Trong đoàn quân biểu tình, không chỉ có đông đảo công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp lao động khác, mà còn có cả viên chức, binh lính, nhà tu hành... Từ các ngả phố, nhân dân tiếp tục xuống đường, hùng dũng tiến về phía sân vận động để tổ chức cuộc mít tinh. Sau đó, đoàn biểu tình tiếp tục tuần hành qua các phố chính, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: Đả đảo phát xít Nhật và bè lũ tay sai!", "Ủng hộ Việt Minh!", "Việt Nam độc lập muôn năm!". Mọi người dân thị xã, từ già chí trẻ đang chứng kiến những giờ phút hào hùng của đất nước.

Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng, phát xít Nhật và bè lũ tay sai hoang mang, lo sợ, phải co lại trong các doanh trại, tìm cách cố thủ. Các lực lượng vũ trang tuyên truyền, được sự giúp đỡ của nhân dân, tiến hành, truy quét những tên đầu sỏ trong các tổ chức phản động. Từ phía Nam thị xã, lực lượng vũ trang huyện Phú Bình vượt mưa lũ, tiến về thị xã, đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, trừng trị bọn tay sai thân Nhật và sau đó chiếm được nhà đèn.

Tuy bộ máy chính quyền của địch vẫn còn, nhưng lực lượng cách mạng đã làm chủ được tình thế ở thị xã. Nhân dân thị xã ngoài việc chuẩn bị lương thực, thực phẩm, còn tích cực đào hào, đắp công sự, dựng chiến lũy. Cùng lúc này một đơn vị quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên giáp chỉ huy về đến Tân Cương, Thịnh Đán trong niềm hân hoan đón chào của quần chúng nhân dân các dân tộc. Mặc dù đời sống còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng với tấm lòng nhiệt tình cách mạng, nhân dân địa phương đã khẩn trương bố trí nơi ăn, chốn ở, đóng góp lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu hậu cần cho 450 cán bộ và chiến sĩ quân giải phóng.

Khoảng 3 giờ sáng ngày 20/8, quân giải phóng và lực lượng tự

vệ huyện Đồng Hỷ, có đông đảo quần chúng nhân dân làm hậu thuẫn, từ Thịnh Đán tiến ra tỉnh lỵ Thái Nguyên. Đến 5 giờ sáng, quân giải phóng chiếm lĩnh các vị trí, bao vây thị xã. Nhà đèn được đặt làm trụ sở của Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang và Ủy ban khởi nghĩa.

Theo kế hoạch tác chiến, hai đại đội quân giải phóng được trang bị đầy đủ vũ khí, tiến công trại lính khố xanh và trại lính Pháp cũ. Lực lượng còn lại (gồm một đại đội và một trung đội quân giải phóng cùng lực lượng tự vệ các châu, phủ, huyện) được phân công tiêu diệt các vị trí lẻ của Nhật.

Quân Nhật lúc đó ở thị xã có khoảng 120 tên đóng ở 4 vị trí: trại lính khố xanh, nhà chủ mỏ Gôchiê, ty liêm phóng và kho gạo. Biết rõ quân Nhật và tay sai đang hoang mang cực độ, khoảng 5 giờ 30 phút sáng 20/8 quân ta gửi tối hậu thư cho tên tỉnh trưởng. Quân địch phải đầu hàng chấp nhận hoàn toàn những điều kiện do ta đưa ra. Quân ta nhanh chóng chiếm dinh tỉnh trưởng, huyện đường Đồng Hỷ và trại bảo an binh. Toàn bộ vũ khí ta thu được của bảo an binh (gồm 600 khẩu súng) được trang bị cho quân cách mạng. Được ta khoan hồng, giải thích, một số anh em trong hàng ngũ bảo an binh tình nguyện tham gia đánh Nhật.

Đúng 8 giờ 30 phút, theo lệnh của chỉ huy, quân giải phóng và các lực lượng vũ trang nhất loạt nổ súng vào các vị trí đóng quân của giặc Nhật. Thị xã Thái Nguyên rung chuyển trong tiếng súngnổ và tiếng reo hò vang dội của quân và dân ta. Một số tên Nhật bị tiêu diệt ngay từ loạt đạn đầu.

Tuy vậy, quân Nhật vẫn ngoan cố chống cự. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Sau nửa giờ nổ súng, ta dùng loa kêu gọi lính Nhật đầu hàng, đồng thời tiếp tục xiết chặt vòng vây nơi chúng cố thủ. Hai tên Nhật vác cờ trắng ra gặp đại diện của ta. Ủy ban khởi nghĩa gửi cho chún gtối hậu thư, yêu cầu quân Nhật phải nộp vũ khí và hạn đến 14 giờ trong ngày phải trả lời. Phát xít Nhật ngoan cố,

không chịu thực hiện yêu cầu của ta. Quân ta tiếp tục tấn công, nổ súng trong hai giờ liền.

Trước tình hình nguy ngập, bọn chỉ huy quân Nhật phải chấp nhận yêu cầu của ta: không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt nam. Trong cuộc chiến đấu giải phóng tỉnh lỵ, giành chính quyền ở tỉnh Thái Nguyên, đồng bào các dân tộc và lực lượng tự vệ ở địa phương phối hợp với quân giải phóng, lập nhiều thành tích xuất sắc. Ngoài việc trực tiếp chiến đấu, lực lượng tự vệ còn tham gia vận chuyển các chiến lợi phẩm, trong đó có hơn 2.000 khẩu súng các loại từ thị xã ra khu căn cứ.

Các đoàn thể Cứu quốc của mặt trận Việt Minh ở thị xã hoạt động sôi nổi. Hội phụ nữ cứu quốc thị xã đã có trên 700 chị em tham gia. Trong tất cả công việc phục vụ chiến đấu, như hậu cần, giao thông liên lạc, đào hào, đắp chiến lũy v.v.. đều có sự tham gia đông đảo của chị em. Các em đội viên đội nhi đồng cứu quốc cũng dũng cảm, ngoan cường, vừa sát cánh cùng cha anh đánh giặc, vừa đảm nhiệm xuất sắc việc giao thông liên lạc.

Chiều ngày 20/8/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở sân vận động thị xã, Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền bù nhìn do Nhật dựng lên, thành lập chính quyền cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên. Quân Nhật hết sức hoang mang, không dám hoạt động. Toàn bộ lực lượng của chúng co về chốt giữ khu vực đồi chánh sứ. Quân ta tiếp tục xiết chặt vòng vây, giám sát quân địch. Nhân dân thị xã đem giường, tủ, bàn ghế v.v... dựng chướng ngại vật trên các ngả phố xung quanh cứ điểm địch, chỉ trừ hướng đi về Hà Nội.

Ngày 23/8/1945, thực hiện chỉ thị của Trung ương, đại bộ phận quân giải phóng ở thị xã Thái Nguyên rút về Hà Nội. Ngày 26/8/1945, phái viên Nhật từ Hà Nội lên Thái Nguyên chấp nhận mọi yêu cầu của ta. Toàn bộ quân Nhật được rút về Hà Nội. Thị xã Thái Nguyên hoàn toàn giải phóng.

CHƯƠNG II

ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DCND VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (9-1945 - 7/1954)

I - Bảo vệ và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (9/1945 - 12/1954).

Sau gần một thế kỷ sống dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai, nhân dân các dân tộc bắt đầu được hưởng cuộc đời độc lập, tự do.

Vui mừng vô hạn trước sự đổi đời, nhân dân thị xã càng thêm tin yêu chế độ mới và quyết tâm bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân vừa mới giành được.

Trong năm đầu tiên sau ngày khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở thị xã Thái Nguyên có thêm những thuận lợi mới.

Thực tiễn đấu tranh cách mạng trong 15 năm trước (1930-1945) đã rèn luyện về nhiều mặt cho quần chúng. Một đội ngũ cán bộ cũng được tôi luyện, thử thách và trưởng thành; trong đó có một số đồng chí được giới thiệu đi học lớp nghiên cứu chủ nghĩa Mác do Tỉnh ủy tổ chức; và đến 6/1/1946 được kết nạp vào Đảng cộng sản. Đó là những nhân tố dẫn đến sự xuất hiện các cơ sở Đảng ở địa phương.

Đầu tháng 2/1946, chi bộ Đảng đầu tiên của thị xã ra đời, gồm 5 đồng chí, do đồng chí Phạm Nghiêm làm bí thư (1).

(1) Theo ý kiến kết luận trong cuộc tọa đàm giữa các đồng chí cán bộ lão thành, ngày 5/4/1990, tại nhà riêng đồng chí Lê Trung Đình - số 80 Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

Tháng 6/1946, tại Đồng Bẩm, một chi bộ Đảng chính thức thành lập. Cuối năm này, chi bộ Đảng xã Quang Vinh hình thành. Cũng vào thời gian đó, ở xã Cam Giá, hội trung kiên ra đời... Đây chính là những hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở thị xã và các xã lân cận, tạo điều kiện cho phong trào phát triển nhanh chóng. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh đặt tại thị xã; tạo cho thị xã có một lợi thế hơn so với các địa phương khác trong tỉnh.

Tuy nhiên, trước mắt chính quyền cách mạng đang gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Nạn lụt lớn xảy ra trong những ngày tháng tám năm 1945 đã để lại những thiệt hại không nhỏ. Tiếp đó hạn hán kéo dài làm cho đồng ruộng phải bỏ hoang, không thể cày cấy được. Các ngành sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp bị ngừng trệ. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 do Nhật - Pháp gây nên chưa được khắc phục thì nguy cơ nạn đói mới xuất hiện. Trong khi đó, đại đa số nhân dân lao động không biết chữ , hạn chế nhiều đến công việc tham gia xây dựng ch ính quyền và đoàn thể. Nạn mê tín dị đoan, ma chay, cưới xin nặng nề, tốn kém... là hiện tượng phổ biến ở nhiều nơi. Trong khu vực thị xã , những ổ sòng bạc, gái điếm do chế độ thực dân, phong kiến để lại vẫn còn nhan nhản ở các khu phố. Các ủy ban nhân dân tuy đã thành lập, nhưng còn non trẻ, chưa có kinh nghiệm; thành phần lại phức tạp, phần lớn chức chủ tịch đều nằm trong tay tầng lớp trên.

Giữa lúc đang có nhiều khó khăn chồng chất thì chính quyền cách mạng phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong. Ngay từ đầu tháng 9/1945, khoảng 5.000 quân Tưởng từ Tuyên Quang tràn qua Đại Từ vào thị xã Thái Nguyên. Núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng đồng minh vào Bắc Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, chúng mưu toan thực hiện những âm mưu rất thâm độc đối với cách mạng nước ta. Vì vậy, đi tới đâu chúng cũng đều gây

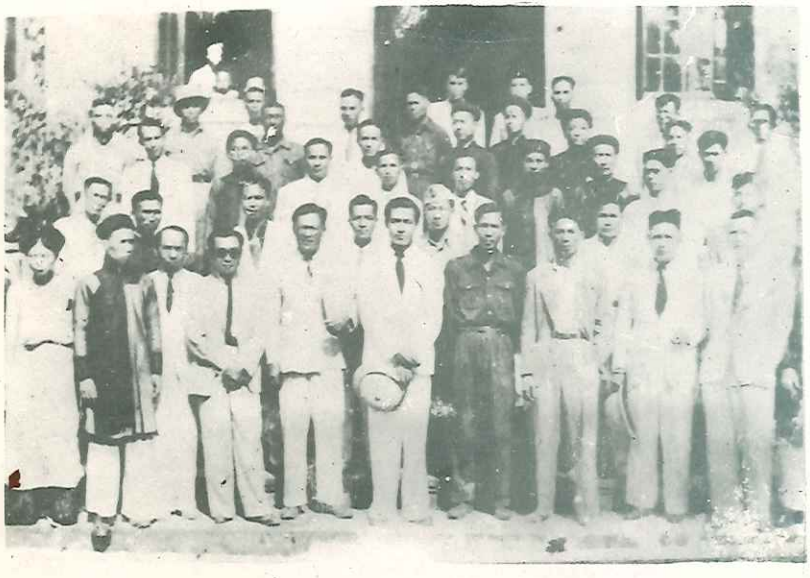

Mặt trận Liên Việt thị xã Thái Nguyên 1946 (trước tòa sứ)

ra những hành động, cướp bóc trắng trợn và đưa ra những yêu sách bạo ngược. Chúng bắt dân ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm; bắt phải tiêu tiền "Quan kim" đã mất giá, gây thêm nhiều khó khăn cho nền kinh tế, tài chính của ta. Chúng lập trụ sở "Nam dương Hoa kiều hiệp hội", xúi giục những người gốc Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc, không thực hiện nghĩa vụ của người công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa...

Chúng ngang nhiên dòi lập bộ máy chính quyền bên cạnh chính quyền cách mạng. Bọn tay sai Việt Quốc, Việt cách bám theo gót quân Tưởng trở về, cũng tăng cường hoạt động chống phá. Chúng tìm cách móc nối những phần tử phản cách mạng, tích cực tuyên truyền lôi kéo quần chúng, kích động quần chúng và chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Một số tên đặc vụ trước đây giấu mặt, nay công khai hoạt động chống chính quyền cách mạng.

Những khó khăn, phức tạp về các mặt trên đây đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách. Thấm nhuần tinh thần bản chỉ thị: "Kháng chiến - Kiến quốc" (25/11/1945) của Trung ương Đảng, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các tổ chức cơ sở đảng và Ủy ban nhân dân thị xã đã kịp thời vận động, tổ chức toàn dân thực hiện các biện pháp cách mạng, từng bước tháo gỡ khó khăn, xây dựng chế độ mới.

Để đẩy lùi nguy cơ nạn đói, từng bước ổn định đời sống nhân dân, thị xã Thái Nguyên đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tận dụng từng tấc đất, trồng nhiều loại cây lương thực và rau màu. Ở các xã ngoại vi, các tổ chức Đảng và chính quyền phát động phong trào khai hoang, phục hóa. Diện tích canh tác được mở rộng, sản xuất không ngừng tăng lên.

Cùng với phong trào tăng gia sản xuất, công cuộc vận động tiết kiệm cũng được phát động trong toàn dân. Tình trạng lãng phí lương thực giảm hẳn xuống. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch : "Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem

gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo" (2), nhân dân thị xã Thái Nguyên nêu cao tinh thần tương thân tương ái, tích cực tham gia chống đói và cứu đói. Hầu hết các gia đình đều lập hũ gạo tiết kiệm, dành dụm từng nắm gạo để ủng hộ đồng bào đang bị đói. Các ban cứu đói, cứu tế được thành lập và đứng ra vận động, tổ chức phong trào. Những hạt gạo đầy tình nghĩa được nhanh chóng chuyển tới các địa phương, giúp cho hàng trăm gia đình ở thị xã Thái Nguyên và các nơi khác vượt qua cơn đói nghèo.

Tại trung tâm thị xã có trại tế bần bao gồm nhiều lán trại làm nơi trú chân cho những người bị đói từ miền xuôi lên. Hàng ngày, chị em phụ nữ thị xã đi quyên góp gạo ở các gia đình, nấu cháo mang đến trại để cứu giúp bà con. Đó là một trong những hình ảnh cảm động, thể hiện tấm lòng từ thiện của nhân dân thị xã.

Cùng với đồng bào cả nước, nhân dân thị xã Thái Nguyên hăng hái tham gia xây dựng "Quỹ Độc lập". Ngoài hình thức vận động nhân dân quyên góp, ủng hộ tiền của, thị xã Thái Nguyên còn tổ chức 14 quán bán hàng, lấy phần lãi nộp vào "Quỹ Độc lập".

Sôi nổi nhất là phong trào "Tuần lễ vàng" (từ 17/9 đến 24/9/45). Với lòng yêu nước thiết tha, nhân dân thị xã Thái Nguyên, nhất là chị em phụ nữ, vượt qua nhiều khó khăn tự nguyện ủng hộ Chính phủ tiền của, vàng bạc kể cả những vật quý giá như hoa tai, nhẫn cưới mong cho nước nhà vượt qua thời kỳ khó khăn về tài chính (3). Nhiều bài ca cổ động được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân :

"Đeo vàng chỉ tổ nặng tai,

Đeo kiềng nặng cổ, hỡi ai có vàng,

Làm dân độc lập vẻ vang,

---

(2) Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - NXB Sự thật - Hà Nội 1984 - trang 27.

(3) Riêng chị em phụ nữ thị xã Thái Nguyên góp được hơn 2 vạn đồng.

Mang vàng cứu nước, giàu sang nào tày.

Đem vàng đổi súng cối xay,

Đánh tan giặc, nước có ngày vinh quang".

Lòng yêu nước của mỗi người dân được bộc lộ một cách trong sáng, cao cả. Nhờ có những đóng góp to lớn ấy, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã góp phần cùng với đồng bào cả nước giúp chính phủ giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước lúc bấy giờ.

Trong những tháng cuối năm 1945, hướng về Nam bộ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân thị xã Thái Nguyên sôi nổi tham gia các hình thức đóng góp trong tuần lễ ủng hộ Nam bộ kháng chiến, lập ra "Quỹ Nam bộ kháng chiến". Dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng "máu chảy ruột mềm", bà con thị xã vẫn không quản ngại dành một phần tài sản ủng hộ đồng bào miền Nam. Nhiều phụ nữ, nhất là nữ thanh niên "đã đi bán bánh và huy hiệu suốt ngày để lấy tiền giúp quỹ Nam bộ". (4) Có chị tuy nghèo, nhưng vẫn bỏ tiền ra mua một viên đạn giá 345 đồng để góp vào công quỹ" (5).

"Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, "mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ" (6). Nhận thức rõ điều đó, nhân dân thị xã Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch chống nạn thất học: "Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ... những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không

---

(4) Theo báo "Cứu Quốc" (Số 19/6/1946).

(5) Theo báo "Cứu Quốc - số 12/6/1946.

(6) (7) Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - NXB Sự thật - Hà Nội 1884 - trang 28, 29.

biết thì con bảo..." (7). Ở khắp các khu phố trong thị xã cũng như các xã ngoại vi, mọi người dân từ già đến trẻ - đặc biệt là chị em phụ nữ - đều hăng hái đến các lớp bình dân học vụ. Các lớp huấn luyện sư phạm của tỉnh cũng khẩn trương đào tạo; cung cấp đội ngũ giáo viên đến các địa phương tổ chức bà con học tập văn hóa. Phong trào bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ ngày càng lan rộng. Trình độ văn hóa và sự hiểu biết của nhân dân lao động từng bước được nâng lên. Sự gắn bó giữa nhân dân với chính quyền cách mạng ngày càng bền chặt. Nhờ vậy, trong thời gian này, mọi tầng lớp nhân dân thị xã đều tích cực ủng hộ chính quyền cách mạng, kiên quyết bài trừ các tệ nạn xã hội, do chế độ cũ để lại. Nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... được thanh toán từng bước. Cuộc sống mới tươi vui, lành mạnh được xác lập vững chắc trên địa bàn thị xã.

Tin yêu vào chế độ mới, người dân thị xã Thái Nguyên càng ra sức tham gia xây dựng nền móng chính quyền dân chủ nhân dân, làm cho chính quyền có đầy đủ sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù.

Vào những ngày đầu mới thành lập, do điều kiện lịch sử chưa cho phép, thành phần trong chính quyền dân chủ nhân dân còn phức tạp. Một số chức vụ quan trọng như Chủ tịch, phó chủ tịch, nắm trong tay những người thuộc tầng lớp trên. Tình hình đó cộng với những khó khăn trước mắt đòi hỏi phải nhanh chóng củng cố bộ máy chính quyền, làm cho nó thực sự trở thành chính quyền của dân, do dân và vì quyền lợi của nhân dân.

Ngày 6/1/1946, trong không khí tưng bừng của ngày hội tổng tuyển cử cả nước , nhân dân thị xã Thái Nguyên phấn khởi và tự hào đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngay sau đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng, quần chúng nhân dân nô nức

tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân thị xã. Sau khi ra đời, Hội đồng nhân dân thị xã đã bầu ra Ủy ban hành chính (gồm 3 người) (8), thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời trước đây. Tại các xã vùng ven, chính quyền nhân dân cũng được chấn chỉnh, thanh lọc những phần tử không xứng đáng và thay thế bằng những người tích cực, thuộc thành phần cơ bản. Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân thị xã, và củng cố bộ máy chính quyền, một mặt thể hiện rõ tinh thần làm chủ của các tầng lớp nhân dân; mặt khác nó cũng phản ánh vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng. Tuy mới thành lập, số lượng Đảng viên còn rất ít, nhưng chi bộ đã tập trung chỉ đạo những mặt công tác trọng yếu; đồng thời biết dựa vào sức mạnh của nhân dân và các đoàn thể quần chúng để tổ chức thực hiện.

Những thắng lợi của các mặt hoạt động kể trên tuy mới là bước đầu, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng; nó đem lại niềm phấn khởi là tin tưởng cho quần chúng vào chính quyền cách mạng và nhờ đó tạo cho chính quyền có sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phản cách mạng của quân Tưởng và tay sai.

Cùng với việc xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, Đảng bộ thị xã rất coi trọng việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để trấn áp bọn phản cách mạng, trừng trị bọn lưu manh, giữ gìn trật tự trị an. Trong năm 1946, các đội du kích lần lượt ra đời ở các xã. Trong thị xã, các đội tự vệ hình thành từ trong cách mạng tháng Tám, đến nay đang có những bước trưởng thành. Tuy trang bị còn rất thô sơ, phần lớn là dao găm, mã tấu... nhưng tinh thần của các chiến sĩ rất cao.

Thực hiện sách lược của Trung ương Đảng đối với kẻ thù trong thời gian này, các tổ chức Đảng và chính quyền địa phương một

---

(8) Thành phần trong Ủy ban hành chính chính thức của [illegible] :
- Đặng Đức Thắng (chủ tịch)
- Đào Ngọc Thanh (phó chủ tịch)
- Lê Văn Xuyên (ủy viên thư ký)

mặt phân công cán bộ đi sâu sát quần chúng, giáo dục và lãnh đạo quần chúng kiên quyết đấu tranh ngăn chặn hành động phá hoại của địch; mặt khác giữ thái độ mềm dẻo, tránh rơi vào âm mưu khiêu khích của quân Tưởng và tay sai.

Tại thị xã và các vùng chung quanh, được sự chỉ đạo của tổ chức cơ sở Đảng và các cấp chính quyền, nhân dân tổ chức bãi thị, tẩy chay tiền "Quan kim"; đồng thời vạch mặt bọn cầm đầu trong tổ chức "nam dương Hoa kiều hiệp hội". Các đội vũ trang được nhân dân ủng hộ, giúp đỡ đã tiến hành có kết quả việc khám phá và trừng trị các tổ chức phản động, các phần tử lưu manh, trộm cắp, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân.

Trước tinh thần đoàn kết đấu tranh vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo, khôn khéo của nhân dân ta, quân Tưởng phải chấp nhận sự thất bại trong âm mưu định kéo dài thời gian lưu trú tại Thái Nguyên để khiêu khích, tiến tới lật đổ chính quyền cách mạng. Vào trung tuần tháng 12/1945, quân tưởng phải rút khỏi Thái Nguyên về Hà Nội.

Như vậy, trải qua một năm (9/1945 - 12/1946), cuộc đấu tranh của nhân dân thị xã Thái Nguyên nhằm bảo vệ củng cố chính quyền dân chủ nhân dân đã thu được thắng lợi. Trong thời gian đó, chính quyền dân chủ nhân dân từng bước được kiện toàn; các tầng lớp nhân dân ngày càng thêm tin yêu vào chế độ mới và do đó, khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông được mở rộng, đánh dấu bằng sự thành lập mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam thị xã Thái Nguyên (8/1946). Các tổ chức Đảng ở cơ sở phát triển và có uy tín ngày càng cao trong quần chúng.

Tất cả những kết quả đó góp phần tạo nên những điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên bắt tay vào nhiệm vụ nặng nề trong thời kỳ mới.

II- Tích cực chuẩn bị về mọi mặt, tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (12/1946 - 10/1950)

Hiệp định sơ bộ (6/3/46) ký chưa ráo mực, thực dân Pháp đã trở mặt. Những hành động khiêu khích của chúng ngày càng trắng trợn. Ngược lại, với bản chất và thiện chí hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. "Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa" (1).

Để bảo vệ nền độc lập và chủ quyền của đất nước, hội nghị bất thường Ban chấp hành Trung ương Đảng mở rộng họp tại Vạn Phúc (Hà Đông), vào ngày 18, 19/12/46, quyết định phát động cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đêm 19/12/46, quân và dân ta đồng loạt nổ súng chống quân xâm lược Pháp tại thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn khác.

Ngày 20/12/46, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên kháng chiến: "... Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Giờ cứu nước đã đến! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước..." (2).

Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, ở những địa phương có quân Pháp chiếm đóng, nhân dân ta đã cầm vũ khí, kháng chiến vô cùng anh dũng.

Trong khi cuộc chiến đấu của quân và dân các tỉnh bạn đang diễn ra ác liệt, thì nhân dân thị xã Thái Nguyên và các vùng phụ cận, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy mà trực tiếp là của các chi bộ Đảng, ra sức chuẩn bị về mọi mặt cho kháng chiến.

Ngay từ trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Việc chuẩn bị kháng chiến ở Thái Nguyên đã được tr n khai. Nhiều thanh niên nam, nữ thị xã hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang.

(1) (2) Hồ Chí Minh toàn tập - tập IV - NXB Sự thật - Hà Nội 1984- trang 202.

Một số được bổ sung cho đội quân nam tiến, còn lại phần lớn được tổ chức thành lực lượng vũ trang địa phương.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng, nhân dân thị xã Thái Nguyên tích cực tản cư. Các ban tản cư được thành lập, nhanh chóng tổ chức nhân dân tản cư đến những nơi an toàn. Chính quyền và nhân dân các xã lân cận đã giúp đỡ bà con thị xã và các địa phương khác tản cư về, ổn định chỗ ăn, ở và sản xuất.

Đi liền với tản cư là công tác "phá hoại để kháng chiến". Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được" (1), và hiểu rõ mục đích của công tác phá hoại là "để chặn Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng" (2), cán bộ, đảng viên và nhân dân thị xã Thái Nguyên đã tiến hành tiêu thổ kháng chiến triệt để.

Ngay từ cuối năm 1946, ban phá hoại của tỉnh được thành lập để tổ chức và chỉ đạo công tác tiêu thổ kháng chiến. Đầu năm 1947, ban phá hoại ở các cơ sở và các đội phá hoại khu vực thị xã hình thành. Thị xã Thái Nguyên lúc bấy giờ có khoảng trên 400 ngôi nhà ngói; trong đó nhà cao tầng chiếm khoảng 10% , phần lớn là những công trình kiên cố, như dinh công sứ, dinh tuần phủ, trại lính Pháp...

Công cuộc phá hoại thị xã đòi hỏi phải có kế hoạch cụ thể, tinh thần quyết tâm và hy sinh cao cả của mọi người dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế, ban phá hoại vạch một kế hoạch tiêu thổ bao gồm ba bước: bước một, phá các công trình kiên cố, các công sở, dôn bốt; bước hai, phá hệ thống nhà cao tầng và những công trình công cộng; bước ba, phá các công trình còn lại.

(1)(2) Hồ Chí Minh Toàn tập- tập IV- sách dẫn - trang 249

Trong công tác phá hoại để kháng chiến, cán bộ, đảng viên là những người đi tiên phong, có tác dụng tập hợp, lôi cuốn quần chúng tham gia. Người dân thị xã Thái Nguyên đã tỏ rõ lòng yêu nước tuyệt vời khi tự tay mình phá hoại nhà cửa, đường sá, cầu cống.

Giữa năm 1947, công cuộc tiêu thổ kháng chiến, ở thị xã Thái Nguyên đã hoàn thành triệt để: Toàn bộ nhà cửa đã bị phá sập; mặt đường bị lật tung và dựng lên những chướng ngại vật; cầu cống bị đánh chìm dưới dòng sông sâu... Thị xã Thái Nguyên chỉ còn những đống gạch vụn...

Từ trong công cuộc phá hoại, đã hiện lên niềm kiêu hãnh và tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta. Đó là một trong muôn ngàn hình ảnh cảm động nhất của những ngày kháng chiến, còn in sâu mãi trong ký ức của mỗi người. Đó cũng là một thực tế mà kẻ thù không thể phủ nhận được. Pôn Muýt - phái viên của cao ủy Pháp Bôla - chứng kiến cảnh hoang toàn của thị xã Thái Nguyên sau khi đã tiêu thổ, phải thú nhận rằng, một dân tộc dám hy sinh, tự tay phá hoại thành phố của mình, dân tộc đó sẽ chiến thắng.

Sau khi tiêu thổ, thị xã Thái Nguyên tạm thời giải thể. Ba xã : Gia Sàng, Đồng Quang, Phù Liễn được sáp nhập thành xã Hiệp Hòa. Địa phận còn lại sáp nhập với các xã bên tả ngạn sông Cầu, thuộc huyện Đồng Hỷ.

Các đảng viên trong chi bộ đảng thị xã phân tán về các cơ sở của huyện Đồng Hỷ tiếp tục hoạt động. Một số đồng chí được điều động theo yêu cầu công tác của Tỉnh ủy, hoặc điều sang quân đội. Trên cương vị và lĩnh vực công tác mới, những đảng viên này đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sau khi phần lớn nhân dân đã tản cư, thị xã đã tiêu thổ, Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã chuyển trụ sở ra ngoại vi, thuộc địa phận huyện Đồng Hỷ để hoạt động. Đến năm 1948, khi thực dân

Pháp thất bại trong cuộc tấn công lên Việt Bắc thu-đông 1947, phần lớn dân cư trở về thị xã làm ăn, buôn bán. Do đó, trụ sở Ủy ban lại chuyển vào thị xã (1) để nắm dân. Nhiệm vụ của Ủy ban kháng chiến - hành chính thị xã trong thời gian này là theo dõi hoạt động của địch, đón tiếp các đồng chí cán bộ và bộ đội đi công tác qua Thái Nguyên; đồng thời tổ chức lực lượng giữ gìn trật tự, an ninh cho nhân dân.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến là củng cố và phát triển lực lượng vũ trang - Được sự lãnh đạo và chỉ đạo của tổ chức Đảng, ngay từ cuối năm 1945 đầu năm 1946 trở đi, các đội vũ trang tập trung lần lượt ra đời ở hầu khắp các nơi, nhất là ở các xã ngoại vi.

Tại xã Quang Vinh, từ năm 1945 đội tự vệ được thành lập. Trên cơ sở đó, đầu tháng 3/1946, đội du kích ra đời. Vũ khí trang bị ban đầu chủ yếu là kiếm và mã tấu. Năm 1947, trong xã có phong trào xây dựng dân quân. Từ đó, lực lượng vũ trang lớn mạnh dần, đòi hỏi phải có sự chỉ huy thống nhất. Vì vậy, đến năm 1948, ban chỉ huy xã đội được thành lập.

Tại xã Đồng Bẩm, đội du kích ra đời từ năm 1946. Phong trào ở đây lên khá mạnh. Cho đến năm 1950, mỗi xóm đều có 1 tiểu đội du kích. Vào thời gian đầu, trung đội du kích xã được trang bị bằng những vũ khí thô sơ như dao găm, mã tấu... Ngoài nhiệm vụ luyện tập sẵn sàng chiến đấu, lực lượng du kích xã còn tích cực giúp dân tản cư, chống trộm cướp, bảo vệ xóm làng...

Cũng như xã Đồng Bẩm, xã Gia Sàng thành lập được 1 trung đội du kích và 1 đại đội dân quân (mỗi thôn có 1 trung đội). Cuối năm 1947, khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc, cho quân nhảy dù xuống làng Sòng, làng Ngò, lực lượng dân quân du

---

(1) Trụ sở UBKCHC thịxã đặt tại nhà Nghị Vũ, gần khu nhà tập thể 5 tầng hiện nay.

kích xã ngoài việc tổ chức phá hoại cầu đường, nhà cửa ở hai bên đường, đã phối hợp với đơn vị chủ lực đánh địch. Chị em nữ dân quân hăng hái làm nhiệm vụ, tải thương, phục vụ chiến đấu.

Ở xã Túc Duyên, ngay từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trung đội tự vệ xã chuyển thành trung đội du kích, làm nhiệm vụ trực chiến, sẵn sàng chiến đấu. Ngoài ra, trong xã còn có 1 trung đội dân quân làm nhiệm vụ tải thương, phá đường, tiếp vận... Từ năm 1947, dân quân du kích trong xã hoạt động rất sôi nổi. Các đội viên dân quân,du kích thường xuyên luyện tập quân sự. Nhiều thanh niên hăng hái ghi tên tòng quân giết giặc. Riêng xóm Túc Thái có 45 người và Đồng Mỗ có 40 người xung phong tòng quân. Có gia đình, cả bà bố con đều tòng quân ra trận. Nhân dân trong xã tích cực ủng hộ về mọi mặt, kể cả vũ khí, lương thực, quần áo...(xóm Túc Thái ủng hộ 20 mã tấu và lưỡi lê; Đồng Mỗ ủng hộ trên 20 vũ khí các loại).

Trong lúc nhân dân thịxã Thái Nguyên đang khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến thì tại thủ đô Hà Nội, cuộc chiến đấucủa quân và dân ta diễn ra rất ác liệt. Quân địch bị ta vây hãm và chặn đánh ở nhiều nơi. Từ cuối tháng 12/1946, địch bắt đầu phản công quân ta. Phạm vi chiến đấu của ta thu hẹp dần.

Để tổ chức kháng chiến lâu dài, từ cuối năm 1946 đầu 1947, các cơ quan Trung ương, công xưởng từ Hà Nội, cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính phủ, quân đội (Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp); lần lượt lên Việt Bắc. Hồ Chủ tịch, sau một thời gian ở Sơn Dương (Tuyên Quang) cũng chuyển về xã Điềm Mạc (Định Hóa). Tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên mà trọng điểm là Chợ Đồn, Chợ Rã, Đinh Hóa, Phú Lương, Đại Từ... là nơi ở, và làm việc của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng chỉ huy trong suốt những năm kháng chiến.

Thị xã Thái Nguyên nằm kề sát phía Nam căn cứ địa, là cửa ngõ giao thông liên lạc, tiếp tế và là cái cầu nối liền giữa Trung ương

Đảng, Chính phủ với các địa phương trong toàn quốc. Với vị trí quan trọng đó, thị xã Thái Nguyên có nhiệm vụ hết sức nặng nề và vẻ vang là bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam, không cho địch đánh thọc vào khu căn cứ.

Trong khi đó, về phía thực dân Pháp, chúng đang chuẩn bị thực hiện một âm mưu nham hiểm. Sau khi thay Đác Giăngliơ làm cao ủy Đông Dương (5/3/1947), Bôla ráo riết thực hiện kế hoạch xâm lược mới. Trong thời gian xúc tiến kế hoạch này, để xoa dịu tình hình chính trị bên Pháp, Bôla cử Pôn Muýt lên Việt Bắc xin gặp Hồ Chủ tịch.

Ngày 21/5/1947, tại thị xã Thái Nguyên, Hồ Chủ tịch gặp Pôn Muýt để traođổi về cuộc đàm phán Việt-Pháp. Trước dã tâm xâm lược và những yêu sách ngang ngược của thực dân Pháp, cuộc đàm phán không có kết quả.

Đúng như dự đoán của Trung ương, với tư tưởng chiến lược đánh nhanh thắng nhanh và sau khi được tăng viện, cuối năm 1947 thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta; bao vây Việt Bắc, cắt đứt giao thông liên lạc tiếp tế giữa Việt Bắc với các vùng khác....

Lực lượng quân Pháp tung ra trong cuộc tấn công này có khoảng 12.000 tên, gồm cả hải, lục, không quân. Chúng tổ chức thành những mũi tiến quân thọc sâu vào hậu phương của ta, tạo thành thế bao vây lớn; dùng hai gọng kìm dài từ 300 đến 400 km xuyên thẳng vào những vị trí quan trọng trong khu căn cứ địa; từ đó chúng đánh tỏa ra hòng chia cắt và tiêu diệt lực lượng ta.

Ngày 7 và 8/10/1947, binh đoàn đổ bộ đường không do Xôvanhắc chỉ huy, nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn... Đồng thời, binh đoàn thuộc địa do Bôphorê chỉ huy, từ Lạng Sơn theo đường số 4 lên Cao Bằng,vòng xuống Bắc Cạn, nhằm bao vây Việt Bắc ở

phía đông và phía bắc. Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ do Commaynam chỉ huy, từ Hà Nội ngược dòng sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, đến Chiêm Hóa, bao vây Việt Bắc ở phía Tây, hòng dồn quân ta vào giữa vòng vây mà tiêu diệt.

Song, thực tế diễn biến của chiến dịch trái với ý muốn của thực dân Pháp. Do dự đoán trước âm mưu của địch, ngay từ ngày 15/9/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động cũng như về quân sự, kinh tế, tài chính và tiếp tế nhằm phá tan những cuộc tấn công của địch. Tiếp đó, ngày 17/9/1947, hội nghị quân sự lần thứ 4 đã phân tích khả năng quân Pháp sẽ mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Để phá tan những cuộc tấn công lớn của địch, trước mắt phải phát động mạnh mẽ chiến tranh du kích ở các địa phương. Sau khi địch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc, Ban Thường vụ Trung ương Đảng kịp thời ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" (15/10/1947). Bản chỉ thị của Ban Thường vụ nhắc nhở các cấp ủy Đảng, các cấp chỉ huy khắc phục bệnh chủ quan khinh địch, đánh cho chúng không thể gượng dậy được.

Quán triệt tinh thần các chỉ thị của Trung ương Đảng, nhân dân cùng lực lượng vũ trang ở các địa phương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ các cấp, đã nhanh chóng triển khai kế hoạch đối phó âm mưu và hành động của địch. Tại tỉnh Thái Nguyên nói chung và khu vực thị xã nói riêng, dân chúng được lệnh phá hoại triệt để các đường sá, cầu cống và những vị trí nào mà địchcó thể lợi dụng được. Nhiều nơi như Đồng Bẩm, Quang Vinh, Túc Duyên v.v... các tổ chức Đảng và chính quyền trực tiếp tổ chức và hướng dẫn nhân dân làm chông và cắm chông chống địch nhảy dù. Trong khi đó, trung đoàn Vệ quốc quân Thái Nguyên cùng với các đơn vị tỉnh bạn (Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Cao Bằng), các đơn vị trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huycác chiến khu 1, 10 nhanh chóng được phân thành 30 đại đội độc lập

và 18 tiểu đoàn tập trung, phối hợp với dân quân du kích đánh địch ở từng khu vực.

Vấp phải tinh thần chiến đấu mưu trí, dũng cảm của quân ta và sa vào thế trận chiến tranh nhân dân, quân Pháp ngày càng lâm vào thế bị động. Ý đồ hội quân của địch ở Đài Thị (Chiêm Hóa) bị phá sản.

Từ trung tuần tháng 11/1947, phán đoán cơ quan chỉ đạo và lực lượng chủ yếu của ta di chuyển xuống phía Nam Bắc Cạn và Thái Nguyên, Bộ chỉ huy Pháp chuyển sang bước 2 của chiến dịch. Đêm 24/11/1947, chúng cho quân bí mật rời khỏi Chợ Mới tiến về Định Hóa. Chiều 20/11, địch thả 400 quân dù xuống cánh đồng Làng Ngò. (xã Cù Vân) nhằm chiếm các vị trí quan trọng trên trục đường 13A. Đồng thời, chúng cho một cánh quân từ Phúc Yên men theo sườn núi Tam Đảo đánh sang phía tây nam huyện Đại Từ. Phạm vi chiến sự lan rộng. Riêng khu vực tỉnh Thái Nguyên, hàng ngàn quân địch được tung ra đánh chiếm 32 vị trí trên địa bàn 7 huyện. Tiến tới đâu, chúng cũng bị quân và dân ta bao vây, chia cắt và tiêu hao. Quân địch lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương buộc phải quyết định rút quân về xuôi. Đầu tháng 12/1947, từ các hướng Định Hóa, Sơn Dương, quân địch dồn về Đại Từ để rút về Hà Nội.

Ngày 18/12/1947, quân Pháp từ Đồng Bẩm, Chùa Hang vượt qua cầu Gia Bẩy; một cánh quân khác từ làng Ngò tràn qua Mỏ Bạch vào thị xã. Trên đường đường rút chạy, quân địch bị ta truy kích, phục kích, gây nhiều thiệt hại cho chúng. Tại các vị trí: làng Hà, đồi Yên Ngựa, đồi Đội Cấn, Gia Sàng... đã diễn ra những trận đánh ác liệt. Các chiến sĩ Vệ quốc cùng các đội viên du kích dũng cảm, mưu trí và táo bạo, áp sát vào quân địch mới nổ súng tiêu diệt, buộc chúng phải tháo chạy về phía nam. Thị xã Thái Nguyên sạch bóng quân xâm lược.

Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 kết thúc bằng sự thắng

lợi của ta và thất bại của địch. Chiến thắng Việt Bắc đã gây niềm phấn khởi, tin tưởng trong toàn quân, toàn dân ta; đồng thời đánh dấu sự chuyển biến so sánh lực lượng giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta, mở ra một thời kỳ mới của cuộc chiến tranh.

Sau thất bại trong cuộc tấn công lên Việt Bắc, địch còn chiếm đóng thị xã Bắc Cạn. Việt Bắc vẫn nằm trong tình trạng bị địch bao vây, phong tỏa. Thực dân Pháp còn nuôi dưỡng âm mưu đánh vào khu căn cứ địa một lần nữa để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh. Ngày 23/3/49, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Thái Nguyên ra thông báo chỉ rõ: "... địch có chủ trương đánh lên Việt Bắc theo dọc sông Hồng Hà... Thái Nguyên là nơi mà địch rất chú trọng. Ngày 20/3/1949, địch đã cho máy bay đi thám thính căn cứ địa ở Đại Từ. Vậy các đồng chí phải ráo riết chuẩn bị đề phòng những sự bất trắc có thể xảy ra" (1).

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, quân và dân các địa phương trong tỉnh tích cực củng cố lực lượng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu mới của địch. Thị xã Thái Nguyên - cửa ngõ phía Nam của A.T.K (an toàn khu) - cũng triển khai một kế hoạch cụ thể và toàn diện. Nhân dân thị xã và các xã lân cận thi đua thực hiện chương trình trồng trọt và chăn nuôi do Bộ canh nông phát động. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng và chính quyền các cấp, nhiều nơi tổ chức phong trào thi đua "mỗi nhà một vườn rau gia đình", "mỗi nhà một vườn sẵn kháng chiến 200 gốc", "mỗi nhà một đàn gà tiếp tế cho bộ đội" v.v... Kết quả của những phong trào này đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống của nhân dân và cung cấp một phần cho bộ đội ở ngoài mặt trận.

Trong khi đó, phong trào thi đua yêu nước do Chính phủ phát động từ ngày 27/3/1948 đang được dấy lên sôi nổi khắp toàn quốc. Đặc biệt, từ đầu năm 1950, khi có chỉ thị của Trung ương Đảng về việc "Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công ", phong trào thi đua yêu nước phát triển mạnh mẽ. Tại Thái

Nguyên, trong 3 tháng đầu năm 1950, tỉnh đội dân quân tổ chức cuộc rèn cán chỉnh quân để nâng cao trình độ kỹ thuật tác chiến, tăng cường công tác chính trị trong bộ đội địa phương và dân quân du kích, đồng thời kiện toàn bộ máy chỉ huy các cấp. Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, toàn dân tiến hành mọi công việc chuẩn bị, thực hiện nếp sống quân sự hóa, cất giấu tài sản, nhằm đề phòng địch tấn công bất ngờ...

Từ năm 1949, với việc thực hiện kế hoạch Rove, thực dân Pháp đã củng cố được tuyến phòng thủ trên đường số 4; đồng thời mở rộng phạm vi chiếm đóng ở chiến trường Bắc bộ. Tình hình đó đã gây cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta thêm nhiều khó khăn.

Từ giữa năm 1950, căn cứ vào tình hình và so sánh lực lượng giữa ta và địch, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch biên giới, đánh thẳng vào tuyến phòng thủ trên đường số 4 của địch, nhằm thực hiện 3 mục đích.

- Tiêu diệt sinh lực địch.

- Khai thông biên giới, mở đường liên lạc với quốc tế.

- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Từ đó, công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương.

Sau ngày thị xã Bắc Cạn được giải phóng (8/1949), Đảng bộ và nhân dân hai tỉnh Bắc Cạn - Thái Nguyên được Trung ương chỉ thị phải nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là đường số 3. Với tinh thần "Sửa chữa cầu đường như đánh địch", hàng nghìn dân công được huy động lên mặt đường. Riêng tỉnh Thái Nguyên, tổng số dân công lên tới 3.100 người, sửa chữa xong trước thời hạn 72 km đường. Trong thành tích chung ấy, có sự đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân thị xã Thái Nguyên. Đường số 3 - con đường huyết mạch - đã được khơi thông trên một tuyến dài từ thị xã Thái Nguyên đến địa giới Cao Bằng.

Ngày 16/9/1950, chiến dịch biên giới bắt đầu bằng trận tấn công bất ngờ của quân ta vào cứ điểm Đông Khê. Sau hai ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm quan trọng này. Mất Đông Khê, địch phải điều 1 binh đoàn do Lơgagiơ (Lepage) chỉ huy từ Thất Khê đánh lên để chiếm lại và đón binh đoàn do Sác tông (Charton) chỉ huy từ thị xã Cao Bằng kéo xuống. Toàn bộ quân địch trên tuyến phòng thủ đường số 4 lâm vào tình thế khốn quẫn.

Để cứu vãn tình thế ấy, địch vội vàng vét hầu hết lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ (gồm 5 tiểu đoàn), mở chiến dịch mang tên "Chó biển" (Phoque), đánh vào thị xã Thái Nguyên, nhằm kéo một phần chủ lực của ta ở mặt trận biên giới về đối phó với chúng, đỡ đòn cho đồng bọn ở đường số 4. Đánh vào thị xã Thái Nguyên địch còn nhằm che giấu thất bại nặng nề về quân sự của chúng ở mặt trận biên giới, trấn an tinh thần quân đội của chúng, đồng thời đánh phá hậu phương của ta, chuẩn bị điều kiện đưa Bảo Đại ra thực hiện trò hề "trao trả độc lập".

Hành động của địch đánh vào thị xã Thái Nguyên không nằm ngoài sự phán đoán của ta. Trong bản chỉ thị : "Về việc tích cực đề phòng địch tiến công mở rộng phạm vi kiểm soát ở trung du", Liên khu ủy Việt Bắc chỉ rõ: "Sau khi càn quét xong vùng đồng bằng liên khu III, địch có thể tập trung lực lượng để tấn công mở rộng phạm vi kiểm soát của chúng ở trung du Việt Bắc. Việc tấn công lên trung du Việt Bắc lại càng cần thiết cho địch, nếu chúng bị ta đánh mạnh ở biên giới". Trên cơ sở đó, bản chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ cho các vùng hậu phương là: "phải luôn luôn đặt vào tình thế địch sắp tấn công mà gây nên một không khí tích cực chuẩn bị trong nhân dân", để sẵn sàng đánh địch.

Trước một vài hoạt động của địch, Tỉnh ủy Thái Nguyên kịp thời ra chỉ thị (21/7/1950) về việc chống địch càn quét, bảo vệ địa phương, bảo vệ mùa màng. Bản chỉ thị nhấn mạnh: "Trước sự chuẩn

bị ráo riết của ta để chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, thì địch có thể sẽ đánh mạnh vào hậu phương của ta mà trung tâm là Thái Nguyên để hòng phá và cản trở công cuộc chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công của ta. Bởi vậy, công cuộc chuẩn bị của ta lúc này cũng phải ráo riết tích cực hơn lúc nào hết". Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cho bộ đội địa phương và dân quân du kích các huyện, xã về việc chuẩn bị vũ khí, đào hầm hào trú ẩn và tác chiến... Ngày 27/8/1950, Tỉnh ủy Thái Nguyên ra chỉ thị hướng dẫn cụ thể việc thực hiện sắc lệnh của Hồ Chủ tịch về tuần lễ thi đua giết giặc lập công.

Chấp hành các chỉ thị trên, cùng với các địa phương khác, quân dân thị xã Thái Nguyên tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu chống giặc, bảo vệ địa phương và hỗ trợ cho mặt trận biên giới. Các cơ quan và kho tàng trong thị xã được nhanh chóng chuyển đến những địa điểm an toàn. Quân và dân thị xã Thái Nguyên đã ở trong tư thế sẵn sàng đánh địch.

Ngày 29/9/1950, quân địch chia làm 3 đường tiến công thị xã Thái Nguyên:

- Cánh quân thứ nhất đi theo đường số 3.

- Cánh quân thứ hai gồm 12 ca nô, ngược dòng sông Cầu và đổ bộ lên Hà Châu, tiến về thị xã Thái Nguyên.

- Cánh quân thứ ba từ Vĩnh Yên, vượt đèo Nhe qua xã Phúc Thuận (Phổ Yên), lên Thịnh Đức, Thịnh Đán ra thị xã.

Cả ba cánh quân địch đều vấp phải sức chiến đấu mạnh mẽ của quân và dân ở các địa phương. Cánh quân thủy vừa đến bến đò Chã đã bị bộ đội địa phương và dân quân du kích chặn đánh: 12 tên bị chết, 8 tên bị thương, nhiều tên nhảy xuống sông bị chết đuối. Số còn lại vội bỏ chạy theo dòng sông Cầu, đến Hà Châu thì lên bộ, chạy ngược theo bờ sông máng. Nhưng khi chúng đến kè Đá Gân (Phú Bình), thì bị bộ đội địa phương và dân quân du kích chặn

đánh, tiêu diệt 45 tên.

Cánh quân đi theo đường số 3 bị quân ta liên tiếp chặn đánh ở Lưu Xá, Cầu Loãng, Trại Dự, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Cánh quân thứ ba vừa đến Thịnh Đức cũng bị quân ta tiêu diệt 17 tên (2).

Sự hoạt động mạnh mẽ của quân và dân ta đã gây cho địch nhiều tổn thất, và làm chậm bước tiến của chúng. Vì vậy, phải sau 3 ngày hành quân, sáng 1/10/1950 quân địch mới đặt chân tới vùng ven thị xã Thái Nguyên. Chiều hôm đó, chúng cho 12 máy bay khu trục ném bom xuống khu vực xung quanh thị xã, nhằm dọn đường cho cuộc hành quân. Và ngay sau đó, chúng cho 20 chiếc máy bay thả quân nhảy dù xuống Đồng Bẩm. Sáng 2/10, các cánh quân địch tiến vào bên trong thị xã. Với mục đích bảo toàn lực lượng và để chuẩn bị cho các trận chiến đấu tiếp theo, quân ta tạm thời rút ra vòng ngoài.

Sau khi chiếm được thị xã, địch xây dựng một số vị trí đóng quân và tiến hành càn quét ra các xã xung quanh, ra sức phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa và của cải của nhân dân ta (ở khu vực Quán Triều, Phúc Xuân v.v...).

Trong tình hình mới, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích nhằm tiêu hao sinh lực địch. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương kịp thời tổ chức lực lượng bám sát địch, đánh trả những đợt chúng càn quét cướp thóc lúa của dân đồng thời tổ chức bảo vệ dân gặt lúa. Cùng với các trận chiến đấu của quân dân Lũng Hà, An Khánh (Đại Từ), du kích xã Phúc Xuân chặn đánh một cánh quân địch đi càn, diệt gần 80 tên.

Trong khi đó, tại mặt trận biên giới, toàn bộ lực lượng chủ lực (F.308) cùng với bộ đội địa phương vẫn tiếp tục bí mật mai phục, chờ đánh quân tiếp viện của địch. Cả hai binh đoàn của Lơpagiơ

(Lepage) và Sáctông (Charton) đều bị tiêu diệt.

Như vậy, cuộc hành quân "Chó biển" của địch không những không cứu nguy được cho đồng bọn ở mặt trận biên giới, mà chúng còn bị sa lầy ở Thái Nguyên. Trước tình trạng đó, địch phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên vào lúc 24 giờ ngày 11/10/1950. Trên đường rút chạy, chúng lại bị quân ta truy kích và tiêu diệt một bộ phận. Chiều ngày 12/10, toàn bộ quân địch ở thị xã đã rút về tới đầu cầu Đa Phúc. Thị xã Thái Nguyên, sau một thời gian bị địch chiếm đóng, đã sạch bóng quân thù.

Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu kiên cường, quân và dân Thái Nguyên đã góp phần không nhỏ vào chiến công chung của toàn tỉnh: đánh địch hơn 60 trận, diệt 764 tên (trong đó có 2 quan ba), bắn hỏng 3 ca nô, phá hủy 1 ô tô và 1 máy bay. Chiến dịch "Chó biển) của địch bị thất bại hoàn toàn.

Cuộc chiến đấu của quân dân Thái Nguyên thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng. Thắng lợi đó có tác dụng bảo vệ được hậu phương, giữ vững căn cứ địa kháng chiến, kiềm chế và tiêu diệt lực lượng địch và do đó, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực của ta đánh thắng địch ở mặt trận biên giới trong thu - đông 1950.

Bằng chiến công đó, quân và dân thị xã Thái Nguyên đã thực hiện xuất sắc lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch (2/9/1050): "... các chiến sĩ ở các khu, các mặt trận khác phải ra sức thi đua giết giặc lập công để hết sức tiêu diệt địch, kiềm chế địch, không cho chúng tiếp viện mặt trận Cao - Bắc - Lạng".

Từ sau ngày được giải phóng, thị xã Thái Nguyên chuyển sang thời kỳ mới với nhiệm vụ mới: xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến.

III - Xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn (10/1950 - 7/1954).

Chiến thắng biên giới thu-đông 1950 đã làm thay đổi cục diện

chiến tranh. Từ sau chiến thắng này, quân ta giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc bộ). Ngược lại, thực dân Pháp ngày càng bị sa lầy nghiêm trọng. Chúng dựa vào sự viện trợ của Mỹ để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược. Tháng 12/1950 chính phủ Pháp cử tướng Đơ Lát đơ Tatxinhi (De Lathe de Tassiguy) làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Một kế hoạch mới do Đơ Tátxinhi vạch ra bao gồm những nội dung thâm độc.

Âm mưu và thủ đoạn của địch trong việc thực hiện kế hoạch Đơ Lát đơ Tatxinhi gây cho ta nhiều khó khăn mới.

Tại Thái Nguyên, sau khi chiến dịch "Chó biển" của địch thất bại, chúng tăng cường các hoạt động phá hoại bằng máy bay. Trong những tháng đầu năm 1951, máy bay địch hoạt động mạnh, nhằm mục tiêu bắn phá cầu đường. Hàng ngày chúng cho máy bay B.26 và Hencát bay thấp trên các quãng đường, nhất là dọc tuyến đường số 3, tìm bắn vào các đoàn dân công sửa đường và những người qua lại. Từ tháng 5/1951, vì phải lo đối phó với mặt trận Liên khu III nên hoạt động của địch có phần giảm đi so với những tháng đầu năm. Số lần hoạt động phi cơ địch từ 247 lần, xuống 165 lần. Ngoài những cuộc bắn phá lẻ tẻ có tính chất thăm dò các cơ quan, kho tàng, khủng bố nhân dân, địch còn cho máy bay ném bom, bắn phá dữ dội. Riêng trong trận oanh tạc vào thị xã Thái Nguyên ngày 1/5/51, địch đã huy động từ 35 đến 38 máy bay. Hoạt động của địch gây cho ta một số thiệt hại về người và của. Ngoài những vụ bắn phá, máy bay địch còn thả nhiều truyền đơn, chia rẽ bộ đội và nhân dân, dụ dỗ nhân dân di cư vào vùng tề...

Tình hình trên tuy có gây nhiều trở ngại, nhưng không thể ngăn cản được các mặt hoạt động của nhân dân ta. Nhận rõ vị trí và trách nhiệm của địa phương mình đối với cuộc kháng

---

(1) Thông cáo của BCH tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên (23/3/1949) - Bản đánh máy - Lưu trữ tại phòng tư liệu BNCLSD tỉnh Bắc Thái - 3 I/36)

(2) Theo báo cáo số 28 - ngày 3/10/50 - của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

chiến, cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên ra sức đẩy mạnh các mặt công tác, trước hết là tăng gia sản xuất, nhằm cung cấp ngày càng nhiều cho tiền tuyến.

Ngay từ cuối năm 1950, sau khi được giải phóng, phong trào tăng gia sản xuất phát triển rất mạnh. Cùng với các địa phương khác trong tỉnh, nhân dân thị xã Thái Nguyên tổ chức những "tuần lễ làm cỏ bón phân", "tuần lễ toàn dân canh tác"... và đã thu được nhiều kết quả. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, một chương trình tăng gia sản xuất về chiêm, mùa, ba giăng, chiêm bãi, ngô, khoai, sắn... cũng được đặt ra và thực hiện, góp phần tăng thêm nguồn lương thực, thực phẩm.

Từ năm 1951, theo kế hoạch của tỉnh, để đẩy mạnh kinh tế kháng chiến, tổ chức Đảng và chính quyền địa phương hướng dẫn nhân dân tập trung vào ba công tác chính: đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất để cung cấp cho nhu cầu kháng chiến; thi hành chính sách ruộng đất của Đảng và bao vây kinh tế địch. Tuy đạt được một số kết quả, nhưng việc thực hiện các mặt công tác trên vẫn còn có những hạn chế. Do thời tiết không thuận lợi lại bị máy bay địch khủng bố, nên một số xã không đủ nước tưới, làm cho diện tích cấy chiêm giảm xuống 30% so với năm 1950 (1).

Bước vào năm 1952, nhất là từ năm 1953, được động viên bằng những thắng lợi to lớn của quân dân ta trên các chiến trường, nhân dân thị xã Thái Nguyên càng hăng say lao động sản xuất. Diện tích cấy chiêm được mở rộng; việc làm cỏ bón phân có nhiều tiến bộ; phong trào tổ đổi công phát triển đều, giải quyết được nạn khan hiếm nhân công do lực lượng trẻ khỏe ra tiền tuyến.

Cùng với nông nghiệp, ngành sản xuất tiểu công nghệ và tiểu thương từ sau khi giải phóng thị xã đã dần dần hồi phục. các cơ sở sản xuất, chủ yếu là nông cụ cầm tay, xe kéo thô sơ, rèn đúc lưỡi

---

(1) Báo cáo công tác 3 tháng quí I năm 1951 của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên - Bản chép tay - lưu tại Ban NCLSD Bắc Thái 1 2/4.

cày, đồ dùng gia đình... bắt đầu hoạt động trở lại, đáp ứng được một phần nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Cũng nhờ đó, ngành tiểu công nghiệp thị xã góp phần quan trọng trong việc bao vây kinh tế địch và phá thế địch bao vây kinh tế của ta.

Việc giữ vững và đẩy mạnh sản xuất trong những năm nay là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho giá cả thị trường được ổn định, đời sống vật chất của nhân dân lao động được cải thiện.

Từ sau ngày thị xã được giải phóng cho đến nửa đầu năm 1951, do tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn, cho nên giá sinh hoạt tăng lên nhanh. Riêng các nhu yếu phẩm như gạo, muối, thị lợn, vải... giá mỗi ngày một cao (2). Những năm sau, đặc biệt là từ đầu 1953, tình hình sinh hoạt đắt đỏ được giải quyết; giá gạo, muối, vải trên thị trường đã ổn định. Đặc biệt, trong hai vụ giáp hạt tháng ba và tháng tám âm lịch, giá gạo trên thị trường vẫn đứng vững (3).

Song song với việc đẩy mạnh sản xuất, ổn định và nâng cao từng bước đời sống vật chất, cơ sở Đảng và chính quyền các cấp cũng quan tâm đến việc xây dựng cuộc sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Mặc dù máy bay địch thường xuyên oanh tạc, các trường trung, tiểu học vẫn giữ vững kế hoạch giảng dạy và học tập vào các buổi tối. Nội dung dân chủ mới được đưa vào trong chương trình giảng dạy ở nhà trường, nhất là từ sau cuộc họp giáo viên toàn tỉnh (3/51)

---

(2) Theo "Báo cáo tình hình dân cư và kinh tế Thái Nguyên - ngày 18/5/51 của UBKCHC tỉnh Thái Nguyên:

- Gạo tẻ : 39.600đ/tạ (1/51) - 42.635đ/tạ (4/51)

- Thịt lợn : 1.700đ/kg (1/51) - 2.180đ/kg (4/51)

- Vải ta : 100đ/vuông (1/51) - 150đ/vuông (4/51).

(3) Theo "Báo cáo thảo công tác kinh tế - tài chính tỉnh Thái Nguyên - 1953 - của UBKCHC tỉnh Thái Nguyên, ở thị xã, giá gạo cao nhất trong năm là 560đ/ kg (ở thời điểm tháng hai), và giảm dần xuống 310đ - 320đ/kg (cuối 11/53). Giá muối xuống rất nhanh: trong tháng 1 giá trung bình từ 1.600đ - 1.800đ/kg đến tháng 3 chỉ còn 1.000đ và cuối tháng 11 chỉ còn 650đ - 120đ/kg. Giá vải: tháng 1 trung bình là 1.750đ/m. Từ tháng 4, giá xuống dần và cuối năm đứng vững 1.350đ/m.

về việc rút kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục phổ thông 9 năm. Trình độ văn hóa được nâng cao đã có tác dụng hạn chế và đi tới xóa bỏ các tệ nạn xã hội. Từ năm 1951 trở đi, nạn mãi dâm hầu như không còn trong phạm vi tỉnh nói chung và thị xã nói riêng. Việc thực hiện nếp sống mới được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Việc cưới xin, ma chay đã đơn giản nhiều hơn trước. Tuy nhiên, những kết quả trên cũng chỉ mới là bước đầu và chưa vững chắc. Từ trong phong trào, đã bộc lộ ra những thiếu sót không những về chỉ đạo thực hiện mà cả về nhận thức tư tưởng. Vào thời gian này, các lớp học ở bậc dự bị không phát triển, mà còn giảm xuống; số học viên cũng ít hơn năm trước. Nguyên nhân của tình trạng này là do cán bộ phụ trách công tác bình dân học vụ chỉ chú trọng vào việc thanh toán nạn mù chữ, coi nhẹ việc củng cố và nâng cao trình độ cho những người đã qua bậc sơ cấp. Mặt khác, trong khi tổ chức thực hiện, ngành bình dân học vụ không kết hợp công tác với các ngành, và các đoàn thể quần chúng; do đó không kịp thời đối phó với những trở ngại khách quan như tâm lý chán học sau mỗi đợt đi dân công. Trong công tác vệ sinh phòng bệnh, tuy chúng ta có chú trọng việc truyền bá vệ sinh, nhưng không mang lại kết quả vì cán bộ y tế và nhân dân chưa thấm nhuần phương châm phòng bệnh là chính.

Mặc dù có những hạn chế, nhưng những bước tiến mới về việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thị xã Thái Nguyên trong thời gian từ cuối 1950 đến giữa 1954 có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Những thành tựu đó đã góp phần làm cho thị xã Thái Nguyên càng thêm vững chắc ở vị trí cửa ngõ phía nam của khu ATK và trở thành một trong những hậu phương của cuộc kháng chiến. Nhờ đó, vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thị xã Thái Nguyên đã đáp ứng được những yêu cầu về việc huy động sức người, sức của cho mặt trận.

Từ sau chiến thắng biên giới thu - đông 1950, với thế chủ động

và chiến lược, quân ta đã liên tiếp mở một loạt chiến dịch đánh vận động trên các chiến trường. Nhu cầu cung cấp về mọi mặt cho tiền tuyến ngày càng tăng lên.

Từ sau ngày được giải phóng, bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, thị xã Thái Nguyên đã hướng mọi hoạt động vào ba việc chính: huy động dân công phục vụ chiến dịch; sửa đường, làm cầu; và mua công trái quốc gia. Sôi nổi nhất là những đợt huy động dân công phục vụ chiến dịch và sửa đường, làm cầu. Từ năm 1951 đến năm 1953, nhiều đợt dân công liên tiếp được huy động làm nhiệm vụ sửa đường, tiếp tế, vận tải, làm nhà... Có những năm (như năm 1953) huy động tới 7, 8 đợt và đợt nào cũng có hàng vạn dân công toàn tỉnh tham gia. Hàng trăm, hàng ngàn con em đồng bào các dân tộc thị xã thay nhau có mặt trên các công trường. Có những đợt, toàn bộ đảng viên và cán bộ công nhân viên được huy động đi dân công. Nhiều đảng viên đã nêu cao tính tiền phong gương mẫu, xung phong đi dân công, liên tục 3-4 đợt trong một năm. Những tấm gương tập thể và cá nhân điển hình cũng xuất hiện, tiêu biểu là xã Túc Duyên, người đi nhiều nhất là 135 ngày, ít nhất là 15 ngày trong 1 năm; và xã Hiệp hòa, người đi nhiều nhất là 160 ngày, ít nhất từ 15 đến 30 ngày trong một năm (4). Liên tục trong các chiến dịch: biên giới, trung du, đường 18, đến Tây bắc, Điện Biên phủ, thị xã Thái Nguyên không những bảo đảm, mà còn vượt chỉ tiêu huy động dân công cấp trên giao cho. Riêng hai đợt phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, thị xã Thái Nguyên đã huy động được 168 dân công xe đạp, 407 dân công bộ làm cầu đường và 197 thợ mộc... Những phương tiện vận tải thô sơ như : xe trâu, xe đạp... cũng được huy động phục vụ kháng chiến (5).

Nhân dân thị xã Thái Nguyên đã không tiếc sức người, sức của,

---

(4) "Báo cáo tình hình mọi mặt tỉnh Thái Nguyên" - BCH tỉnh TN - 31/3/53 - đánh máy - trang 3c - Lưu tại Ban NCLSĐ tỉnh Bắc Thái.

(5) "Báo cáo năm 1954 thị xã Thái Nguyên - Ban cán sự thị xã - số 126/BC - 29/12/54 - Đánh máy trang 2 - Lưu trữ tỉnh ủy Bắc Thái.

không quản ngại khó khăn, gian khổ, thường xuyên tiếp tế, ủng hộ bộ đội. Hội mẹ chiến sĩ thành lập ở nhiều nơi và có những hoạt động thiết thực. Các phong trào quyên góp gạo, làm quà bánh ủng hộ bộ đội; phong trào chăm sóc thương binh, bệnh binh, đón bộ đội về nhà ăn tết, đỡ đầu bộ đội.. liên tục được phát động trong toàn dân, nhất là trong chị em phụ nữ. Tất cả những hoạt động đó đều mang tính chất quần chúng rộng rãi.

Sáu tháng đầu năm 1954, theo yêu cầu của Khu ủy về cung cấp vật lực cho tiền tuyến và nhu cầu công tác hậu cần, như phục vụ cải cách ruộng đất, quân nhu, quân khí, cầu đường... cùng với các địa phương khác trong tỉnh, nhân dân thị xã Thái Nguyên đã đóng góp rau khô, thịt, xe đạp và nhân công. Để bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi điều kiện, các tổ bảo vệ cầu đường được thành lập ở các xã ven đường. Những nơi quan trọng như cầu số 5, bến phà Oánh v.v... thường xuyên có tổ bảo vệ canh gác và có kế hoạch phối hợp với nhân dân địa phương tổ chức ứng cứu khi bị địch phá. Những con đường ngầm, trong đó có đường Mỏ Bạch, được sửa chữa lại bằng công sức của chủ lực phối hợp với nhân dân địa phương.

Những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp cũng chứng kiến sự đóng góp to lớn của nhân dân thị xã Thái Nguyên về mặt tài chính. Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng trong những năm 1951-1954, các hộ nông dân thị xã Thái Nguyên đều hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước.

Cùng với bà con nông dân, các gia đình kinh doanh công, thương nghiệp cũng ngày càng nhận rõ trách nhiệm của mình đối với cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong thời kỳ đầu, cán bộ phụ trách thuế công, thương nghiệp tuy có nhiều cố gắng, nhưng chưa thực sự đi đúng đường lối quần chúng, nặng về biện pháp hành chính và nhẹ về công tác giáo dục công, thương gia. Do đó chưa phát động được tư tưởng của công thương gia, dẫn đến tình trạng khai man, doanh

thu bình nghị không sát. Mức khai cao nhất ở thị xã trong thời gian đầu chỉ đạt 70%.

Từ năm 1953, nhất là từ đầu năm 1954 trở đi thị xã Thái Nguyên trở thành nơi tập trung buôn bán. Đó là một trong hai nơi buôn bán quan trọng nhất của tỉnh Thái Nguyên thời ấy (6).

Với số lượng khoảng 100 nhà công thương (tính đến đầu năm 1954) (7), thị xã Thái Nguyên không chỉ là nơi trao đổi hàng hóa của nhân dân trong tỉnh, mà còn là nơi cung cấp nhiều nguồn hàng cho các tỉnh bạn như Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng; đồng thời cũng là nơi trung chuyển hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm bị chiếm. Có thể nói, lúc đó thị xã Thái Nguyên là thị trường của cuộc kháng chiến. Vì vậy, ngành sản xuất công thương nghiệp thị xã Thái Nguyên đóng góp vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế - tài chính kháng chiến của Việt Bắc.

Ý thức được trách nhiệm của mình đối với kháng chiến, giới công thương nghiệp thị xã tự nguyện tự giác đóng thuế cho nhà nước. Nhiều hộ buôn bán tự nguyện nhận đóng thuế cao hơn mức trong biểu thuế quy định. Nhiều hộ xin đóng thuế trước hạn định (8).

Ngoài việc góp tiền, góp của cho kháng chiến, nhân dân thị xã còn hăng hái đón thương binh về làng, chăm sóc thương binh, bệnh binh, đỡ đầu các đơn vị chủ lực về đóng tại địa phương.

Từ sau chiến thắng biên giới thu - đông 1950 trở đi, thị xã trở thành vùng đất tự do, nằm kề sát khu an toàn của Trung ương,

---

(6) Hai trung tâm buôn bán của tỉnh Thái Nguyên lúc này là thị xã và Phố Giá (Phố Yên).

(7) "Báo cáo tình hình thu thuế công thương nghiệp 1954 và kiểm điểm sự lãnh đạo công tác thuế công thương nghiệp của Thái Nguyên" - Ban kinh tế Thái Nguyên - Bản đánh máy - trang 2 - Lưu tại BNCLSĐ Bắc Thái 2 3/31.

(8) Báo cáo công tác 6 tháng đầu 1954 của BCH tỉnh Thái Nguyên - 10/6/1954 - Bản đánh máy - trang 8 - lưu tại Ban NCLSĐ Bắc Thái - 11 2/4.

nhưng cũng chỉ cách vùng địch tạm chiếm khoảng 30 km. Tình hình đó đã đặt ra cho thị xã một yêu cầu hết sức quan trọng là phải tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, thường xuyên cảnh giác đề phòng địch tấn công lên thị xã.

Từ đầu năm 1951, cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang ở các địa phương trong tỉnh bước vào đợt luyện quân "Mùa xuân Quang Trung", kéo dài 2 tháng rưỡi. Qua đợt huấn luyện, trình độ tác chiến, cũng như trình độ chính trị của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước. Ý thức tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cũng được nâng cao. Nhờ đó, các đợt vận động tòng quân bổ sung cho bộ đội chủ lực tỉnh và bộ đội địa phương đều thu được kết quả tốt.

Từ sau các đợt phát động giảm tô, thông qua cuộc vận động chỉnh đốn tổ chức, các chi bộ Đảng được củng cố; các đội du kích được chấn chỉnh về mặt tổ chức; bộ máy công an được kiện toàn. Tình hình trị an ở địa phương do đó được bảo đảm; các vụ âm mưu phá hoại và hoạt động gián điệp do địch tung vào thị xã được khám phá kịp thời.

Những thành tựu và bước tiến trên mọi lĩnh vực trong thời gian 1950-1954 ở thị xã Thái Nguyên không thể tách rời với sự trưởng thành của cơ sở Đảng và bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, từ cuối năm 1950 đến 1951, hướng về đại hội Đảng toàn quốc, các cơ sở Đảng ở thị xã chuyển trọng tâm công tác xây dựng từ phát triển sang củng cố. Các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên liên tiếp được phát động. Ngay từ đầu năm, kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Đảng, cùng các Đảng bộ khác, Đảng bộ thị xã tiến hành cuộc vận động "học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng". Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh của Hồ Chu tịch, Đảng bộ lại phát động "Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính". Thông qua các cuộc vận động, hầu hết các ban chi ủy được kiện toàn. Các ban

chi ủy Dân Chủ, Phúc Xuân... được chấn chỉnh. Nhiều đảng viên tiêu biểu, xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung vào cấp ủy. Trình độ chính trị, ý thức giác ngộ giai cấp được nâng lên, trong dịp chuẩn bị đại hội Đảng toàn quốc lần II và đưa Đảng ra hoạt động công khai (2/1951), các buổi mít tinh, nói chuyện được tổ chức ở hầu khắp các xã đã gây được ảnh hưởng tốt trong quần chúng.

Từ năm 1952, nhất là bước sang năm 1953, kết hợp với công tác phát động quần chúng, bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng được củng cố. Cùng với việc nâng cao trình độ mọi mặt, số lượng đảng viên tăng nhanh (9). Những mặt yếu kém của chính quyền và Hội đồng nhân dân trong thời gian trước, như lề lối làm việc chưa có nền nếp, tác phong quan liêu, hình thức, v.v... được khắc phục một phần. Những vướng mắc, băn khoăn về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, thông qua các đợt chỉnh huấn đã được giải quyết.

Sự phát triển về nhiều mặt của thị xã trong những năm cuối của cuộc kháng chiến đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất và trực tiếp của một cấp ủy Đảng. Vì vậy, năm 1953, theo quyết định của cấp trên, thị xã Thái Nguyên chính thức được tái lập. Một ban cán sự đảng gồm 3 đồng chí (10) do Tỉnh ủy chỉ định, được thành lập. Sự ra đời của Ban cán sự đánh dấu bước trưởng thành trong quá trình xây dựng và phát triển cơ sở Đảng ở thị xã Thái Nguyên. Từ đó, mọi mặt công tác ở thị xã được tiến hành thuận lợi hơn trước.

Tóm lại, kể từ sau ngày được giải phóng hoàn toàn, dù bị máy bay địch thường xuyên oanh tạc, bắn phá, dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng và ủy ban kháng chiến - hành chính, nhân dân thị xã

---

(9) Đầu năm 1954, riêng trong khu vực thị xã Thái Nguyên có 1 chi bộ gồm 69 đảng viên.

(10) Gồm có đồng chí Trần Văn Cầu, đ/c Dung và đ/c Chức. Đồng chí Trần Văn Cầu làm trưởng ban.

Thái Nguyên đã xây dựng quê hương mình trở thành một hậu phương vững chắc. Với tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến ! Tất cả để chiến thắng!", Đảng bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên tích cực đóng góp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến. Bằng sự đóng góp đó, Đảng bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên cùng với các địa phương khác đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và việc ký kết hiệp định Giơnevơ (20/7/1954).

Phấn khởi, tự hào với chiến thắng vĩ đại của dân tộc, trong đó có phần đóng góp của mình, nhân dân thị xã Thái Nguyên vinh dự và tự hào được thay mặt nhân dân cả nước đón chào phái đoàn chính phủ ta, do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, từ hội nghị Giơnevơ thắng lợi trở về. Một cuộc mít tinh trọng thể được tổ chức tại sân vận động thị xã. Nhân dân ở bốn khu phố cùng với nhân dân các xã Đồng Bẩm, Túc Duyên, Gia Sàng, Đồng Quang...., tiến về sân vận động, chăm chú lắng nghe tin vui thắng lợi.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc, miền Bắc được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó, như mọi địa phương trên miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân thị xã Thái Nguyên phấn khởi bắt tay vào nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trước mắt là khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - giáo dục.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ THÁI NGUYÊN TRONG THỜI KỲ THỰC HIỆN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1964)

I- Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa (1954-1957).

Sau khi hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng đã căn bản hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu, bao gồm các nhiệm vụ: thiết lập và củng cố nhà nước chuyên chính vô sản, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng hệ tư tưởng và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Khi bắt tay thực hiện những nhiệm vụ chung của thời kỳ quá độ, thị xã Thái Nguyên có những nét riêng biệt. Từ sau năm 1950, Thái Nguyên đã là vùng tự do, là hậu phương của cuộc kháng chiến. Tuy vậy, sau chiến tranh, tình hình kinh tế, xã hội ở thị xã Thái Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp.

Do hậu quả của cuộc chiến tranh, lại gặp thiên tai làm mất mùa, dẫn đến nạn đói kéo dài suốt 6 tháng đầu năm 1955, đời sống nhân dân rất thấp kém.

Lợi dụng sự khan hiếm về lương thực, các tư thương đầu cơ tích trữ thóc gạo. Tại trung tâm thị xã, đầu năm 1955 giá gạo tăng từ 1,5 đến 2 lần. Sức mua của nhân dân giảm sút hẳn. Nhiều mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống trở nên khan hiếm.

Kinh tế gặp khó khăn càng làm cho tình hình xã hội thêm phức tạp. Bọn phản động đội lốt tôn giáo đẩy mạnh các hoạt động chống phá đường lối, chính sách của Đảng và chính quyền. Chúng vận động giáo dân di cư vào Nam. Bọn gián điệp chỉ điểm và những tên tay sai đã từng tham gia ngụy quân, ngụy quyền lén lút hoạt động phá hoại kinh tế ; một số tên khác cầm đầu bọn lưu manh trộm cắp gây rối trật tự trị an (1). Một số phần tử phản động trong người Hoa lợi dụng tình hình, kích động dân chúng người Hoa không chấp hành chính sách của ta. Giai cấp địa chủ ở trong tỉnh về cơ bản đã bị phá bỏ cơ sở kinh tế và uy thế chính trị trong giảm tô và cải cách ruộng đất. Tuy nhiên, một số tên không chịu cải tạo, ngấm ngầm xuyên tạc đường lối cải cách ruộng đất và sửa sai của Đảng; chống phá chính quyền nhằm ngăn cản việc thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ.

Sau chiến tranh, các hộ tư thương, dân nghèo thành thị và cả những phần tử đã tham gia ngụy quân, ngụy quyền trở về thị xã ngày càng đông, làm cho tình hình thêm khó khăn, phức tạp. Các tệ nạn xã hội, như cờ bạc, trộm cắp, mãi dâm có cơ hội phát triển.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, trong một số cán bộ và nhân dân bắt đầu nảy sinh tư tưởng hưởng lạc, nghỉ ngơi. Một số địa phương coi nhẹ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng.

Trong khi đó, cán bộ ở các cấp ủy và chính quyền cơ sở đều thiếu, trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế. Việc kiện toàn và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đang được đặt ra cấp bách, nhằm tiếp tục lãnh đạo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mới của cách mạng.

Tình hình trên đây của thị xã Thái Nguyên cũng phản ánh một

---

(1) Các vụ phá hoại máy móc ở nhà máy Hoàng Văn Thụ, xí nghiệp Trần Hưng Đạo, xưởng Tiền Phong, Tiến Bộ; cướp của, đốt nhà, giết người ở thị xã.

Đoàn đại biểu cấp cao đi dự hội nghị Giơ Ne Vơ về nói chuyện với nhân dân thị xã (1954)

phần bối cảnh chung của miền Bắc nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ đặc điểm, tình hình mới, tháng 9/1954 Bộ chính tri Trung ương Đảng ra nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Bắc , để ổn định đời sống nhân dân, Đảng ta coi vấn đề khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng và các nghị quyết chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng thị xã chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục.

Từ đầu năm 1955, Ban cán sự Đảng liên tục phát động các phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm. Xuất phát từ đặc điểm địa bàn thị xã và sự phân bố cư dân nông nghiệp ở nội thị, Ban cán sự Đảng tăng cường chỉ đạo việc trồng các loại hoa mầu ngắn ngày, như ngô, khoai, đỗ; đồng thời cấy thêm lúa nam ninh...

Các tổ chức quần chúng, như nông hội, thanh niên, phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền,tổ chức, chỉ đạo kế hoạch, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi trong nhân dân. Nhờ đó, ngay từ đầu năm 1955, thị xã đã thu hoạch trên 20 tấn rau mầu các loại, góp phần quan trọng vào việc giải quyết nạn đói đang đe dọa.

Trong 3năm khôi phục kinh tế (1954-1957), việc đẩy mạnh trồng mầu là một hướng quantrọng trong sản xuất nông nghiệp ở thị xã. Diện tích trồng màu, chủ yếu là khoai lang, tăng từ 20% đến 30%. Năng suất khoai lang trong năm 1957 tăng 18% so với năm 1955.

Từ năm 1956, phong trào trồng rau xanh được đẩy mạnh. Đến năm 1957, tổng diện tích trồng rau tăng gấp 2 lần so với năm 1955.

Sản xuất rau xanh được Đảng, Chính quyền quan tâm chỉ đạo, được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Đó là một hướng mới trong sảnxuất nông nghiệp của thị xã, nhằm biến thị xã thành một vùng sản xuất rau xanh.

Thắng lợi bước đầu của sản xuất rau màu đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống và phát triển chăn nuôi.

Sản xuất lúa vẫn là hướng chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực trong thời kỳ này. Thị xã đã đi vào sản xuất của hai vụ chiêm và mùa.

Được sự giúp đỡ của Ty nông lâm, sản xuất nông nghiệp ở thị xã đã từng bước áp dụng các khâu kỹ thuật, như xử lý giống, làm bừa cỏ Nghệ An, làm phân xanh, bón thêm phân phốt phát... góp phần tăng nhanh năng suất và sản lượng lúa, hoa mầu.

Kết hợp với các cuộc vận động chính trị đang diễn ra sôi nổi ở trong tỉnh, Ban cán sự Đảng thị xã đã đẩy mạnh công tác chỉ đạo phong trào đổi công sản xuất, chăm sóc đồng ruộng, tạo sự chuyển biến trong cách làm ăn mới.

Do những cố gắng trên, năm 1956 sản xuất nông nghiệp ở thị xã giành được kết quả tốt. Đời sống của nhân dân thị xã căn bản được ổn định.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có những tiến bộ. Từ sau ngày hòa bình lập lại, do sản xuất lương thực và rau mầu đượcphục hồi, việc phòng bệnh cho gia súc được quan tâm, cho nên đàn lợn ở thị xã tăng nhanh. Năm 1955-1956, toàn thị xã có hơn 400 con lợn; đến năm 1957, số đầu lợn tăng lên 3 lần. Kết quả này mở ra một triển vọng tốt đẹp trong việc thực hiện cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt ở thị xã, bước đầu đáp ứng yêu cầu thực phẩm trong nhân dân.

Song song với việc khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp, ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp và giao thông vận tải cũng có nhiều chuyển biến.

Từ năm 1955, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy trong việc điều chỉnh công thương gia kinh doanh đúng hướng, Ban cán sự Đảng thị xã đã vận động các nhà công thương đi vào sản xuất kinh doanh

theo hướng phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ khôi phục và phát triển các ngành nông nghiệp, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải.

Phương châm chỉ đạo của Ban cán sự là tạo điều kiện và khuyến khích mọi khả năng khôi phục và phát triển công thương nghiệp; đồng thời ngăn chặn đầu cơ tích trữ, ăn cắp nguyên liệu, vật tư, trốn thuế, lậu thuế và những hành động cửa quyền, gian thợ,...

Để giúp đỡ thủ công nghiệp phát triển, Đảng và chính quyền thị xã đã tạo điều kiện cho các ngành thủ công vay vốn đầu tư ở ngân hàng (có ngành vay hàng chục triệu), giúp đỡ họ về nguyên vật liệu, khơi nguồn tiêu thụ, tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm áp dụng kỹ thuật. nhờ đó, ngành thủ công nghiệp ở thị xã trong thời kỳ này đã nhanh chóng được khôi phục và phát triển khá mạnh mẽ.

Một số ngành mới xuất hiện, như làm gạch, trong 3 năm phát triển được 7 lò; mỗi năm sản xuất hàng triệu viên. Ngành mộc tăng gấp đôi về sản phẩm hàng hóa so với năm 1954. Sản xuất vôi là ngành phát triển mạnh nhất trong thời gian này. Trong 3 năm đã xây dựng được 13 cơ sở sản xuất với 16 lò, tăng 2,5 lần so với năm 1955, mỗi năm sản xuất hàng trăm tấn vôi. Tuy vậy, sản xuất mới đáp ứng được 1/6 nhu cầu nông nghiệp và xây dựng. Các ngành cơ khí sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp(cuốc, xẻng, diệp cày...), phục vụ vận tải (xe trâu, thuyền buồm...), bước đầu đáp ứng được yêu cầu sản xuất, khôi phục kinh tế, trong các ngành thủ công ở thị xã vào thời kỳ này, đáng chú ý nhất là ngành dệt. Cho tới năm 1957, thị xã tổ chức được một tập đoàn dệt, một tổ sản xuất và 5 cơ sở tư nhân, với tổng số 28 khung dệt, khổ rộng, sản xuất hàng ngàn mét vải trong một năm.

Sự phục hồi và phát triển khá nhanh chóng của các ngành thủ công đã mang lại nhiều sản phẩm, nhiều hàng hóa mới trên thị trường. Tình trạng khan hiếm hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết

yếu, phục vụ cuộc sống, bước đầu được giải quyết. Điều đó cũng nói lên khả năng tiềm tàng của ngành thủ công nghiệp ở thị xã.

Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất đi lên của thủ công nghiệp thời kỳ này, cũng bộc lộ nhiều thiếu sót: một số mặt hàng phẩm chất còn yếu, mẫu mã, loại hình chưa hợp với thị hiếu của người tiêu dùng (như các mặt hàng đồ gỗ, thủy tinh, gạch, ngói, đồ song mây, rổ rá...). Một số ngành phát triển chưa đúng hướng, không theo kế hoạch. Một số cơ sở nhận gia công, đặt hàng, sản xuất theo hợp đồng thường làm dối, làm ẩu, phẩm chất kém không bảo đảm các quy định về chỉ tiêu kỹ thuật sản phẩm. Tình trạng ăn cắp nguyên vật liệu (gỗ, sắt...), lậu thuế, tuồn hàng và vật tư được cung cấp ra ngoài để kiếm lời v.v... vẫn diễn ra.

Dù còn nhiều tồn tại, nhưng ngành thủ công nghiệp ở thị xã đã được khôi phục; sản xuất đi dần vào thế ổn định và có kế hoạch, bảo đảm một phần nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu giao lưu hàng hóa ngày càng tăng, chợ trung tâm (Bến Tượng) và các chợ lân cận được phục hồi và mở rộng. Các mặt hàng nông sản, thủ công nghệ... ở trong tỉnh và các tỉnh khác được chuyển về ngày càng phong phú. Giá cả dần dần ổn định và phù hợp với sức mua của nhân dân.

Trong công tác chỉ đạo thương nghiệp tư nhân, thị xã Thái Nguyên coi trọng công tác quản lý, ổn định giá cả thị trường, tổ chức đăngk ý kinh doanh và thu thuế.

Mặc dù các cấp chính quyền, các ngành, các giới đã tổ chức cho tư thương học tập chủ trương, đường lối, chính sách công thương của Đảng; lại được các phòng chức năng như quản lý thị trường, thuế vụ, công an trực tiếp quản lý, tổ chức đăng ký kinh doanh, nhưng một số tư thương vẫn tìm cách chống lại.

Từ cuối năm 1954 đầu năm 1955, do thiên tai làm mất mùa nên

đã xảy ra nạn đói kéo dài và trở nên trầm trọng. Một số tư thương dùng mọi thủ đoạn đầu cơ tích trữ thóc gạo, càng gây thêm khó khăn cho đời sống nhân dân. Các cấp ủy Đảng thị xã đi sâu sát chỉ đạo chính quyền tăng cường công tác quản lý, kịp thời phát giác và xử lý hành chính hàng chục vụ đầu cơ, thu hồi trên 14 tấn gạo để bán theo giá chỉ đạo cho hơn 300 người đang gặp khó khăn. Việc xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm chính sách công thương của Đảng và Chính phủ đã có tác dụng giáo dục tốt đến tình hình quản lý và thu thuế. Tính đến 30/11/1955, thị xã đã thu được 968 triệu đồng, đạt 75% kế hoạch năm.

Từ cuối năm 1956, sau một thời gian bị giảm sút, hoạt động của tư thương dần dần được phục hồi; diện bán buôn được mở rộng. Đầu năm 1957, nhà nước ra sắc lệnh cấm đầu cơ tích trữ, nghiêm trị những phần tử đầu cơ phá giá thị trường. Nhờ đó, các hoạt động công thương nghiệp đi đúng hướng, dần dần ổn định giá cả thị trường.

Sự phục hồi và phát triển các ngành kinh tế trong những năm 1955-1957 đòi hỏi phải mở rộng giao thông vận tải ở thị xã.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy trong việc sử dụng lực lượng vận tải tư nhân, dưới sự chỉ đạo của Ban can sự Đảng, thị xã Thái Nguyên tăng cường công tác chỉ đạo quản lý các bến bãi, xe...của các hãng tư nhân hoạt động trên địa bàn Thái Nguyên; đồng thời tích cực tận dụng khả năng của các loại xe chở hàng, chở khách hàng ngày ra vào thị xã.

Phòng giao thông thị xã phối hợp với cảnh sát giao thông kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nội quy, quản lý tốt bến xe; bảo đảm an toàn cho hành khách và trị an xã hội. Cũng như đó, hàng hóa được lưu thông, nhân dân đi lại thuận lợi. Những hành động của lái xe xe tự ý nâng giá cước hàng hóa và hành khách, chở hàng hoặc người quá trọng tải quy định... đều bị xử lý nghiêm minh.

Các phương tiện vận tải thô sơ, chủ yếu là xe trâu, hoạt động tập trung ở khu vực thị xã và Đồng Bẩm cũng được chú ý sử dụng. Trong 3 năm, từ năm 1956 đến 1958, hàng hóa vận chuyển bằng xe trâu chiếm một khối lượng khá lớn: 78.369 tấn trọng tải và đạt 1.057.151 tấn/km. So với vận tải ôtô và đường sông ở trong tỉnh, vận tải xe trâu chiếm 59,4% tấn trọng tải và 23% tấn/km.

Sự nghiệp văn hóa giáo dục trong 3 năm được củng cố và phát triển thêm một bước. Bộ mặt thị xã từng bước đổi mới, sạch đẹp và văn minh.

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm lo sức khỏe của nhân dân được các cấp ủy đặc biệt quan tâm. Ngành y tế của tỉnh đã giúp thị xã đào tạo y tá, nữ hộ sinh cho các khu phố.

Để phát triển giáo dục, từ đầu năm 1955 Ban cán sự thị xã đề ra chủ trương mở thêm các trường quốc lập và dân lập. Được nhân dân hưởng ứng và các ngành, các cấp quan tâm, trong 3 năm (1955-1957), thị xã Thái Nguyên xây dựng thêm 3 trường mới ở Tân Long, Phù Liễn và Chiến Thắng; mở 10 trường dân lập ở 10 phố, sửa chữa được 7 trường cũ. Tính riêng trong năm 1957, toàn thị xã có 925 trẻ em được cắp sách tới trường. Tuy nhiên, tình trạng nhiều trường lớp lẻ tẻ, thiếu tập trung làm cho công tác quản lý, đào tạo gặp nhiều khó khăn, nhất là việc theo dõi, quản lý chương trình, kế hoạch giảng dạy.

Để tăng cường hiệu quả giáo dục, Ban bảo trợ học đường; được thành lập, nhằm thực hiện sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường với các đoàn thể và gia đình đối với thế hệ trẻ.

Ngoài giáo dục phổ thông, công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cũng được quan tâm. Cho tới năm 1957, toàn thị xã có 350 người theo học các lớp bình dân học vụ, đạt 68% số người trong diện thanh toán nạn mù chữ; 700 người theo học các lớp bổ túc văn hóa đạt 40% kế hoạch.

Thắng lợi trên các mặt trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa không tách rời vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp.

Sau ngày hòa bình lập lại, Ban cán sự Đảng rất quan tâm đến việc củng cô và kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân. Cho tới năm 1957, về cơ bản, Ủy ban hành chính và các ban chuyên môn các cấp đã được kiện toàn (1).

Đồn công an thị xã được chỉnh đốn về tổ chức và tăng cường thêm lực lượng. Đến tháng 8/1954, lực lương cảnh sát được xây dựng. Tuy lực lượng còn mỏng, chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiềuhạn chế, nhưng lực lượng công an, cảnh sát thị xã đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng, như đăng ký và quản lý hộ khẩu, hộ tịch; ngăn chặn những âm mưu và thủ đoạn phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Lực lượng vũ trang nhân dân cũng được củng cố. Thông qua chỉnh đốn tổ chức và huấn luyện chính trị, quân sự, chất lượng dân quân, du kích được nâng lên. Hoạt động của các phố đội, tiểu đội đi vào nền nếp.

Trong những năm đầu sau khi hòa bình được lập lại, Ban chấp hành Đảng bộ thị xã (Thị ủy) chưa được thành lập. Mọi sự chỉ đạo hoạt động của các chi bộ và các cấp chính quyền trong thị xã lúc đó đều thuộc về Ban cán sự Đảng (2). Tuy có những hạnchế về công tác chỉ đạo, nhưng Ban cán sự đã coi trọng công tác củng cố và xây dựng Đảng bộ. Đầu năm 1954, thị xã Thái Nguyên có 54 đảng viên, được tổ chức thành hai chi bộ: một chi bộ cơ quan và một chi bộ khu phố. Nhiều tổ chức quần chúng, như thanh niên, phụ nữ và

---

(1) Năm 1957, Ủy ban hành chính khu tự trị Việt Bắc quyết định bổ sung cho ủy ban hành chính thị xã Thái Nguyên đủ biên chế 5 đồng chí.

(2) Gồm có 3 đồng chí, do đồng chí Trần Văn Cầu làm trưởng ban.

một số khu phố không có đảng viên. Đầu năm 1955, đảng bộ thị xã đã phát triển lên 4 chi bộ: Long Thành, Hòa Bình, Hùng Vương và Chiến Thắng. Tuy vậy, do thường xuyên phải điều động công tác theo yêu cầu của tỉnh, cho nên một số chi ủy thiếu cán bộ (1), lại không được kịp thời bổ sung, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo của chi bộ. Trong hoàn cảnh đó, Ban cán sự Đảng đã phân công đi xuống các chi ủy để tăng cường chỉ đạo ở cơ sở. Những vướng mắc về tư tưởng và những đòi hỏi về chính sách, chế độ trong cán bộ, đảng viên ở các chi bộ từng bước được giải quyết. Một số cán bộ, đảng viên hạn chế về trình độ văn hóa và năng lực công tác được các cấp ủy cử đi dự các khóa huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng. Thông qua các lớp huấn luyện, tình trạng thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quan liêu, xa rời quần chúng... cũng được khắc phục.

Tuy nhiên, thực tế công tác chỉ đạo của các cấp ủy trong thời kỳ này đã đặt ra vấn đề rất cấp bách: cần phải nhanh chóng kiện toàn tổ chức Đảng ở thị xã, nhằm đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và nâng cao năng lực của các tổ chức Đảng trong thời kỳ mới.

II- Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1958-1964)

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, miền Bắc nước ta chuyển sang thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958-1960).

Tháng 11/1958, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ XIV, đề ra nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc là: "Đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời phải ra sức phát triển thành

---

(1) Chi ủy Long Thành có 3 đồng chí; chi ủy Chiến Thắng có 1 đồng chí, các chi bộ khác có 2 đồng chí.

phần kinh tế quốc doanh" (1).

Trong nhiệm vụ cải tạo, Đảng ta xác định lấy cải tạo nông nghiệp làm khâu chính, lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ yếu, nhằm giải quyết vấn đề lương thực; đồng thời chú trọng sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp để giải quyết phần lớn hàng tiêu dùng; tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh. Trên cơ sở đó, từng bước nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tăng cường củng cố quốc phòng.

Bước vào thời kỳ cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, thị xã Thái Nguyên giữ một vị trí rất quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội.

Để đáp ứng tình hình, nhiệm vụ cách mạng mới, Thị ủy thái Nguyên chính thức thành lập năm 1958. Ban cán sự Đảng Thị xã giữ vai trò như một cấp ủy Đảng bộ cơ sở, đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Trong hoàn cảnh mới của lịch sử, nhất là trong bước phát triển mới của thị xã Thái Nguyên, việc giải thể Ban cán sự Đảng và thành lập Thị ủy là một sự kiện đánh dấu một bước kiện toàn và thống nhất hệ thống tổ chức Đảng ở thị xã.

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của Đảng bộ tỉnh, trong thời kỳ 1958-1960, Đảng bộ thị xã Thái Nguyên tập trung lãnh đạo cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa.

Nghị quyết hội nghị Đảng bộ thị xã đầu năm 1959 đề ra nhiệm vụ: "Tích cực cải tạo thành phần kinh tế tiểu thủ công, tiểu thương, nông nghiệp cá thể thành kinh tế hợp tác xã, cải tạo kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh... đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và vật liệu phục vụ cho xây dựng địa phương, thực hiện

---

(1) Nghị quyết hội nghị Trung ương lần XIV - Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam - NXB Sự thật - Hà Nội - 1959 - trang 12.

phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân lao động; trên cơ sở đó mà củng cố Đảng, chính quyền, lực lượng bán vũ trang và các đoàn thể quần chúng" (1).

Khi bắt tay vào nhiệm vụ cải tạo, Đảng bộ thị xã đã nhận thức đầy đủ ý nghĩa to lớn của nó, coi đó là một cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để về mọi mặt. Do đó, để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, Đảng bộ đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ và nhân dân, nhằm làm cho mọi người phân biệt con đường tư bản chủ nghĩa với con đường xã hội chủ nghĩa; nhận rõ con đường đi lên của miền Bắc là phải bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp chủ yếu là tổ chức nông dân đi vào làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ hết sức coi trọng đường lối phương châm của Đảng: kết hợp chặt chẽ hợp tác hóa với cải tiến kỹ thuật và phát triển sản xuất, hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lực lượng lao động; đưa nông dân từ chỗ làm ăn riêng lẻ đi dần qua tổ đổi công, tiến lên hợp tác xã bậc thấp rồi chuyển lên bậc cao.

Thị xã Thái Nguyên đã có phong trào đổi công ở nhiều nơi từ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, lại được củng cố và phát triển trong những năm 1956-1957. Đó là những điều kiện thuận lợi khi bước vào công cuộc cải tạo nông nghiệp.

Việc đảm bảo thực hiện các nguyên tắc: "Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ", với phương châm dựa vào quần chúng, kiên trì giáo dục và tổ chức quần chúng của Đảng bộ đã đem lại những thắng lợi to lớn trong công cuộc cải tạo nông nghiệp ở thị xã. Cho tới năm 1960, toàn thị xã đã có 85% số nông hộ vào hợp tác xã.

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác 1959 của Ban chấp hành Thị ủy Thái Nguyên - Lưu trữ tại Văn phòng tỉnh ủy Bắc Thái.

Khác với một số địa phương ở trong tỉnh, đặc điểm cư dân nông nghiệp ở thị xã bao gồm ba bộ phận: một bộ phận chuyên canh lúa là chủ yếu, một bộ phận vừa trồng lúa vừa trồng rau, màu; và một bộ phận chuyên canh rau.

Trong phương hướng tổ chức hợp tác xã, Đảng bộ thị xã chủ trương xây dựng các hợp tác xã trồng lúa để tự giải quyết một phần về lương thực, đồng thời cũng hết sức coi trọng xây dựng các hợp tác xã chuyên canh rau hoặc vừa trồng rau vừa trồng lúa, nhằm cung cấp rau xanh và sản phẩm chăn nuôi cho thị xã.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, công tác quản lý hợp tác xã dần dần đi vào nền nếp, sản xuất có kế hoạch; những tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng; cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được xây dựng. Nhờ vậy, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành tích đáng kể.

Sản lượng lương thực và rau xanh trong ba năm đều tăng. Riêng sản xuất rau xanh năm 1960 đạt 378,3 tấn. Tính trung bình trong hai năm (1959-1960), sản lượng rau mỗi năm tăng 3,6% so với năm 1958. Trải qua hơn 5 năm (1955-1960) khôi phục, cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, ngành sản xuất rau ở thị xã có những bước tiến lớn: diện tích trồng rau các loại tăng 6,58%, năng suất tăng 159,94%; sản lượng tăng 378,3%.

Ngành chăn nuôi cũng có những bước tiến rõ rệt. Trong ba năm (1958-1960), trung bình mỗi năm thị xã có 2.000 con lợn. Riêng trong hai năm (1958-1959), số đầu lợn tăng gấp 2 lần so với năm 1957.

Song song với cải tạo nông nghiệp, Đảng bộ thị xã đã tập trung chỉ đạo công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, coi đó là một công tác trung tâm.

Trước khi bước vào nhiệm vụ cải tạo, một số công thương gia ở

thị xã đã tham gia các hình thức kinh tiêu, đại lý, nhận gia công theo hợp đồng. Nhờ đó, công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đạt được kết quả tốt.

Đối với thủ công nghiệp, cho tới năm 1960, toàn thị xã đã có 83,39% số hộ được tổ chức thành 36 hợp tác xã. Nhìn chung, ngành thủ công nghiệp thị xã sau khi được tổ chức lại lực lượng lao động, đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất đi đúng hướng và có kế hoạch. Nhiều ngành thủ công không những đạt, mà còn vượt chỉ tiêu kế hoạch. Đáng chú ý là ngành sản xuất vôi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng đạt 20.680 tấn, bằng 388,7%. Các mặt hàng tôn, sắt tây, như chậu giặt, thùng đựng nước, tưới rau... đạt 221,6% kế hoạch.

Giá trị tổng sản phẩm đồ gỗ năm 1959 đạt 44.060 đồng. Đến năm 1960, dù sản xuất đồ gỗ chỉ đạt 98,16% kế hoạch, nhưng giá trị tổng sản phẩm đã tăng lên gấp 2 lần so với năm 1959.

Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên chính thức hình thành trong thời kỳ này, nằm trên 3 khu vực lớn của thị xã: Lưu Xá, Cao Ngạn, Trại Cau, trong đó Lưu Xá là trung tâm.

Sự ra đời của khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên không những thu hút đông đảo lực lượng lao động thanh niên và công nhân kỹ thuật ở thị xã, mà còn khuyến khích sự phát triển của các ngành thủ công nghiệp trong thị xã.

Cùng với các thành phần kinh tế khác, ngành thương nghiệp thị xã cũng được chú ý cải tạo và phát triển có tổ chức.

Toàn tỉnh Thái Nguyên có 3.832 hộ kinh doanh thương nghiệp (chiếm 12,27% dân số) , với tổng số vốn theo đăng ký là 379.735 đồng, đa số tập trung ở thị xã. Trừ một số hộ có vốn tương đối lớn, buôn bán một số mặt hàng nhất định, như nước mắm, nồi đồng, thuốc men,thuốc tây... còn đa số tiểu thương buôn bán các mặt hàng

tạp hóa hoặc những mặt hàng theo thời vụ.

Căn cứ đặc điểm tình hình hoạt động thương nghiệp ở thị xã, Đảng bộ thị xã chủ trương đưa các hoạt động thương nghiệp vào tổ chức, như các hợp tác xã mua chung bán chung, các tổ hợp, hay cửa hàng hợp tác cùng nghề, liền nghề và hỗn hợp.

Phương châm chỉ đạo của Đảng bộ là vừa khuyến khích sự phát triển thương nghiệp trong một thị trường có tổ chức, vừa vận động những người buôn bán nhỏ kết hợp với sản xuất hoặc chuyển hẳn sang sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp.

Đến năm 1960, công tác cải tạo thương nghiệp đã hoàn thành căn bản, đạt tỷ lệ 77,4%, bao gồm 1.778 hộ. Trong quá trình cải tạo, chúng ta đã vận động gần 350 hộ chuyển sang sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Giao thông vận tải chiếm một vị trí khá quan trọng trong hoạt động kinh tế ở thị xã. Hợp tác xã vận tải thuyền buồm hoạt động trên một phạm vi rộng: thị xã Thái Nguyên - Kha Sơn - Kẻ Bàn, hoặc đi Bắc Ninh - Bắc Giang - Hải Phòng; trung bình mỗi năm đạt 1.416.000 tấn/km. Ngoài ra, hợp tác xã còn có 6 thuyền chuyên khai thác và chuyên chở cát sỏi, phục vụ cho việc xây dựng ở trong thị xã và trong tỉnh.

Ngoài vận tải đường sông, thị xã còn có vận tải đường bộ, chủ yếu là xe trâu, bao gồm 74 xe, chiếm hơn nmột nửa tổng số xe trâu trong tỉnh.

Từ năm 1958, lực lượng vận tải xe trâu ở thị xã được tổ chức thành 3 tập đoàn, với 81 xe. Trong những năm 1959-1960, lực lượng xe trâu đã được tổ chức thành 6 hợp tác xã.

Thị xã Thái Nguyên có 11 hộ tư sản, chủ yếu là hoạt động kinh doanh công nghiệp, thương nghiệp. Thực hiện chủ trương của Đảng, cho đến năm 1960, Đảng bộ thị xã đã hoàn thành công tác cải tạo thành phần kinh tế công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Tóm lại, đến cuối năm 1960, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở thị xã đã hoàn thành căn bản. Đánh giá công tác này, Đảng bộ nêu rõ: "Trong công tác cải tạo các thành phần kinh tế cá thể và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trong năm qua đã hoàn thành thắng lợi. Chúng ta đã vượt thời gian trước 4 tháng so với kế hoạch ba năm. Điều đó nói lên sự cố gắng lãnh đạo thực hiện công tác trung tâm của Đảng, của Ban thị ủy, chi ủy và toàn Đảng bộ cùng với toàn thể nhân dân thị xã. Chúng ta đã khắc phục mọi trở lực, lao mình vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở địa phương mình; 6 tháng cuối năm thị ủy đã chủ trương lấy việc củng cố các loại hợp tác xã làm nhiệm vụ trung tâm của cải tạo xã hội chủ nghĩa. Do đó mà phong trào hợp tác hóa bước đầu được củng cố vững chắc hơn, công tác phát triển sản xuất được đẩy mạnh và đi vào sản xuất có kế hoạch" (1).

Việc chăm lo phát triển văn hóa, xã hội ở thị xã trong thời gian này cũng có những bước tiến mới. Cho tới năm 1959, thị xã Thái Nguyên đã thanh toán xong nạn mù chữ trong nhân dân. Nhiều lớp bổ túc văn hóa được mở nhằm nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ các cơ quan và hợp tác xã. Công tác y tế, chăm lo sức khỏe của cán bộ và nhân dân được thực hiện tốt hơn trước. Hầu hết các khu phố, các cơ sở sản xuất lớn đều có tủ thuốc, có ban phòng bệnh, trạm hộ sinh dân lập, trạm xá...

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt công tác được tăng cường. Từ ngày 12 đến 19/12/1960, Đảng bộ thị xã Thái Nguyên triệu tập đại hội đại biểu. Hơn 100 đại biểu thay mặt gần 200 đảng viên thuộc 12 chi bộ đã tới dự. Đại hội đã bầu

---

(1) Báo cáo tổng kết năm 1960 của Thị ủy Thái Nguyên - Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng tỉnh ủy Bắc Thái.

ra Ban chấp hành mới, gồm 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đại hội Đảng bộ đánh giá cao những thắng lợi của thị xã trong việc thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa; đồng thời nêu lên những nhiệm vụ trước mắt, chuẩn bị một bước về phương hướng, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba (9/1960) đề ra.

Nghị quyết đại hội Đảng bộ nêu rõ: "Phải ra sức củng cố hợp tác xã, ổn định tư tưởng cho xã viên, đẩy mạnh sản xuất..."; bước đầu đưa các hợp tác xã "đi vào sản xuất có kế hoạch để phục vụ nông nghiệp, hàng tiêu dùng, xây dựng và công nghiệp gang thép"; đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục nhằm cải thiện đời sống vật chất văn hóa cho nhân dân".

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, nghị quyết đại hội Đảng bộ nhấn mạnh: "Củng cố chi bộ, phát triển đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ đảng để làm hạt nhân lãnh đạo công tác của Đảng ở cơ sở..." (1).

Nghị quuyết đại hội Đảng bộ thị xã năm 1960 có tác dụng soi sáng cho phong trào cách mạng ở địa phương trong những năm trước mắt. Tuy nhiên, đại hội cũng chưa nêu được một cách đầy đủ, đúng đắn phương hướng nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa ở thị xã, nhất là trong việc vận dụng nghị quyết của Trung ương để xác định hướng đi trọng xây dưng kinh tế sao cho phù hợp với đặc điểm tình hình ở địa phương (2).

Bước vào năm 1962, thị xã Thái Nguyên có bước chuyển biến rất quan trọng. Với sự ra đời của khu gang thép, thị xã Thái Nguyên đã trở thành một thành phố công nghiệp có trên 3 vạn dân, tặng 1,5 lần so với năm 1955.

---

(1) Những đoạn để trong dấu ngoặc kép được trích dẫn trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Thái Nguyên (12 - 19/4/1960) - Lưu trữ tại văn phòng tỉnh ủy Bắc Thái.

(2) Như việc xây dựng nông trường và các trại sản xuất trên những vùng đất hoang thuộc các huyện: Đồng Hỷ, Phú Lương. Mặc dầu các cơ quan, đoàn thể, các hợp tác xã mất nhiều công sức, nhưng hiệu quả kinh tế rất thấp và về sau không có điều kiện để tồn tại.

Xuất phát từ tình hình trên và để đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ quyết định thành lập thành phố Thái Nguyên, trực thuộc tỉnh Thái Nguyên (1)

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã tổ chức đại hội đại biểu lần thứ nhất, từ ngày 22 đến 25/5/1963. Đến dự đại hội có 80 đại biểu, thay mặt cho 600 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng, mở ra một thời kỳ hoạt động mới của Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại hội đánh giá cao những thành tích trên mọi lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân đã giành được trong những năm qua, nhất là trong sản xuất thủ công nghiệp. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng cao một bước. Đại hội đã chỉ ra những mặt tồn tại trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ, như phương hướng sản xuất thủ công nghiệp chưa được xác định rõ ràng; việc củng cố các hợp tác xã còn thiếu cụ thể, sâu sát, chưa kịp thời giải quyết các khó khăn; Việc đào tạo cán bộ quản lý các ngành nghề cho các hợp tác xã còn chậm; công tác quản lý tài vụ trong các hợp tác xã còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến các hiện tượng tham ô, lãng phí; công tác củng cố, xây dựng Đảng còn thiếu sắc bén, kịp thời, chưa có kế hoạch toàn diện; việc phát triển Đảng ở các cơ sở sản xuất còn chậm chạp và hẹp hòi.

Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân thành phố là: "Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp thì vấn đề sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp là hàng đầu, trong đó lấy sản xuất hàng tiêu dùng là chủ yếu, chú ý phát triển những cơ sở chế biến thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân thành phố và trong tỉnh, đồng thời phục vụ cho xây dựng kiến thiết và bước đầu phục vụ cho xuất khẩu. Phải triệt để khai thác và tận dụng mọi khả

năng tiềm tàng về mọi mặt, chú trọng phát huy những khả năng mới, những thuận lợi sẵn có để khắc phục những khó khăn tồn tại... Trong sản xuất nông nghiệp, lấy chăn nuôi và trồng rau xanh là chủ yếu. Hai vấn đề này phải được đặt ra một cách cân đối, lấy chăn nuôi để thúc đẩy trồng trọt và ngược lại, đồng thời phải chú trọng sản xuất lúa và hoa màu để cố gắng đảm bảo nâng cao tự túc về khẩu phần lương thực trong nhân dân,. Phải phát triển mạnh mẽ phương hướng mới tích cực thực hiện thâm canh, tăng năng suất, tăng hệ số lần trồng trọt".

Nghị quyết đại hội còn nhấn mạnh phải "tăng cường lực lượng bảo vệ trị an, bảo đảm tốt những thành quả đã đạt được, đặc biệt là đối với khu gang thép và những nơi xung yếu" (1).

Đại hội coi trọng việc đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục và y tế nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe của cán bộ và nhân dân. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành mới gồm 19 đồng chí (2).

Nghị quyết đại hội đã hoàn chỉnh phương hướng - nhiệm vụ của Đảng bộ nêu ra ở các đại hội trước; vạch ra một cách đúng đắn những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Đảng bộ và nhân dân thành phố trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ, các phong trào thi đua nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã diễn ra sôi nổi trongcác ngành và các cơ sở sản xuất.

Trong nông nghiệp có các phong trào làm thủy lợi, đắp đê phòng lụt, xây dựng hệ thống tưới tiêu, bao gồm có các trạm bơm chống hạn, chống úng; phong trào tận dụng các nguồn phân chuồng, làm phân xanh, sử dụng các loại phân hóa học, nhằm bảo đảm mỗi hécta bón từ 8 đến 10 tấn phân các loại.

---

(1) Những đoạn để trong dấu ngoặc kép đều trích trong Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần thứ I (1963) - Tài liệu lưu trữ tại văn phòng tỉnh ủy Bắc Thái.

(2) Do đồng chí trần Văn Tường làm Bí thư, đồng chí Hoàng Minh làm phó bí thư.

Đảng bộ thành phố một mặt tăng cường công tác chỉ đạo các phong trào thi đua; mặt khác nghiên cứu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp đạt được những thành tựu đáng kể.

Về trồng trọt, diện tích ngày càng được mở rộng do hệ số lần sử dụng đất được tăng lên từ 1,5 đến 1,7 lần. Tính riêng trong 2 năm 1963 và 1964, diện tích trồng lúa mỗi năm tăng từ 9% đến 10%.

Sau hai năm làm thủy lợi kết hợp với các biện pháp thâm canh, sản lượng và năng suất lúa đều tăng lên. Tổng sản lương thóc cả hai vụ chiêm và mùa năm 1963 đạt 2.701 tấn, tăng 10,8%. Năm 1964,dù có nhiều khó khăn về thời tiết, tổng sản lượng thóc mới đạt 93% kế hoạch, nhưng đã tăng hơn năm 1963 là 4%. Đó là chưa kể trên 3.500 tấn hoa màu các loại là nguồn bổ sung lượng thực cho người và thức ăn gia súc.

Sản xuất rau là một trong những nhiệm vu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở thành phố. Năm 1964, thành phố có 5 hợp tác xã trồng rau trong tổng số 46 hợp tác xã nông nghiệp, bước đầu tạo nên vành đai sản xuất rau xanh. Diện tích trồng rau không ngừng được tăng lên: Năm 1961 là 28 ha; đến năm 1964 đã tăng lên 9%, chiếm khoảng 7,9% diện tích nông nghiệp, bao gồm các khu vực Túc Duyên, Đồng Bẩm, Gia Sàng.

Năng suất và sản lượng rau cũng không ngừng tăng lên. Tổng sản lượng năm 1962 đạt 556,8 tấn, vượt 45,3% kế hoạch. Năm 1964, sản lượng rau các loại tăng 4,3 lần so với 1962, đáp ứng được phần lớn nhu cầu rau xanh của thành phố.

Cây công nghiệp được quy hoạch theo vùng. Trong kế hoạch 5 năm lần thư nhất, thành phố đã đưa vào sản xuất các loại cây chính, như chè, thuốc lá, lạc, vừng, mía. Nhìn chung, việc phát triển cây

công nghiệp còn lan tràn, thiếu định hướng cụ thể, thiếu đầu tư trọng tâm. Do đó, sản lượng các cây công nghiệp thu được không lớn, chưa đóng vai trò quan trọng trong các ngành kinh tế ở thành phố và cho xuất khẩu.

Trên cơ sở phát triển của trồng trọt, ngành chăn nuôi gia súc tập thể và các hộ xã viên, tiêu biểu là đàn lợn tăng lên nhanh chóng. Năm 1964, thành phố nuôi được 10.611 con lợn, tăng hơn năm 1963 là 30%, vượt mức kế hoạch 18%, bình quân mỗi một hộ nuôi gần 3 con lợn.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, bước đầu được xây dựng. Thành phố có 21 hợp tác xã có chuồng trại chăn nuôi từ 30 con trở lên. Ngoài lợn thịt, thành ủy còn chú ý chỉ đạo xây dựng đàn lợn nái, thực hiện tốt các hợp đồng chăn nuôi.

Chăn nuôi trâu bò cũng được chú ý nhằm bảo đảm sức kéo. Hợp tác xã khuyến khích các gia đình chăn nuôi trâu bò đẻ, chăm sóc trêu bò ốm yếu thành trâu bò khỏe. Do vậy từ năm 1963 đến 1965, đàn trâu bò tăng gấp 10 lần so với năm 1961. Công tác thú y được tăng cường, có tác dụng ngăn chặn được nhiều bệnh dịch, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ đàn gia súc, gia cầm. Nhờ đó, hàng năm thành phố đều đạt và vượt chỉ tiêu bán thịt cho nhà nước (1). Túc Duyên là xã có phong trào chăn nuôi lợn giỏi, năm 1964 xã đã bán được 32 tấn thịt lợn hơi, tăng hơn năm 1963 là 10 tấn.

Tóm lại, trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, sản xuất nông nghiệp thành phố đã có những bước phát triển quan trọng. Bước chuyển biến đó gắn liền với sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ thành phố.

Thời gian trên cũng đánh dấu bước chuyển biến của thủ công nghiệp. Các hợp tác xã thủ công nghiệp được củng cố và phát triển

---

(1) Năm 1962 bán vượt kế hoạch 40 tấn. Năm 1964 bán được 228.103 đầu lợn, vượt 0,9% kế hoạch và tăng hơn năm 1963 là 26,7%.

theo hướng chuyên ngành, hoặc liên ngành, như may mặc Biên Hòa, tôn thiếc Bắc Sơn, sửa chữa xe đạp Đô Lương, gỗ 1/5, sửa chữa đồng hồ tháng Tám... Tiêu biểu hơn cả là hợp tác xã Bắc Nam. Đó là một hợp tác xã liên ngành cơ khí và mộc, có hàng trăm công nhân kỹ thuật, với cơ sở vật chất được trang bị khá đầy đủ, như máy phát điện, cưa, xẻ, phay, tiện, khoan, hàn... (1).

Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất của ngành thủ công nghiệp được Đảng bộ thành phố nêu lên trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm là : "tăng cường thiết bị, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, ra sức phấn đấu tăng nhanh sản lượng, nâng cao phẩm chất, hạ giá thành trên cơ sở tận dụng nguyên liệu sẵn có của địa phương và phế liệu phế phẩm của các xí nghiệp Trung ương, nhằm phục vụ đắc lực cho công nghiệp, cho tiêu dùng, cho kiến thiết xây dựng. Trên cơ sở đó mà không ngừng xây dựng và củng cố hợp tác xã vững mạnh, đồng thời không ngừng cải thiện đời sống của xã viên" (2).

Nghị quyết đại hội đại biểu thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất (5/1963) đã nhất trí về những phương hướng, nhiệm vụ cơ bản trên đây, đồng thời khẳng định rõ hơn mục tiêu sản xuất thủ công nghệp trước hết là nhằm phục vụ đời sống nhân dân, phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp, xây dựng thành phố khu công nghiệp gang thép và một số mặt hàng cho xuất khẩu.

Để giúp cấp ủy Đảng đi sâu chỉ đạo phong trào sản xuất thủ công nghệp, năm 1962 đại hội đại biểu thủ công nghiệp toàn thành phố được triệu tập. Trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của ngành, đại hội đã vạch ra những biện pháp

---

(1) Nếu tính cả 8 hợp tác xã lớn ở thành phố trong năm 1962 có số lượng các loại máy như sau: 5 máy nổ, 4 máy phát điện 14 mô tơ, 6 máy tiện, 3 máy khoan, 2 máy hàn, 3 máy cưa v.v...

(2) Báo cáo tổng kết công tác năm 1962 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Thái.

cụ thể nhằm đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp. Đại hội đã bầu ra Ban chủ nhiệm liên hiệp xã gồm 17 thành viên, đại diện cho các cơ sở.

Thi đua với Duyên Hải, ngành thủ công nghiệp thành phố đẩy mạnh phong trào cải tiến và áp dụng khoa học kỹ thuật. Nhờ đó, sản xuất thủ công nghiệp trong thời gian này có những bước tiến mới. Các mặt hàng phục vụ đời sống được nâng lên cả về chủng loại, số lượng và chất lượng. Giá trị tổng sản lượng qua các năm không ngừng tăng lên. Riêng trong năm 1961, ngành thủ công nghiệp thành phố đã hoàn thành kế hoạch trước thời hạn một tháng; giá trị tổng sản lượng vượt 2,47% kế hoạch và tăng 19,4% so với năm 1960. Một số ngành, như gỗ, rèn v.v... có tốc độ sản xuất tăng nhanh gấp 3 lần so với năm 1960.

Việc tăng cường cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật cho các ngành đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất lao động, mở rộng phạm vi hoạt động. Các hợp tác xã sản xuất các mặt hàng gỗ, may mặc và cơ khí đã nhận gia công cho các nhà máy trong tỉnh và khu công nghiệp gang thép.

Theo phương hướng của Nghị quyết đại hội Đảng bộ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chủ nhiệm liên hiệp xã thủ công, 15 mặt hàng mới được đưa vào sản xuất; giá trị tổng sản lượng nhóm I đạt 170,6% so với kế hoạch; nhóm B đạt 90,5%. Nếu so với năm 1961, giá trị tổng sản lượng năm 1962 tăng 28,5%. Trong năm này, 11 hợp tác xã đã hoàn thành kế hạch từ 20 đến 60 ngày, tiêu biểu là phân xưởng sửa chữa Cờ Hồng. Các ngành nề, mộc v.v... có những đóng góp vào việc xây dựng các công trình cơ bản của tỉnh và Trung ương: tham gia xây dựng 42 công trình mộc, 43 công trình nề ở khu gang thép, nhà máy điện Cao Ngạn, và trường bổ túc công nông khu tự trị Việt Bắc.

Trong những năm 1963, 1964, sản xuất thủ công nghiệp ngày càng phát triển theo chiều sâu. Trên cơ sở đáp ứng yêu cầu tiêu

dùng, sản xuất công nghiệp thành phố đã hướng vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng và xuất khẩu. Các hợp tác xã cũng không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị kỹ thuật. Từ 31 hợp tác xã với 692 xã viên trong năm 1961, đến năm 1963 đã phát triển tới 72 hợp tác xã, với trên 1.500 xã viên. Nhiều hợp tác xã, như Bắc Nam, Cờ Hồng, Hồng Hà v.v... đều có trang bị phòng hộ lao động cho xã viên, đào tạo gần trăm vệ sinh viên phục vụ sản xuất. Các công trình phúc lợi, như nhà ăn, nhà ở, nhà văn hóa... được xây dựng.

Các ngành vận tải thô sơ đường bộ, đường sông đều có những bước phát triển mới. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã xe trâu, thuyền buồm đều được tăng cường. Hàng năm, ngành vận tải thô sơ đều đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch về tấn/ trọng tải và tấn/cây số, góp phần quan trọng vào việc giao lưu hàng hóa, xây dựng và phát triển kinh tế. Hợp tác xã Cờ Hồng được công nhận là lá cờ đầu của ngành vận tải xe trâu toàn miền Bắc.

Cùng với bước chuyển biến về kinh tế, nhất là sự phát triển về cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành nghề, ngành văn hóa - giáo dục cũng có những điều kiện thuận lợi để không ngừng nâng cao và mở rộng. Trong thời gian này, các trường lớp phổ thông tăng lên với nhịp độ khá nhanh (3). Các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương có nhiều cố gắng trong việc vận động, tổ chức nhân dân đóng góp xây dựng trường sở, đáp ứng những yêu cầu cơ bản về phương tiện học tập, vui chơi của học sinh các cấp.

Phong trào thi đua "Hai tốt", học tập các điển hình tiên tiến được phát động sâu rộng trong nhà trường, có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo. Ngành giáo dục thành phố mỗi năm đóng góp hàng trăm em học sinh có phẩm chất tốt, có trình độ văn hóa và

---

(3) Năm học 1962-1963, toàn thành phố có 77 lớp học phổ thông cấp I + II, tăng 1,3 lần so với năm 1961-1962; có 3.884 học sinh, tăng gần 1,3 lần so với năm học 1961-1962.

thể lực tốt vào các trường trung học.

Tóm lại, dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng và tỉnh Đảng bộ Bắc Thái, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo, ra sức chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện có kết quả kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Thắng lợi bước đầu trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất cùng với kết quả trong việc thực hiện các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trước đó đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt ở thành phố.

Quan hệ sản xuất mới được củng cố từng bước; công tác quản lý hợp tác xã được tăng cường. Đảng bộ đã xác định được phương hướng và nhiệm vụ cơ bản đúng đắn phù hợp hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp dần dần đi vào kế hoạch. Cơ sở vật chất và kỹ thuật bước đầu được xây dựng; các biện pháp kỹ thuật được áp dụng ngày càng rộng rãi, làm cho năng suất lao động ngày càng được nâng cao. Các mặt hàng thủ công nghiệp ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu cơ bản trong tiêu dùng của nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế. Giá trị tổng sản lượng qua mỗi năm một tăng, nói lên khả năng phát triển của ngành thủ công nghiệp ở thành phố.

Những thắng lợi trên đã tạo ra những thuận lợi rất căn bản để Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục tiến lên giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước trong giai đoạn 1965-1975.

CHƯƠNG IV

VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1965-1975)

I- Giữ vững sản xuất, phát triển văn hóa - giáo dục, trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần I của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Sau khi bị thất bại trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, từ năm 1965 đế quốc Mỹ liều lĩnh leo thang mở rộng chiến tranh xâm lược đối với nước ta. Một mặt, chúng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, nhằm phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam...

Từ đó, cả nước nằm trong tình trạng có chiến tranh; chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn thể dân tộc ta. Nhân dân miền Bắc vừa có nhiệm vụ giữ vững và phát triển sự nghiệp xây dựng chủ nghĩoa xã hội, vừa phải có trách nhiệm tiếp tục tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu là khẩu hiệu hành động trước mắt của quân và dân miền Bắc.

Thành phố Thái Nguyên - trung tâm công nghiệp luyện kim đầu tiên của miền Bắc - là một trong những trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ. Ngày 24-6-1965, máy bay Mỹ xâm pham không phận thành phố. Ngày 17/10/1965, chúng cho máy bay ném bom cầu gia Bẩy và một số địa điểm thuộc trung tâm thành phố. Bắt đầu từ đó, thành phố Thái Nguyên bước vào thời kỳ có chiến tranh phá hoại ngày

Tự vệ thành phố Thái Nguyên sẵn sàng chiến đấu

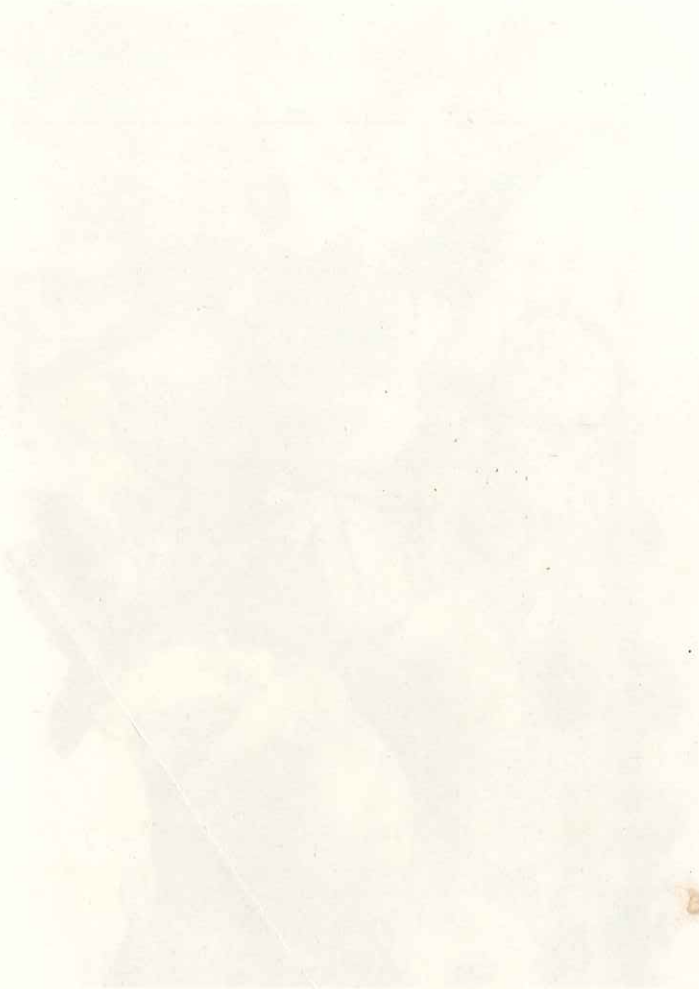

càng ác liệt.

Chỉ trong vòng hơn 3 năm (1965-1968), đế quốc Mỹ đã cho 144 lần tốp, với số lượng 753 lần chiếc máy bay (trong đó có 64 lần hoạt động ban đêm), ném xuống thành phố trên 1.651 tấn bom, đạn các loại. Có nơi (xã Gia Sàng), chúng bắn phá liên tục trong suốt 15 ngày, có ngày tới 4 lần, bình quân mỗi nhân khẩu phải chịu 34 quả bom (1).

Trước tình hình trên, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên kịp thời đề ra những chủ trương mới thích hợp. Ngay từ năm 1964, công tác phòng không nhân dân đã được tổ chức triển khai. Bước sang năm 1965, quán triệt tinh thần nghị quyết XI (3/1965) và XII (12/1965) của Trung ương Đảng, thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần II (12/2/65) và lần III (19/6/67), công tác phòng không sơ tán, chuẩn bị chiến đấu được tiến hànhj khẩn trương. Các cơ quan, kho tàng, người già, trẻ em được tổ chức rời khỏi thành phố đến các khu vực an toàn (2). Công tác sơ tán, phân tán được cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên chặt chẽ, phân chia địa điểm, tính toán đến quan hệ giữa sản xuất, phục vụ đời sống, chiến đấu và công tác. Các đường giao thông hào được đào sâu thêm, kéo dài thêm; hầm cá nhân được tu sửa và tăng cường. Với khẩu hiệu : "Đổ mồ hôi, thôi đổ máu!", "không sợ dân mệt, chỉ sợ dân chết!", toàn thành phố đã đẩy mạnh một cách triệt để việc sơ tán, làm hầm hào và tổ chức các mặt hoạt động của các đội cứu thương, tải thương... Tính trong 3 năm (1965-1968), nhân dân thành phố đã đào được 13.375 hầm gia đình (trong đó có 10.005 hầm kèo), bình quân 1 hộ có 2,6 hầm, 59.370 hố cá nhân, bình quân gần 1,2 hố/người; 19.947 hầm trú ẩn dọc đường; 2.014 hầm cất giấu tài sản;

---

(1) "Báo cáo tổng kết phong trào thi đua 4 năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1968) - Công an thành phố Thái Nguyên - Số 93/BC/TP - 19/9/69 - Bản đánh máy - trang 1.

(2) Tính đến cuối 11/65 trong khu vực thành phố đã rỡ 744 nóc nhà, 1.965 gia đình sơ tán - theo báo cáo tổng kết công tác 1965 của thành phố Thái Nguyên - Ban TV Thành ủy - 16/1/66 - Bản đánh máy - trang 36 - Lưu trữ T.U.B.T.

1.027 hầm trú ẩn cho gia súc; 146.408 mét giao thông hào (3). Các trận địa bắn máy bay được củng cố; các tổ chức quần chúng, như hội mẹ chiến sĩ, hội phụ lão, phụ nữ,... tích cực hoạt động chuẩn bị cho công tác phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại.

Trong tình hình có chiến tranh ngày càng ác liệt, các cấp ủy từ thành phố xuống xã đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, chuẩn bị mọi điều kiện để đánh thắng kẻ thù. Các đợt tuyển quân hàng năm, bổ sung lực lượng thường trực được thực hiện rất kịp thời và đều vượt chỉ tiêu không những về số lượng, mà còn đạt chất lượng cao. Riêng tuyển quân đợt 3 năm 1968 (9/1968), thành phố đạt 116,1%, trong đó đảng viên chiếm 6,05%, đoàn viên chiếm 64,96%. Được sự giáo dục của các cấp bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể, biết phát huy truyền thống của ông cha, thanh niên nam nữ trong độ tuổi tòng quân hăng hái xung phong gia nhập lực lượng vũ trang. Chỉ tính riêng trong năm 1965, chưa kể khu gang thép và các cơ quan xung quanh khu, toàn thành phố có 5.700 lá đơn tình nguyện nhập ngũ và tái ngũ (1). Trong những năm 1965 - 1968, với tổng số 5.811 thanh niên lên đường nhập ngũ, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên rất tự hào vì hầu như không có quân nhân đào ngũ, không có hiện tượng chống lệnh và trốn lệnh. Với thành tích xuất sắc đó, thành phố được Ủy ban hành chính tỉnh đề nghị Phủ thủ tướng cấp bằng khen về công tác động viên tuyển quân.

Xuất phát từ đặc điểm của một thành phố vừa là trung tâm công nghiệp, vừa là nơi tập trung các cơ quan khu và tỉnh, trong việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, toàn thành phố hình thành 4 khối tự vệ là: khu - tỉnh - thành - liên hiệp xí nghiệp gang thép.

(3) Báo cáo tổng kết "3 năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ" - Ban chấp hành Thành ủy TN - Bản in rônêô - T.5.

(1) "Báo cáo tổng kết công tác năm 1965 của thành phố Thái Nguyên" - Ban Thường vụ Thành ủy - 16/1/66 - Tài liệu đã dẫn - trang 31.

Tính đến cuối năm 1965, tổng số tự vệ toàn thành là 17.235 người, được phiên chế thành 107 đơn vị. Đây là một lực lượng khá hùng hậu, được các cấp ủy rất coi trọng và trực tiếp lãnh đạo: 100% số đơn vị đều có cấp ủy viên trực tiếp phụ trách.

Công tác bồi dưỡng, huấn luyện về mọi mặt cho cán bộ và chiến sĩ tự vệ được thường xuyên tổ chức có kết quả. Chỉ tính riêng trong năm 1965, Thành đội đã tổ chức được 2 lớp chính trị cho khu phố và xã, cho các cơ quan, xí nghiệp; huấn luyện quân sự cho 531 người, đạt tỷ lệ 111,32%, so với yêu cầu. Ngoài ra, thành đội còn mở lớp dạy võ dân tộc, huấn luyện trinh sát, thông tin liên lạc, công binh, cầu phà, phá bom v.... Đặc biệt, công tác xây dựng trận địa và luyện tập bắn máy bay đuợc thường xuyên chú ý. Lực lượng dân quân tự vệ thành phố đã xây dưng được 52 trận địa bắn máy bay tầm thấp bằng súng bộ binh; lực lượng trực chiến gồm 763 người vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Nhiều trận địa được xây dựng ngay trên sân thượng các nhà cao tầng của nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, như Ủy ban hành chính tỉnh, nhà máy điện Cao Ngạn...

Các cấp ủy Đảng cơ sở, nhất là ở khu gang thép, không những quan tâm chỉ đạo nội dung và kế hoạch huấn luyện, mà còn có những chủ trương tích cực, nhằm tạo ra những điều kiện vật chất cho cán bộ và chiến sĩ tự vệ luyện tập (1). Các ngành, các cấp và các đoàn thể quần chúng, như thanh niên, phụ nữ, phụ lão ở các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã... cũng tích cực ủng hộ vật chất cho công tác huấn luyện tự vệ (2).

Thành phố Thái Nguyên có nhiều khu trọng điểm nằm trong các mục tiêu bắn phá của đế quốc Mỹ. Ngoài khu công nghiệp gang thép và các nhà máy, xí nghiệp, thành phố còn có cầu Gia Bẩy nối

---

(1) Đảng ủy và Ban giám đốc khu gang thép quyết định trích quỹ 3.000 đồng để khen thưởng và trên 5.000 đồng để chi cho thiết bị học tập và tổ chức hội thao kỹ thuật.

(2) Ban quản trị hợp tác xã cao cấp Cờ Hồng đã trích quỹ hàng nghìn đồng để bảo đ-am sinh hoạt cho tự vệ luyện tập.

liền con đường 1B và đường 3. Đó là một chiếc cầu dài gần 100 mét, gồm 3 nhịp, có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế lẫn quốc phòng. Lưu lượng xe ô tô qua lại cầu trong một ngày trung bình có 1000 lượt. Lực lượng bảo vệ cầu Gia Bẩy chỉ có trung đội 2 thuộc đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ. Vũ khí của trung đội gồm có 1 súng máy thượng liên và 6 súng trường.

Ngày 17/10/1965, vào khoảng gần 10h, 15 máy bay phản lực Mỹ bất ngờ từ hướng đông nam Võ Nhai vòng lên hướng đông bắc, rồi hướng đường 1B bổ nhào ném bom xuống cầu Gia Bẩy. Vì máy bay địch bay thấp, ra đa trinh sát của ta không phát hiện được, nên toàn thành phố không có báo động phòng không. Các trận địa phòng không của ta do đó cũng không kịp nổ súng đánh địch.

Các chiến sĩ trung đội 2 lúc đó đang đào công sự trên đồi Két Nước (giáp đầu cầu Gia Bẩy, về phái quốc lộ số 3). Mặc dù bom nổ dữ dội, đất cát bắn tung tóe, các đồng chí Nông Quốc Khánh, Lê Xuân Tào, Nguyễn Trung Ái, Phạm Văn Hùng, Nguyễn Đình Quý nhanh chóng vào vị trí chiến đấu. Tiếng bom vừa dứt, các đồng chí từ vị trí sản xuất khẩn trương lên trận địa. Đồng chí Phạm Văn Giao, Bí thư chi bộ khu phố Hoàng Văn Thụ, kiêm chính trị viên trung đội 2, cũng có mặt tại trận địa ngay từ đầu để động viên trung đội sẵn sàng chiến đấu. 100% cán bộ, chiến sĩ trung đội 2 đều có mặt ở vị trí chiến đấu. 9/10 đảng viên trong chi bộ khu phố Hoàng Văn Thụ cũng tới khu vực đầu cầu, trực tiếp tổ chức khắc phục hậu quả (1 đồng chí đi công tác vắng).

Trận ném bom đợt I của máy bay Mỹ xuống khu vực cầu Gia Bẩy làm cho một số nhà dân ở hai bên đầu cầu bị đổ. Một số người bị thương và chết. Đường dây điện thoại, truyền thanh bị bom cắt đứt 200 mét, không còn tác dụng chỉ huy chiến đấu và báo động phòng không cho nhân dân.

Sau trận ném bom đợt I của địch, số người có mặt ở khu vực cầu Gia Bẩy rất đông, khoảng 10h15 phút, 2 máy bay phản lực F.44

từ hướng bắc bất ngờ lao tới ném hai loạt bom xuống cầu, mỗi loạt 4 quả bom. Tiếp đó, 5 chiếc F4C từ độ cao trên 1000 mét lao xuống cắt bom. Cùng lúc đó, một tốp 2 chiếc F4C bay lượn vòng ngoài để quan sát, chỉ thị mục tiêu và một tốp bay cao để sẵn sàng yểm hộ, đề phòng sự tấn công của máy bay ta. Địch còn cho máy bay ném bom xuống trận địa pháo Xuân Quang (gia Sàng), bắn rốc két xuống trận địa pháo Tân Trào.

Trong lúc máy bay địch lồng lộn trút bom, khẩu thượng liên của các xạ thủ Nông quốc Khánh, Lê Hoàng Đình Dương vẫn hướng thẳng vào quân thù, liên tiếp nhả đạn. Một quả bom rơi trúng khẩu đội thượng liên; cả khẩu đội hy sinh. Các chiến sĩ bắn súng trường vẫn không hề nao núng, tiếp tục nhằm máy bay địch nhả đạn trên không, máy bay địch lồng lộn chúng điên cuồng trút bom xuống trận địa. Cả trung đội trực chiến trên đồi Két Nước hy sinh anh dũng. Tinh thần hy sinh chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ trung đội 2 thuộc đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ đã nêu một tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho quân và dân các dân tộc Bắc Thái trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong trận chiến đấu ngày 17/10/1965 tại khu vực cầu Gia Bẩy, cũng như những trận chiến đấu tiếp theo, nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm xuất hiện. Đó là những cán bộ, đảng viên, những chiến sĩ nam, nữ tự vệ của các khu phố và các xã, như Đoàn Văn Bảo - chiến sĩ tự vệ 16 tuổi đã lấy thân mình làm giá súng cho đồng đội tiếp tục chiến đấu với 20 máy bay giặc Mỹ tại trận địa của hợp tác xã Bắc Nam. Có chiến sĩ gái trực chiến trên đài quan sát, bị thương vào đầu nhưng vẫn không rời vị trí theo dõi máy bay địch và kịp thời báo cáo về sở chỉ huy. Nữ y tá Nguyễn Thị Dung bị hơi bom làm rách hết quần áo, nhưng vẫn bám trận địa cấp cứu thương binh - đó là những cụ phụ lão, như cụ Thiện 65 tuổi ở xóm Tân thành xã Đồng Bẩm ngoài việc tiếp nước còn yêu cầu được đội mũ

sắt ngồi trên mâm pháo để chiến đấu... đó là những em thiếu niên như em Lợi 12 tuổi ở xóm Dạ Hương (Đồng Bẩm), em Vân ở Đội Cấn v.v... dũng cảm vượt qua bom đạn, tiếp nước cho bộ đội ngay tại trận địa. Nhiều đơn vị dân quân tự vệ phục vụ chiến đấu và chiến đấu liên tục trên 50 trận liền như Túc Duyên, Đội Cấn, Đồng Quang, Phan Đình Phùng, Gia Sàng, Quang Vinh, góp phần vào chiến thắng bắn rơi chiếc máy bay thứ 1000 của giặc Mỹ trên miền Bắc.

Trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng địa phương, dân quân thành phố Thái Nguyên đã thực hiện hợp đồng chiến đấu chặt chẽ. Nhân dân cùng dân quân, tự vệ thành phố đã xây dựng các tổ trực chiến, hàng trăm tổ súng trường, vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Ngoài ra, họ còn tích cực tham gia đào đắp công sự pháo, xây dựng lán trại, luyện tập tiếp đạn để sẵn sàng thay thế các đồng chí bộ đội khi cần thiết.

Nhân dân thành phố tân tình tham gia giúp đỡ bộ đội, ủng hộ rau xanh, thịt, lá ngụy trang trận địa, giẻ lau súng... Bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, các đơn vị công an nhân dân võ trang hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị chủ lực, cao xạ, tên lửa, không quân, dũng cảm chiến đấu góp phần làm nên chiến công, tuy nhiên, trong quá trình tổ chức lực lượng chiến đấu vẫn còn những sai sót. Việc bố trí trận địa chưa phù hợp với địa hình, tính năng vũ khí, mục tiêu trọng điểm. Do đó, khi địch bay cao oanh tạc, ta không đủ sức kiềm chế, không uy hiếp được địch, dễ bị thương vong (như trận chiến đấu ở chân cầu Gia Bẩy 17/10/1965); chiến sĩ chưa thông thạo kỹ thuật, tính toán thiếu kinh nghiệm, bắn tốn nhiều đạn... phải trải qua thực tiễn chiến đấu, được sự chỉ đạo của cấp ủy và các cấp chỉ huy, vừa chiến đấu vừa rút kinh nghiệm, những thiếu sót đó mới được khắc phục.

Những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại là những năm

cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố Thái Nguyên vượt qua mọi khó khăn gian khổ để giữ vững và phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế của Trung ương Đảng và Chính phủ, ngay từ đầu năm 1965 khi bắt đầu có chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng địa phương, các cơ sở công nghiệp đã được lệnh phòng tránh (phân tán, sơ tán) để phòng máy bay địch bắn phá; chuyển những bộ phận không trực tiếp sản xuất, các vật tư, thiết bị dự trữ, bộ phận cơ khí sửa chữa và những bộ phận chính... ra khỏi những khu vực trọng điểm. Đồng thời, Thành ủy quyết định tạm dừng các công trình đang xây dựng dở dang, chuyển sang tổ chức che chắn, làm hầm hố phòng tránh tại chỗ.

Khi chiến tranh phá hoại trực tiếp diễn ra trên địa phận thành phố, một số nhà máy, xí nghiệp, như cơ khí 3/2... đã chuyển được toàn bộ cơ sở sản xuất đi sơ tán một cách an toàn, không bị địch đánh phá. Một số nhà máy chuyển một bộ phận đi sơ tán; một bộ phận ở lại tổ chức bám trụ (nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ), duy trì hoạt động sản xuất liên tục. Một số nhà máy, xí nghiệp (nhà máy điện, hợp tác xã cơ khí Hồng Hà, Bắc Nam...) vì điều kiện sản xuất, phải ở lại cơ sở cũ, kịp thời chuyển hướng từng bước, như thay đổi quy trình sản xuất theo ca, kíp; thay đổi chế độ, hình thức sinh hoạt sơ tán, phân tán, tranh thủ sản xuất. Mặt khác, những cơ sở này tổ chức lực lượng tự vệ, bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, thực hiện vừa sản xuất vừa chiến đấu. Nhờ đó, trong suốt thời gian chiến tranh, sản xuất vẫn được giữ vững, có mặt phát triển, thu nhập của công nhân được đảm bảo.

Nhìn chung trong những năm có chiến tranh phá hoại, cán bộ, công nhân các nhà máy, xí nghiệp Trung ương và địa phương trên địa bàn thành phố Thái Nguyên có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ nhà máy, giữ vững sản xuất. Phong trào thi đua phấn đấu giành 3

điểm cao được tổ chức thực hiện sôi nổi. Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu của chiến tranh, các hoạt động sản xuất còn lúng túng một thời gian khá dài mới dần dần đi vào ổn định.

Trong khi đó, đối với thủ công nghiệp, nghị quyết đại hội đại biểu lần II của Đảng bộ thành phố (2/1965) nêu rõ phương hướng sản xuất trong thời gian trước mắt là "vẫn phải coi trọng việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng và chế biến thực phẩm, đồng thời coi trọng việc sản xuất ra tư liệu sản xuất nhằm phục vụ tốt cho công nghiệp, cho kiến thiết, cho nông nghiệp và một phần cho xuất khẩu".

Quán triệt nghị quyết trên, thành phố đã lập phòng thủ công nghiệp, do một thành ủy viên phụ trách. Để thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo điều kiện trang bị cho cơ sở sản xuất những máy móc thích hợp, khoảng giữa năm 1965 - khi điều kiện còn tương đối ổn định, sản xuất thủ công nghiệp còn giữ được nền nếp, thành ủy đã chủ trương và thông qua kế hoạch sát nhập các hợp tác xã thủ công nghiệp quy mô nhỏ thành những hợp tác xã quy mô lớn. Với những hợp tác xã quy mô lớn, khả năng trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật sẽ tốt hơn và do đó sẽ thực hiện được những kế hoạch lớn hơn, sản xuất được những mặt hàng... phức tạp hơn có yêu cầu cao hơn.

Từ khi địch uy hiếp mạnh thành phố, nhất là từ sau vụ địch ném bom bắn phá cầu Gia Bẩy (10/65), ngành sản xuất thủ công nghiệp phải chuyển hướng cho phù hợp với tình hình. Các cơ sở sản xuất phải di chuyển để bảo đảm an toàn; kế hoạch sáp nhập và trang bị thêm cho các hợp tác xã phải dừng lại. Một số ngành như may mặc, sửa chữa xe đạp, đồng hồ, cắt tóc... phân tán thành những bộ phận nhỏ và ở rải rác trên nhiều địa điểm, đáp ứng được nhu cầu cần thiết của cán bộ và nhân dân. Cũng trong thời gian này, thành phố Thái Nguyên đã tiếp nhận một phân xưởng của hợp tác xã Chiến Thắng ở Hà Nội, chuyên sản xuất các loại đinh vít, bản lề... và một phần xưởng của hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ. Hợp tác xã Tín thành - một bộ phận của một cơ sở sản xuất ở Hà Nội di chuyển lên thành

phố thái Nguyên từ năm 1964, đến năm 1965 chính thức tách khỏi Hà Nội, thành lập một hợp tác xã sản xuất granitô. Những cơ sở này sớm ổn định địa điểm và kế hoạch sản xuất, phục vụ kịp thời cho nhu cầu của thành phố. Hợp tác xã Tín Thành không chỉ sản xuất những mặt hàng cho kiến thiết cơ bản, mà còn phục vụ rất đắc lực cho nhu cầu quốc phòng trong suốt thời gian có chiến tranh.

Để tập trung chỉ đạo sản xuất thủ công nghiệp, Thành ủy đã có chủ trương đúng đắn về mặt tổ chức. Sau khi phòng công thương được tách ra thành hai: phòng thương nghiệp phụ trách các hợp tác xã phục vụ và tiểu thương; phòng thủ công phụ trách các hợp tác xã sản xuất thủ công, thì về mặt quản lý có phần sát hơn. Tuy nhiên, sự phân công quản lý như thế vẫn còn có chỗ chưa hợp lý. Vì vậy, từ cuối quý III năm 1965 Thành ủy có nghị quyết chuyển các hợp tác xã thủ công phục vụ cho phòng thủ công quản lý.

Với 74 cơ sở, bao gồm 1.709 xã viên thuộc 13 ngành, nghề khác nhau, các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp thành phố Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn. Do hoàn cảnh chiến tranh phá hoại ác liệt, các cơ sở sản xuất phải phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ, điều đó không khỏi ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất. Trong khi đó, nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu đều thiếu ; mạng lưới điện cao thế bị địch đánh phá, ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất, nhất là ở các cơ sở sản xuất cơ khí và nửa cơ khí. Sự lãnh đạo của Thành ủy đối với ngành thủ công nghiệp chưa sâu sát, sắc bén, cụ thể và cân đối. Một số chính sách, chế độ đối với người làm nghề thủ công chưa được nghiên cứu, phát hiện với cấp trên để tổ chức thực hiện... Tất cả những khó khăn trên đã gây nhiều trở ngại cho sản xuất thủ công nghiệp : thời gian sản xuất bị gián đoạn, có lúc lên tới 120.000 ngày công (năm 1967) ; do đó có thời kỳ (những tháng đầu năm 1967), kế hoạch sản xuất chỉ đạt trên dưới 50%.

Trước tình hình đó, ngành thủ công nghiệp thành phố đã phải

huy tinh thần tự lực tự cường, vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn để duy trì và đẩy mạnh hoạt động sản xuất. Từ sau đại hội Đảng bộ thành phố lần III (6/1967) và sau hội nghị liên tịch giữa Thành ủy và các cơ quan hữu quan của tỉnh, được sự quan tâm của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, từ tháng 8/1967 trở đi, sản xuất thủ công nghiệp thành phố có những bước chuyển khá mạnh mẽ, vững chắc và toàn diện. Các hợp tác xã lớn, như Hồng Hà, Bắc Nam, ngoài việc đảm bảo sản xuất các mặt hàng dân dụng, còn nhận sản xuất một số mặt hàng cho quốc phòng như vỏ lựu đạn...

Điều đáng chú ý là trong thời kỳ này, tuy kế hoạch lao động được rút xuống 11%, nhưng năng suất lao động vẫn tăng lên 7%. Đó là kết quả của việc quản lý lao động tốt, tổ sản xuất giỏi, phát huy sáng kiến, tự trang tự chế được nhiều thiết bị kỹ thuật. Chỉ tính trong năm 1967, riêng 7 hợp tác xã thủ công nghiệp đã có 19 sáng kiến có giá trị cao, có sáng kiến đưa năng suất lao động lên tới 400% và cường độ lao động giảm xuống tới 50%.

Năm 1967 là năm địch đánh phá ác liệtnhất ; là năm thành phố phải tập trung sức người, sức của cho tiền tuyến, cho chiến đấu cao hơn những năm trước. Nhưng đó cũng là năm thắng lợi của sản xuất thủ công nghiệp thành phố Thái Nguyên. Nếu so với năm 1963 là năm trước khi xảy ra chiến tranh phá hoại và là năm đầu thành lập thành phố, thì năm 1967 giá trị tổng sản lượng mặt hàng thủ công tăng 117%. Cũng trong thời gian đó, sản xuất tư liệu sản xuất tăng 127% ; tư liệu sản xuất nông nghiệp tăng 169% ; xây dựng cơ bản và giao thông tăng 219% ; sửa chữa, sản xuất kim loại tăng 123% ; đồ gỗ tăng 117% ; hàng dệt, da, may, nhuộm tăng 130%. Một số mặt hàng tuy năm 1963 chưa có, nhưng từ những năm 1966-1967 đã xuất hiện và phát triển, như hàng thủy tinh cho dược phẩm, bầu đèn và bóng đèn bão, đúc vỏ mô tơ, xe trâu bánh hơi, chảo gang v.v... Do vậy, tuy những năm có chiến tranh phá hoại, sản xuất thủ công nghiệp thành phố Thái Nguyên đã đáp ứng được

một phần nhu cầu về sản xuất và đời sống cho cán bộ và nhân dân.

Song song với sự phát triển của công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp thành phố trong những năm có chiến tranh phá hoại cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Xuất phát từ đặc điểm của địa phương, đại hội đại biểu lần II Đảng bộ thành phố xác định phương hướng sản xuất nông nghiệp là chuyển mạnh từ lương thực sang thực phẩm ; phải tạo ra một khối lượng lớn về rau và thịt để không những phục vụ nhu cầu của các khu công nghiệp, mà còn phải cung cấp cho hàng vạn cán bộ, công nhân viên các cơ quan.

Thi đua với công nhân và thợ thủ công trong các nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã, giai cấp nông dân tập thể thành phố Thái Nguyên đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ra sức vượt mọi khó khăn về thiên tai, địch họa để bảo đảm diện tích gieo trồng kịp thời vụ, phấn đấu đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp.

Trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt việc cày bừa,cấy hái phần lớn phải làm vào ban đêm. Nhiều cánh đồng bị bom phá không thể canh tác được ; bà con nông dân phải san lấp hố bom, phải lội xuống ruộng thụt nhặt từng quả bom bi để cày cấy. Có những cánh đồng vừa cấy xong thì bị địch ném bom, phải cấy đi cấy lại đến 3-4 lần, như Phú Xá, Tân Minh, Xuân Quang v.v...Trong sản xuất nông nghiệp, thanh niên là lực lượng xung kích, dũng cảm bám đồng ruộng, xung phong nhận trước hợp tác xã những cánh đồng trọng điểm, như đầu cầu, chân trận địa, ven nhà máy, gần ga tầu...

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do địch ngày càng tăng cường bắn phá và thiên tai liên tiếp xảy ra, như lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh... các biện pháp khoa học kỹ thuật vẫn được áp dụng ngày càng rộng rãi. Trong năm 1965, kỹ thuật cấy ngửa tay thẳng hàng mới chỉ được tiến hành thí điểm trong hợp tác xã. Bước sang năm 1966, diện

tích cấy ngửa tay thẳng hàng bắt đầu được mở rộng, đạt 0,1% ; năm 1967 là 0,58% và năm 1968 tăng lên 55%. Việc làm cỏ, bón phân, thả bèo hoa dâu, cho đến việc chọn giống, xử lý giống theo công thức 3 sôi 2 lạnh... đều được chú ý.

Phong trào làm thủy lợi cũng được đặc biệt quan tâm. Ngay từ đầu năm 1965, một số công trình thủy lợi trong thành phố đã hoàn thành, phục vụ kịp thời cho việc cấy chiêm, bảo đảm kịp thời vụ. Đầu năm 1966, toàn thành phố có 17 trạm bơm điện, 4 trạm bơm dầu, bảo đảm tưới nước thường xuyên cho 504 ha ruộng lúa. Trong đông-xuân 1966-1967, toàn thành phố đã đầu tư 15.000 ngày công làm thủy lợi, tu sửa và hoàn chỉnh nhiều công trình ; trang bị thêm máy bơm dầu..., bảo đảm tưới và tiêu nước cho 433 ha đất trồng rau (28%) và 1.010 ha đất cấy lúa (42%).

Nhờ tinh thần lao động cần cù, dũng cảm bám ruộng đồng, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cho nên sản xuất nông nghiệp thành phố tiếp tục được nâng lên trong suốt thời gian có chiến tranh phá hoại ác liệt.

- Về giá trị tổng sản lượng, năm 1964 đạt 3.051.000đ.00 ; 1965 đạt 3.503.000đ,000 ; 1966 đạt 4.051.000đ,000, 1967 là 4.517.011đ,00.

- Về tổng sản lượng lương thực quy ra thóc : năm 1964 đạt 3.016 tấn ; năm 1965 đạt 3.964 tấn ; năm 1966 đạt 4.667 tấn và năm 1967 đạt 4.932 tấn. Cũng do đó, năng suất bình quân không ngừng tăng lên : 1965 đạt 35 tạ/ha ; 1966 đạt 37,28 tạ/ha ; năm 1967 đạt 45,92 tạ/ha. Mức ăn bình quân một nhân khẩu trong thành phố cũng được nâng dần từ 15,7 kg mỗi tháng (trong năm 1965), lên 16,3 kg/tháng (1966) và 18,8 kg một tháng trong năm 1967. Có những hợp tác xã, như Minh Hòa, năm 1965, mức thu nhập bình quân đầu người rất thấp (chỉ đạt 10 kg thóc), đến năm 1967 đã tăng lên 18kg. Nhiều hợp tác xã như Bình Dân, Tân Thành, Tân Hương v.v..., sau khi hoàn thành vượt mức 3 thu, mức ăn bình quânvẫn còn đạt 20 kg/

người trong 1 tháng.

Dù bị địch đánh phá dữ dội, nhưng thành phố Thái Nguyên vẫn xuất hiện những cánh đồng 5 tấn, 6 tấn. Tính đến năm 1967, toàn thành phố có 50% số hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/1 ha gieo trồng. Chăn nuôi cũng có những bước phát triển và đang trở thành một ngành quan trọng. Trong năm 1967, bình quân 1 ha gieo trồng đạt 3,1 con lợn ; bình quân một hộ nông nghiệp có 2,3 con (nếu tính cả lợn tập thể, đạt 2,8 con). Các loại gia cầm, như gà, vịt... cũng được chú ý phát triển. Riêng năm 1967, nhân dân thành phố Thái Nguyên bán cho nhà nước trên 4 tấn gà, vịt, dẫn đầu toàn tỉnh.

Điều đáng chú ý là tỷ trọng các ngành trong kinh tế nông nghiệp đã phát triển theo đúng hướng của một thành phố công nghiệp. Tính đến năm 1967, ngành trồng trọt chiếm 61,46% tổng sản lượng, tăng hơn năm 1966 là 11,2% ; ngành chăn nuôi chiếm 36,98%, tăng hơn năm 1966 là 14%. Riêng về trồng trọt, cơ cấu cây trồng cũng có những thay đổi theo phương hướng do đại hội đảng bộ lần II đề ra : Sản xuất ra và chế biến thực phẩm được coi trọng. Ngay từ năm 1965, một trạm thực phẩm được thành lập, bao gồm 10 cán bộ chuyên nghiên cứu việc chuyển hướng và hướng dẫn trồng rau ở các cơ sở. Cả một vùng đất, nhất là các xã kề sát nội thành, như Cam Giá, Túc Duyên... bao gồm hàng chục mẫu, được chuyển từ việc cấy lúa sang trồng rau xanh. Cho đến năm 1967, sản lượng rau xanh đã chiếm 38,8% tổng giá trị sản lượng cây trồng.

Có thể nói rằng trong những năm chống chiến tranh phá hoại (1965 - 1968), với những chủ trương đúng đắn và kịp thời, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã tập trung chỉ đạo, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện. Năng suất, giá trị tổng sản lượng lương thực, hoa màu và rau xanh đều tăng. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có nhiều chuyển biến quan trọng, phù hợp với tình hình đặc điểm của một thành phố công nghiệp của tỉnh nhà.

Trong những năm có chiến tranh, ngành thương nghiệp thành

phố cũng có những bước chuyển đáng kể. Từ khi giặc Mỹ tiến hành ném bom thành phố (17/10/1965), hoạt động của ngành thương nghiệp có những biến động lớn. Sau một thời gian lúng túng về vấn đề bố trí cửa hàng và lưu chuyển hàng hóa, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đã nhanh chóng phân tán ra nhiều địa điểm xung quanh thành phố. Có những lúc (những tháng cuối năm 1965), hàng hóa - nhất là thực phẩm - trở nên khan hiếm ; giá cả thị trường tự do tăng từ 20% đến 50% so với năm 1964. Ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã vượt qua mọi khó khăn, tích cực tìm nguồn hàng, điều tiết giá cả, tổ chức phân phối hàng hóa tốt. Do đó, những yêu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân vẫn được bảo đảm. Riêng xí nghiệp bán lẻ công nghệ phẩm năm 1967 đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch mua vào 2%, bán ra vượt 1,43%, giảm chi phí lưu thông được 11.475 đồng ; năng suất lao động tăng 2%. Chế độ quản lý vật tư, phân phối hàng hóa có nhiều tiến bộ so với những năm trước.

Nhằm phục vụ tốt đời sống và sản xuất ở nông thôn, thành ủy rất quan tâm đến việc xây dựng mạng lưới hợp tác xã mua bán. Ngay từ đầu năm 1965, sau đại hội Đảng bộ thành phố lần II, vấn đề trên được đặt ra. Vượt qua nhiều khó khăn, cho đến cuối năm 1965 đầu năm 1966, 6 xã của thành phố đều có cửa hàng hợp tác xã mua bán và bắt đầu đi vào hoạt động.

Đối với một thành phố có vị trí trung tâm của cả tỉnh, lại là thủ phủ của khu tự trị Việt Bắc, việc giao thông vận tải, kiến thiết thị chính... trở thành một vấn đề cần thiết. Trong tình hình không quân địch ra sức bắn phá các đường giao thông, cầu cống, công việc trên lại càng quan trọng. Vì vậy, từ tháng 8/1965 phòng giao thông thành phố được thành lập. Dù bị địch đánh phá ác liệt (riêng năm 1967, địch đánh phá vào các con đường trong thành phố hơn 10 trận), việc giao thông vận tải vẫn thông suốt. Bên cạnh việc tu sửa kịp thời các quãng đường bị hư hỏng, phòng giao thông đã chỉ đạo

hoàn thành các con đường ngầm, đường tránh, cầu phao..., bảo đảm nhu cầu đi lại an toàn của nhân dân cũng như nhu cầu của công tác quân sự.

Giao thông nông thôn cũng được chú ý phát triển trong thời gian này. Tại các xã : Gia Sàng, Quang Vinh, Đồng Bẩm... dưới sự chỉ đạo của cấp bộ Đảng và chính quyền, nhân dân ở đây đã đứng ra xây dựng các con đường liên xóm, vừa phục vụ cho yêu cầu đi lại, vừa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển bằng xe vận tải thô sơ, bước đầu thực hiện giải phóng đôi vai cho bà con nông dân.

Dù có nhiều khó khăn, trở ngại do chiến tranh phá hoại gây ra, sự nghiệp văn hóa - giáo dục của thành phố vẫn tiếp tục phát triển và đạt được những thành tựu to lớn. Đầu năm 1965, trước tình hình giặc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc, các cấp ủy Đảng thành phố đi sâu phát động anh chị em giáo viên phát huy tinh thần cách mạng, chống Mỹ cứu nước, tìm tòi biện pháp khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Anh chị em giáo viên trong các trường lớp hăng hái thi đua làm thêm giờ, tình nguyện không nghỉ phép, nghỉ hè tích cực đào hầm hố phòng tránh máy bay, bảo đảm cho học sinh yên tâm học tập.

Trong giảng dạy, anh chị em tích cực cải tiến phương pháp đi sâu vào thực tế sản xuất, nghiên cứu thành công các đề tài ứng dụng khoa học kỹ thuật (tằm ăn lá sắn, thụ tinh nhân tạo...)

Bước vào năm học 1965 - 1966, máy bay giặc Mỹ đánh phá ngày càng ác liệt. Để đảm bảo an toàn cho thầy và trò, duy trì nền nếp dạy và học, Thành ủy quyết định tất cả các lớp học phải nhanh chóng rời khỏi thành phố ; trường học ở các xã phải phân tán nhỏ về các xóm. Thành ủy còn chỉ thị các cấp ủy đảng ở cơ sở phải tận dụng mọi khả năng của nhân dân và của các cơ quan, công trường... để di chuyển và làm thêm trường lớp. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, toàn thành phố đã xây được 75 phòng học mới, 16 dãy nhà tập thể và 2 nhà gửi trẻ.

Việc tổ chức tốt trường lớp đi sơ tán đã bảo đảm kịp thời cho lễ khai giảng năm học. Đánh giá thành tích đó, ban Thường vụ Thành ủy nêu rõ :"... ngành giáo dục thành phố đã vượt qua nhiều khó khăn, đã ổn định được công tác, bảo đảm cho các em học tập. Phong trào nói chung là tốt, vững ; có quan hệ mật thiết với quần chúng và cấp ủy địa phương" (1).

Trong hoàn cảnh chiến tranh, còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nền nếp dạy và học vẫn luôn luôn được giữ vững ; phong trào thi đua "Hai tốt" tiếp tục được duy trì. Cả thầy và trò đều ra sức thực hiện lời dạy của Bác Hồ :"Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt" (2). Đó là nguyên nhân cơ bản để giữ vững và nâng cao được chất lượng giáo dục toàn diện. Qua các năm học 1964 - 1965, 1965 - 1966 và 1966 - 1967, con em các dân tộc thành phố trong các trường học đều đạt tỷ lệ lên lớp và đỗ tốt nghiệp cao nhất tỉnh. Trong năm học 1967-1968, toàn thành phố có 6 trường cấp II đỗ chính thức 100% ; đội học sinh giỏi văn và toán của thành phố đoạt giải nhất tỉnh, góp phần đưa đội giỏi văn lớp 7 đoạt giải khuyến khích toàn miền Bắc ; 60% học sinh thành phố được công nhận là cháu ngoan Bác Hồ. Trong phong trào thi đua "Hai tốt", trường phổ thông cấp II Hoàng Văn Thụ là lá cờ đầu. Nhà trường đã được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng huân chương lao động hạng Ba.

Cùng với ngành giáo dục phổ thông, ngành bổ túc văn hóa thành phố cũng có những bước tiến dài. Năm 1965 là năm hoàn thành kế hoạch 5 năm về Bổ túc văn hóa - Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II đã khẳng định quyết tâm : "đảm bảo là đơn vị hoàn thành kế hoạch 5 năm về bổ túc văn hóa sớm nhất trong

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1965 của thành phố TN - Ban TV Thành ủy 16/1/66 - đánh máy - trang 24 - Lưu trữ TUBT.

(2) Hồ Chí Minh :"Vì độc lập tự do vì CNXH"- NXB Sự thật - HN 1970 - tr.316.

toàn tỉnh và toàn khu" (1).

Với quyết tâm đó, dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng cán bộ và nhân dân thành phố, nhất là các cơ quan thuộc khối dân đảng, đã có nhiều cố gắng. Được sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy và sự giúp đỡ của phòng giáo dục, các cơ quan di chuyển đến đâu, tổ chức học văn hóa đến đây. Từ cuối năm 1965 đầu năm 1966 trở đi, 100% cán bộ công nhân viên ở các cơ quan đều tham gia học tập. Trong thành phố có 5 đơn vị đã hoàn thành kế hoạch 5 năm về bổ túc văn hóa. Đó là xã Gia Sàng, khu phố Trưng Vương, khu phố Hoàng Văn Thụ, hợp tác xã Cờ Hồng vàhợp tác xã Bắc Nam. Cả 5 đơn vị đều được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba.

Từ cuối tháng 6/1965, theo quyết định của Thành ủy, Bộ phận văn hóa tách khỏi phòng giáo dục và thành lập phòng văn hóa - thông tin thành phố. Bắt đầu từ đó, công tác văn hóa - thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh trong thành phố, phục vụ đắc lực và kịp thời nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất. Các mạng lưới thông tin ở các xã, tiểu khu đã biết lấy người tốt việc tốt để tuyên truyền, cổ vũ quần chúng.

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Các trạm y tế được thành lập ở các cơ sở, làm tốt công tác phòng dịch và vận động quần chúng thực hiện phong trào "Ba dứt điểm"...

Những thành tựu to lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục trong những năm có chiến tranh phá hoại đã thể hiện rõ truyền thống đoàn kết, kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu ; cần cù và thông minh, sáng tạo trong lao động xây dựng của nhân dân thành phố Thái Nguyên. Đồng thời, nó cũng phản ánh vai trò lãnh đạo của

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1965 của thành phố TN. Ban T.V.TH.ủy - Tài liệu đã dẫn - trang 24.

Đảng bộ thành phố đối với mọi mặt công tác của địa phương trong thời chiến. Trong thời gian này, Đảng bộ thành phố được củng cố qua hai kỳ đại hội, Đại hội lần II (2/1965) và đại hội lần III (6/1967) ngoài việc đánh giá tình hình, đúc rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ mới, còn bầu ra Ban chấp hành mới (1) có đủ năng lực lãnh đạo phong trào.

Nhận rõ vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định đến mọi thắng lợi trong mọi hoạt động, Ban chấp hành Đảng bộ thành phố thường xuyên coi trọng vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình. Trước hiện tượng chia rẽ, mất đoàn kết nghiêm trọng giữa một số đồng chí trong Thường vụ thành ủy, Đảng bộ đã có thái độ nghiêm khắc phê phán, làm rõ đúng sai. Những đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm được xử lý kịp thời : một số không còn đủ phẩm chất, tư cách bị khai trừ ra khỏi đảng. Kỷ luật Đảng được giữ vững. Các ban chuyên môn của Đảng như : Ban kiểm tra, ban tổ chức, ban tuyên giáo... được củng cố, tăng cường đi sát cơ sở. Các tổ chức Đảng cũng được mở rộng ở các cơ sở sản xuất, ở các cơ quan văn hóa, giáo dục.

Trải qua những năm tháng khói lửa chiến tranh, lăn lộn với thực tế sản xuất và chiến đấu, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên ngày càng được tôi luyện ; trưởng thành, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo, là niềm tin yêu của nhân dân.

Những thành tựu thu được trên các mặt trận sản xuất, văn hóa, cùng với thành tích chiến đấu của quân và dân thành phố Thái Nguyên trong những năm 1965-1968, là một trong những yếu tố góp phần làm nên chiến thắng của dân tộc. năm 1968, cùng với sự phá sản hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh cục bộ ở miền Nam, đế quốc Mỹ phải chịu sự thất bại nhục nhã trong cuộc chiến tranh

---

(1) Mỗi khóa đại hội đều bầu ra một BCH gồm 21 đồng chí trong đó có 2 ủy viên dự khuyết).

phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Chúng không những không đạt được bất cứ một mục tiêu nào trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, mà còn chịu thiệt hại trên 3.200 máy bay, hàng trăm tàu chiến... Vì thế, từ tháng 11/1968 đế quốc Mỹ phải tuyênbố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc nước ta. Từ đó, cùng với nhân dân miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Thái Nguyên khẩn trương bắt tay vào nhiệm vụ mới.

II - Khôi phục kinh tế, chi viện chiến trường, sẵn sàng chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần II của đế quốc Mỹ (1969 - 1/1973)

Do dự đoán đượctình hình, ngày 28/10/1968, nghĩa là chỉ vài ngày trước khi đế quốc Mỹ tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã triệu tập một cuộc họp quan trọng. Trên cơ sở nhận định chính xác tình hình, hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc trong những năm đầu sau khi chiến tranh chấm dứt.

Trước mắt, trong năm 1969, nhiệm vụ cấp thiết nhất củam iền Bắc là phải tranh thủ thời gian Mỹ ngừng ném bom ra sức khắc phục những hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển một bước nền kinh tế quốc dân, sớm ổn định tình hình, nhanh chóng tạo thêm nguồn sức mạnh của hậu phương lớn.

Cũng như nhiều địa phương khác, Thái Nguyên vừa ra khỏi cuộc chiến tranh phá hoại, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề chưa từng có. Thái Nguyên lại là một trong sáu thành phố lớn trên miền Bắc bị địch đánh phá nhiều lần. Nhiều cơ sở kinh tế, trường học, bệnh viện bị tàn phá nghiêm trọng. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong năm 1968 lại cuốn trôi hơn 1.000 mẫu lúa, hàng trăm mẫu rau xanh và hoa màu, làm ngập trên 1.000 nóc nhà 91). Do vậy, nhiệmvụ khôi phục kinh tế, nhanh chóng khắcp hục hậu quả chiến tranh, cải thiện đời sống nhân dân và tăng cường khả năng quốc

phòng, lại càng trở nên cấp bách đối với Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Sau ngày giặc Mỹ ngừng ném bom, cán bộ, công nhân viên các cơ quan và nhân dân từ các nơi sơ tán lần lượt trở về thành phố. Dân số trong thành phố Thái Nguyên tăng lên gần bằng mức năm 1965 (khoảng 100.000 người). Tình hình đó cũng đặt ra yêu cầu phải nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

Đối với thành phố Thái Nguyên, những năm 1969-1972 là chặng đường rất có ý nghĩa : Năm 1969 mở đầu cho thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh phá hoại lần I, đồng thời cũng là năm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ III (6/1967). Tiếp đó, tháng 4/1971 đại hội Đảng bộ thành phố lần IV được triệu tập và đề ra phương hướng, nhiệm vụ mới nhằm phát triển kinh tế, văn hóa. Bên cạnh đó là cuộc vận động xây dựng Đảng, như học tập chỉ thị 192 của Ban Bí thư TW.

Được nghị quyết Bộ chính trị soi sáng, lại có sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, và nhất là với khí thế mới sau thắng lợi to lớn của cách mạng trên cả hai miền Nam, Bắc, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên đã lãnh đạo thành công nhiệm vụ khuôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Trong sản xuất nông nghiệp của thành phố, nổi lên hai ngành chủ yếu : trồng trọt và chăn nuôi. Ngành trồng trọt đã hình thành rõ rệt hai vùng chuyên canh : vùng trồng lúa và vùng trồng rau. Vùng chuyên canh rau gồm có xã Túc Duyên, Cam Giá và hợp tác xã Nhất Tâm (xã Đồng Bẩm). Từ 1 hợp tác xã chuyên trồng rau trong năm 1965, đến năm 1971 thành phố có 7 hợp tác xã chuyên canh, và 1 hợp tác xã xen canh vừa rau vừa lúa, với diện tích trên 100 ha.

---

(1) Báo cáo chính trị đại hội Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần IV (4/1971) - Đánh máy - trang 1 - Lưu trữ TUBT.

Tuy phương hướng được xác định từ nghị quyết đại hội Đảng bộ lần I (2/1965) là chuyển dần từ lúa sang rau xanh, nhưng cho đến thời kỳ này (1969-1972), diện tích trồng lúa vẫn chiếm trên dưới 1.000 hà, gấp 10 lần diện tích trồng rau. Do đó, hiện tại, sản xuất lương thực nói chung vàlúanói riêng vẫn giữ một vị trí quan trọng trong kinh tế nông nghiệp. Cũng vì thế mà Đảng bộ đã giành một sự quan tâm rấtl ớn vào việc chỉ đạo sản xuất lương thực, trước hết là lúa.

Với quyết tâm xây dựng thành đơn vị 5 tấn, Đảng bộ các cấp rất chú trọng củng cố phong trào hợp tác hóa. Chính vào thời gian này, các hợp tác xã nông nghiệp đã qua hai vòng cải tiến ; 100% số hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao, tạo thêm nhân tố mới kích thích sản xuất phát triển.

Các biện pháp khoa học - kỹ thuật được áp dụng ngày càng rộng rãi. Các cơ quan chức năng của thành phố làm công tác khoa học kỹ thuật (hội phổ biến khoa học - kỹ thuật, phòng nông nghiệp tích cực chỉ đạo công tác này. Từ đầu năm 1969, hội nghị về cấy ngửa tay, thẳng hàng được tổ chức, có tác dụng rõ rệt trong việc vận động bà con xã viên cấy đúng kỹ thuật.

Những giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào trong các hợp tác xã tăng hơn trước, chiếm tỷ lệ 50% (tính đến 1969). Để chủ động về giống và giống có năng suất cao, theo nghị quyết đại hội đại biểu lần IV của Đảng bộ thành phố, mỗi hợp tác xã - kể cả vùng rau - đều phải có đội giống 4 chuyên (ruộng, người, sân, kho) ; toàn bộ thóc giống phải xử lý bằng lò 54°C và lò thúc mầm cho lúa xuân.

Việc dùng dụng cụ cải tiến để gieo thẳng lúa xuân bắt đầu được thì điểm ở một số hợp tác xã, như Quan Triều, Minh Hòa, Tiến Thành, đem lại năng suất cao gấp 4 lần so với việc gieo cấy bằng tay. Điều đáng chú ý là cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp có nhiều tiến bộ hơn trước. Các địa phương đã được trang bị 35

máy bơm nước, 11 máy xay sát, 3 máy tuốt lúa, 1 máy nghiền thức ăn cho gia súc, 1.200 xe cải tiến, 108 sân phơi, 120 gian nhà kho, 3.552 cày bừa cải tiến, 67 bơm thuốc trừ sâu... (1).

Một trong những biện pháp để tăng năng suất lúa và vây trồng được Đảng bộ chú ý hàng đầu là thủy lợi. Ngay từ năm 1969, thành phố đã liên tục phát động các cơ sở làm mương máng, đặt máy bơm. Do đó, trong năm này, tất cả các hợp tác xã trong thành phố đều có công trình thủy lợi ; tổng số máy bơm được sử dụng là 44 chiếc (trong đó có 21 chiếc chạy điện) ; 65% diện tích canh tác được tưới tiêu. Trên cơ sở đó, theo phương hướng của đại hội đại biểu lần IV của Đảng bộ, thành phố, trong những năm 1970, 1971 trở đi, các cơ sở quản lý, khai thác và sử dụng tốt các máy bơm và các công trình đã có, đồng thời kiến thiết lại đồng ruộng, bảo đảm đủ nước tưới 90% diện tích đông-xuân, 70% diện trồng rau.

Trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Thành ủy đã quan tâm đúng mức và có quyết tâm để bảo đảm việc thực hiện kế hoạch, trước hết là cấy hết diện tích và kịp thời vụ. Các đồng chí trong ban Thường vụ phân công nhau đi xuống cơ sở, cùng với chi bộ và ban quản trị hợp tác xã bàn bạc, kiểm tra, đôn đốn thực hiện sản xuất vì thế, tuy có những năm thời tiết không thuận lợi, nhưng diện tích gieo trồng vẫn bảo đảm (2)

Sự quan tâm lãnh đạo kịp thời và thường xuyên của Thành ủy, cùng với tinh thần lao động tích cực của bà con nông dân đã đem lại kết quả không nhỏ. Riêng về năng suất lúa, năm 1969 đạt 46,54 tạ/ha ; năm 1972 là 44,99 tạ/ha (tăng 17,8% so với năm 1971). Về sản lượng rau xanh, báo cáo chính trị tại đại hội Đảng bộ thành phố lần IV nêu rõ : "Sản lượng lúc đầu mới chỉ vài ba trăm tấn đã

---

(1) Báo cáo chính trị đại hội Đảng bộ thành phố TN lần IV - tài liệu đã dẫn - trang 4.

(2) Từ tháng 5 đến 8/1971, bốn trận lụt lớn liên tiếp xảy ra đã làm thiệt hại toàn bộ diện tích trồng rau (trên 100 ha) và 747,7 mẫu ruộng lúa. Trước tình hình đó, Thành ủy đã vận động nhân dân khắc phục khó khăn, vừaáp dụng biện pháp gieo cấy thẳng, vừa tích cực tìm mạ ở các địa phương khác về cấy lại.

tăng lên đến 4.500 tấn một năm...". Những số liệu trên cho thấy rằng, dù bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, nhưng chỉ sau vài năm trong điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, Đảng bộ và nông dân tập thể thành phố đã đưa năng suất lúa vượt xa so với năm 1965, trước khi có chiến tranh phá hoại 91965 : 36,9 tạ/ha). Tuy vậy, sự tiến bộ đó chưa vững chắc, khi lên khi xuống, chứng tỏ sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào thoên nhiên. Bên cạnh đó, sự chỉ đạo của Thành ủy còn có nhiều hạn chế. Việc chỉ đạo khoanh vùng sản xuất nhằm tăng năng suất cây trồng còn lúng túng, chậm chạp, Thành ủy chưa xác định được những giống lúa nào có năng suất cao và thích hợp với chất đất thành phố, khâu chỉ đạo thời vụ không kịp thời, không nhạy bén. Sự chỉ đạo thực hiện "3 quản", "3 khoán" còn yếu, nhiều hợp tác xã không quyết đoán được từng năm. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa mạnh. Thành ủy cũng chưa kiên quyết uốn nắn những lệch lạc, sai lầm của một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở không chấp hành đầy đủ nghị quyết của Đảng.

Cùng với sự tiến bộ của ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có những bước phát triển nhanh chóng. Xuất phát từ phương hướng sản xuất thực phẩm, thành phố lấy chăn nuôi lợn là chính ;đồng thời đẩy mạnh nuôi cá và các loại gia cầm khác.

Để đảm bảo cho đàn lợn phát triển, nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố lần IV khẳng định : "Cần chú ý đúng mức việc sản xuất khoai lang, các loại rau cho lợn tiến tới giải quyết vững chắc thức ăn cho lợn, thực hiện tốt chính sách dành 2% sản lượng lương thực cho chăn nuôi gia đình, 5% diện tích cho chăn nuôi tập thể...".

Tuy chưa đạt được chỉ tiêu do đại hội Đảng bộ thành phố lần IV đề ra là : 3,5 con lợn/ha gieo trồng, trong đó vùng lúa 2,8 con, vùng rau 6,7 con, nhưng tình hình chăn nuôi lợn trong những năm 1969 - 1972 có bước tiến dài so với trước, nhất là trong khu vực tập thể. Từ chỗ mới có 1-2 cơ sở đến năm 1969 đã có 25 trong tổng số 26 hợp tác xã nông nghiệp đó chăn nuôi. Một số nơi có chuồng

trại tương đối quy mô (như Túc Duyên, Đồng Bẩm, Cam Giá). Số lượng đàn lợn cũng tăng nhanh : năm 1967 có 7.128 con ; năm 1968 có 8.559 con, năm 1969 có 9.463 con, năm 1971 có 9.895 con và năm 1972 là 10.953 con. Nhờ đó, lượng thịt lợn bán cho nhà nước cũng tăng lên : năm 1971 bán được 190,289 tấn (tăng hơn 1970 là 35,12%0 ; năm 1972 bán được 242,804 tấn (tăng hơn năm 1971 là 27,59%).

Những kết quả đạt được trong chăn nuôi đã nói lên sự thành công trong công tác chỉ đạo của Thành ủy. Quán triệt nghị quyết XIX của Trung ương Đảng, Thành ủy đã chỉ đạo chặt chẽ các cấp ủy Đảng ở cơ sở, vận động quần chúng xây dựng được phương hướng, kế hoạch cụ thể. thành ủy còn tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến ; kịp thời chuyển hướng, mạnh dạn nuôi lợn lai kinh tế, có kế hoạch chuẩn bị đàn lợn nái và lợn hậu bị.

Mặc dù có những thành tích và ưu điểm trên, nhưng sự chỉ đạo của Thành ủy đối với chăn nuôi vẫn còn bộc lộ những thiếu sót : chỉ chú ý mặt tổ chức, vận động quần chúng, chưa đi sâu vào giải quyết những vấn đề cụ thể về kỹ thuật chăn nuôi và công tác thú y phòng bệnh dịch ; không có kế hoạch toàn diện về phát triển chăn nuôi, nhất là kế hoạch giải quyết thức ăn chế độ, chính sách hỗ trợ cho chăn nuôi chậm được nghiên cứu và giải quyết... những thiếu sót này đã hạn chế một phần kết quả của ngành chăn nuôi, làm chậm quá trình đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính.

Khác với nhiều địa phương trong tỉnh, thành phố Thái Nguyên là nơi tập trung nhiều ngành nghề thủ công. Từ sau khi hòa bình lập lại (7/1954), nhất là trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần I (1961-1965), thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương phát triển nhanh. Nhưng trong những năm có chiến tranh phá hoại, sản

xuất thủ công nghiệp thành phố gặp nhiều trở ngại.

Sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom (cuối năm 1968), thành phố Thái Nguyên tiếp tục thực hiện phương hướng phát triển thủ công nghiệp được nêu lên trong đại hội Đảng bộ lần III (6/1967) là : "sản xuất tư liệu tiêu dùng là chủ yếu, trong tiêu dùng là chủ yếu, trong tiêu dùng lấy những mặt hàng thiết yếu về nhu cầu của nhân dân là chính. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất tư liệu sản xuất, lấy tư liệu phục vụ nông nghiệp làm trọng tâm..." Thực tế trong mấy năm thực hiện đã khẳng định phương hướng trên là đúng đắn. Trên cơ sở đó, nghị quyết đại hội lần Iv Đảng bộ thành phố (4/1971) nhấn mạnh phải "đẩy mạnh hơn nữa phát triển thủ công nghiệp, coi trọng đúng mức sản xuất hàng tiêu dùng...". Nghị quyết còn nêu rõ, trong những năm trước mắt, phải chúý khai thác sản xuất mặt hàng mới như ngói xi măng, gạch ba banh, thêu ren v.v...

Theo phương hướng và những biện pháp cụ thể do đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ III và IV đề ra, thủ công nghiệp thành phố phát triển khá nhanh và vững chắc.

Nếu tính về giá trị tổng sản lượng, năm 1965 là 3.233.000 đồng ; năm 1969 tăng lên 3.983.000 đồng; năm 1970 : 4.150.000 đồng; năm 1971 : 4.369.000 đồng (tăng 6% so với năm 1970). Năm 1972, dù bị địch bán phá trở lại một cách ác liệt, toàn ngành phải chuyển hướng sản xuất sang thời chiến ; một số lớn các cơ sở phải phân tán, sơ tán ; hàng loạt khó khăn mới nảy sinh (nguồn điện bị mất, kế hoạch sản xuất bị đảo lộn, vật liệu thiếu, sản phẩm ế thừa...), nhưng vẫn tăng hơn năm 1971 là 5%.

Về trang bị kỹ thuật, năm 1965 chỉ có một số ít máy móc cũ ; đến cuối năm 1969 đầu năm 1970 thành phố đã có một mạng lưới sản xuất cơ khí. Một số cơ sở, nhất là những cơ sở lớn, được trang bị máy nổ, máy búa, máy ép đinh chạy điện, quay tay, máy tiện, máy hàn, máy cắt tôn, cưa đĩa, cưa vòng... Từ chỗ chỉ sản xuất hàng thông thường, thủ công nghiệp thành phố đã vươn lên sản xuất được những

mặt hàng phức tạp, như đúc vỏ môtơ, phụ tùng xe đạp, vòng bi, đồ nhựa...

Một số cơ sở thủ công nghiệp sau khi hợp nhất với quy mô thích hợp, đã có tác dụng tốt về mặt củng cố quan hệ sản xuất, đầu tư được cơ sở vật chất - kỹ thuật, đẩy mạnh tốc độ sản xuất, nhiều năm liền đều là những hợp tác xã tiên tiến (Hồng Hà, Bắc Nam, Biên Hòa, Cờ Hồng).

Thành tích nổi bật của ngành thủ công nghiệp trong những năm sau cuộc chiến tranh phá hoại lần I là tinh thần tự lực cánh sinh, tậndụng phế liệu, phế phẩm địa phương, tự tìm khách hàng và thị trường tiêu thụ.

Trong phong trào thi đua, hàng năm đều xuất hiện ngày càng nhiều nhân tố tích cực ; nhiều sáng kiến được phát huy ; nhiều cải tiến kỹ thuật được áp dụng, đưa năng suất lao động trong ngành tăng lên không ngừng. Trong phong trào đó, thanh niên là lực lượng đi đầu. Nếu trong sản xuất nông nghiệp, thanh niên tổ chức hàng chục tổ xung kích, thì trong thủ công nghiệp và công nghiệp, thanh niên thực hiện 3 mũi tiến công, đảm bảo 22,5 ngày công/tháng trong sản xuất công nghiệp và 24 ngày công/tháng trong sản xuất thủ công nghiệp ; mở các hội thao luyện tay nghề, thi thợ giỏi. Riêng năm 1971, thanh niên đã có 84 công trình xe máy, lò máy thanh niên, 22 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm nguyên vật liệu trị giá hàng nghìn đồng...

Những năm 1969 - 1972 cũng đánh dấu bước phát triển mới của ngành giáo dục thành phố. Với phong trào thi đua "hai tốt", các trường phổ thông đều tích cực đi sâu vào việc cải tiến nội dung, phương pháp dạy và học. Trong năm học 1971-1972, số học sinh cấp I được lên lớp đạt 95,7%, cấp II đạt 95%, vượt xa chỉ tiêu do đại hội Đảng thành phố lần IV đề ra. Toàn thành phố có 20/34 trường đạt danh hiệu "đơn vị tiên tiến" cấp thành và tỉnh (tăng hơn 18 đơn vị so với năm học 1970-1971).

Việc đưa lao động sản xuất vào trường học là một vấn đề quan trọng trong công tác chỉ đạo ngành giáo dục đã được thực hiện và bước đầu có kết quả. Tính trong năm học 1971-1972, các trường học phổ thông trong thành phố sản xuất được 14 tấn vôi, 34.400 viên gạch, trồng 21.000 cây ăn quả và cây lấy gỗ ; ngoài ra thầy và trò còn tham gia 14.995 công lao động giúp dân (gặt, đập, đắp đê, san lấp hố bom...).

Dựa vào sức lao động của thầy và trò, được sự ủng hộ của nhân dân địa phương, các trường phổ thông đã tu sửa 63 phòng học, xây dựng thêm 45 phòng bằng tre, nứa, lá và 64 phòng bằng gạch, ngói... Kết quả đó có tác dụng rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng cũng phát triển mạnh trong thời gian này. Các đội văn nghệ được xây dựng ở các cơ sở ; nhiều đêm hội diễn văn nghệ được tổ chức, thu hút đông đảo người xem, tạo nên bầu không khí vui tươi, lành mạnh.

Công tác kiến thiết và quản lý thành phố, giữ gìn trật tự trị an được thực hiện tốt. Trong công tác này, thanh niên là lực lượng xung kích, đóng vai trò rất quan trọng. Tính riêng trong năm 1971, thanh niên thành phố tham gia 3 đợt trồng cây mùa xuân (tổng số 3.500 người), làm được 4.000 m3 cát, sỏi, cùng với 11.820 ngày công kiến thiết thành phố và 2 đợt kiểm tra nếp sống văn minh.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện khôi phục kinhtế, phát triển văn hóa - giáo dục, Đảng bộ thành phố vẫn thường xuyên giáo dục đảng viên, cán bộ và nhân dân về tình hình, nhiệm vụ mới, về đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trên cơ sở đó, xác định rõ trách nhiệm của hậu phương đối với tiền tuyến, luôn luôn thực hiện tốt khẩu hiệu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" ; "Tiền tuyến cần, hậu phương có!" ; "Nha Trang kết nghĩa cần gì, Thái Nguyên có nấy".

Vì vậy, ngoài việc làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, hàng năm thành phố đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân. Trong 4 năm (1969-1972), có 924 con em các dân tộc thành phố lên đường nhập ngũ, trong đó có rất nhiều thanh niên trong các trường học tình nguyện xếp bút nghiên, xin ra mặt trận tham gia chiến đấu chống quân xâm lược. Riêng năm 1972 có 380 thanh niên tòng quân, vượt chỉ tiêu 52% và số quân đi vào chiến trường miền Nam vượt 34%, "đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến, vừa bảo đảm yêu cầu xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chiến đấu và bảo vệ địa phương..." (1). Với thành tích đó, thành phố Thái Nguyên được tỉnh công nhận là đơn vị dẫn đầu về công tác tuyển quân năm 1972 ; được đề nghị Quốc hội tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng hai.

Cùng với quân và dân miền Bắc, sự đóng góp về sức người sức của của Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên trong thời gian này đã góp phần đem lại chiến thắng của quân và dân miền Nam anh hùng. Tháng 3/1972, trên đà thắng lợi, quân giải phóng miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược, chọc thủng ba tuyến phòng thủ mạnh nhất của Mỹ - ngụy trên những địa bàn chiến lược quan trọng. Chiến lược chiến tranh "Việt Nam hóa" của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản hoàn toàn.

Nhằm cứu vãn tình thế thất bại, đế quốc Mỹ âm mưu "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền nam ; đồng thời chúng liều lĩnh gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần II đối với miền Bắc nước ta.

Bắt đầu từ tháng 4/1972, đế quốc Mỹ huy động một khối lượng lớn về không quân (gồm các loại máy bay hiện đại nhất lúc đó, như F.4, F.111, B.52) và hải quân, tăng cường ném bom hệ thống giao

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1972 của BCH Đảng bộ thành phố Thái Nguyên - Bản đánh máy - Lưu trữ TUBT

thông đường bộ, đường thủy, đê điều ; đánh phá các cơ sở kinh tế, quốc phòng ở miền Bắc. Thành phố Thái Nguyên cũng làmột trọng điểm bắn phá của không quân Mỹ lần này.

Trước tình hình mới, nhiệm vụ của quân và dân miền Bắc là : kiên quyết chiến đấu và đẩy mạnh công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm cho cuộc chiến đấu thắng lợi, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại mới của Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa ; chuyển hướng kinh tế cho thích hợp với điều kiện thời chiến, giữ vững giao thông vận tải thông suốt, bảo đảm sản xuất và đời sống trong điều kiện có chiến tranh v.v...

Do nắm vững tình hình và nhiệm vụ mới, Thành ủy đã có chủ trương chỉ đạo kịp thời, tăng cường lực lượng chiến đấu, sẵn sàng đánh trả hành động xâm lược của đế quốc Mỹ.

Ngay từ đầu năm 1972, mọi công tác chuẩn bị, như tổ chức các cuộc diễn tập chiến đấu bảo vệ khu vực, xây dựng các tổ trực chiến và trận địa pháo tầm thấp của tự vệ các xí nghiệp, khu phố và dân quân các xã, hợp tác xã... Các cấp ủy, các ngành tổ chức chỉ đạo công tác phòng tránh, bảo vệ lực lượng, tiến hành chiến đấu. Ban chỉ huy phòng không của thành đã tham mưu cho Thành ủy tăng cường chỉ huy, kiểm tra, đôn đốc, đề ra các kế hoạch cụ thể, khoanh vùng sơ tán v.v...

Cùng với 30 trận địa và hàng trăm khẩu đội súng máy do các lực lượng dân quân, tự vệ xây dựng, cán bộ các ngành, các đoàn thể và nhân dân thành phố đào thêm được hàng trăm hầm các loại, trên 4,000 mét giao thông hào và gần 60 địa đạo. Do vậy, mặc dù địch ném bom ác liệt, kể cả B.52, nhưng chúng ta đã hạn chế được sự thương vong. Trong khi đó, các lực lượng vũ trang địa phương hiệp đồng tác chiến với các đơn vị chủ lực, các binh chủng... chiến đấu dũng cảm, mưu trí, bắn rơi máy bay Mỹ. Đặc biệt, trong suốt 12 ngày đêm (từ tối 18 đến 29/12/72) không quân Mỹ đã xuất kích 663 lần chiếc B.52 và 3.884 lần chiếc máy bay cường kích, đánh phá

liên tục vào thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông. Cùng với Hà Nội, Hải Phòng, quân và dân Thành phố Thái Nguyên đã kiên cường chiến đấu, góp phần lập nên trận "Điện Biên Phủ trên không" đối với quân xâm lược Mỹ.

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam-Bắc, nhất là thất bại trong 12 ngày đêm của cuộc tập kích chiến lược B.52, ngày 15/1/1973 đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom hoàn toàn đối với miền Bắc nước ta. Tiếp đó, ngày 27/1/1973, tại trung tâm các hội nghị quốc tế (phố Clêbơ ở Pari), đế quốc Mỹ buộc phải ký chính thức "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Từ đó, cùng với cả nước nói chung và miền Bắc nói riêng, Đảng bộ và nhân dân thành phố Thái Nguyên bước vào thời kỳ mới.

III- Củng cố hậu phương vững mạnh, dồn sức chi viện chiến trường miền Nam (1973-1975)

Sau hiệp định Pari về Việt Nam, miền Bắc nước ta từ thời kỳ có chiến tranh phá hoại chuyển sang thời kỳ hòa bình. Ở miền Nam, tuy những cuộc xung đột vũ trang vẫn tiếp tục diễn ra quyết liệt, nhưng cách mạng đã bước vào thời kỳ mới với những điều kiện hết sức thuận lợi. Thắng lợi to lớn của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đem lại niềm tin tưởng và phấn khởi trong toàn dân tộc ta, có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ nhân dân miền Bắc ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng tiềm lựcmọi mặt của hậu phương lớn...

Giữa lúc đó, đại hội đại biểu lần V của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên được triệu tập từ 9 đến 15/4/1973 nhằm kiểm điểm, đánh giá phong trào trong nhiệm kỳ IV (1971-1972) và quyết định phương hướng, nhiệm vụ cùng với những mục tiêu cụ thể trong 2 năm 1973 - 1974.

Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, quán triệt nhiệm vụ cách mạng do Trung ương đề ra, đại hội xác định phương hướng và nhiệm vụ chung của thành phố là : "... tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn, mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt những khả năng thuận lợi sẵn có, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao tinh thần tự chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động phát triển sản xuất toàn diện, tập trung vào nhiệm vụ mấu chốt là sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất thực phẩm phục vụ cho đời sống. Mặt khác phải tổ chức quản lý tốt thành phố về mọi mặt, đảm bảo vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, tổ chức tốt khâu lưu thông phân phối và quản lý thị trường để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đời sống mới..." (1).

Dưới ánh sáng nghị quyết đại hội Đảng bộ lần V, giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa thành phố Thái Nguyên ra sức lao động, nhanh chóng khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa...

Về sản xuất nông nghiệp, nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố lần V nêu rõ : "phải đẩy mạnh sản xuất thực phẩm gồm rau, thịt, cá. Đồng thời coi trọng sản xuất cây lương thực gồm lúa, khoai lang. Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất... Mục tiêu chính là 5 tấn thóc, 41 tấn rau, 4 con lợn ; 1,2 lao động vùng lúa và 3 lao động vùng rau trên 1 ha gieo trồng" (2).

Theo tinh thần đó, ngay từ đầu năm, Thành ủy quyết định mở một chiến dịch san lấp hố bom để kịp gieo cấy vụ chiêm xuân. Các cấp ủy Đảng và chính quyền từ thành đến cơ sở đã quan tâm chỉ đạo củng cố phong trào hợp tác hoá từng bước đưa công tác "ba

---

(1) Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lần V - Bản đánh máy - trang 5 - Lưu trữ TUBT.

(2) Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần VI - số 13/BC/CT - Bản rônêô - trang 1, 2 - Lưu trữ TUBT

quản (quản lý tài vụ, quản lý lao động và quản lý kế hoạch) và việc ăn chia, phân phối đi vào nền nếp, dân chủ".

Điều đó làm cho bà con nông dân càng thêm phấn khởi sản xuất, ra sức khắc phục những khó khăn do chiến tranh để lại và thiên tai gây nên. Tình trạng hạn hán kéo dài, điện, nước thiếu, mạ thiếu và xấu... được từng bước giải quyết và do đó diện tích gieo trồng vẫn bảo đảm được 2.014 ha, trong đó diện tích trồng cây lương thực là 1.762 ha ; vòng quay ruộng đất đạt 1,6 lần. Tuy nhiên, những khó khăn trên đã hạn chế một phần kết quả thu hoạch ; năng suất 2 vụ lúa chỉ đạt 41,82 tạ/ha (bằng 83% chỉ tiêu do đại hội V đề ra).

Quán triệt phương hướng đưa chăn nuôi trở thành một ngành chính, dần dần tạo được thế cân đối giữa hai ngành trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu về thực phẩm ngày càng tăng, các hợp tác xãvà tiểu khu đã mạnh dạn đầu tư xây dựng hệ thống chuồng trại (như Đại Đồng, Minh Hương, Minh Hòa, Quang Tiến, Quan Triều, Xuân Thịnh...). Đồng thời, các cơ sở chăn nuôi cũng mạnh dạn thay đổi cơ cấu đàn gia súc, thay lợn nội bằng lợn lai. Do đó, cả số lượng và chất lượng đàn lợn đều tăng hơn năm 1972 là 15,7% ; bình quân 1 hộ trong nông nghiệp có 1,9 con, đạt 5,3 con/ha gieo trồng.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, ngành công nghiệp và thủ công nghiệp được Đảng bộ hết sức coi trọng. Nghị quyết đại hội Đảng bộ lần V nhấn mạnh : "... phải ra sức củng cố và phát triển sản xuất, chủ yếu là hàng tiêu dùng... Đẩy mạnh sản xuất tư liệu phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp, cho xây dựng cơ bản, cho xuất khẩu và cho giao thông vận tải... phải đặc biệt chú ý dựa hẳn nguồn nguyên liệu địa phương làm thế mạnh trong sản xuất..." (1).

Theo phương hướng đó, các xí nghiệp công nghiệp địa phương

---

(1) Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố TN lần VI - tài liệu đã dẫn - trang 6.

đã khắc phục nhiều khó khăn, đẩy mạnh công tác quản lý và tổ chức đời sống. Nhiều xí nghiệp hoàn thành vượtm ức chỉ tiêu kế hoạch về giá trị tổng sản lượng và sản phẩm chủ yếu, như xí nghiệp gỗ Tháng Tám vượt 17,44% ; mì sợi Bắc Hải vượt kế hoạch 2,4%...

Các hợp tác xã thủ công nghiệp tiếp tục được củngcố vàphát triển. Lao động thủ công nghiệp tăng 5% so với năm 1972 ; số thợ thủ công tham gia hợp tác xã từ 80% năm 1972 lên 85% trong năm 1973. Một số tổ sản xuất được chuyển lên thành hợp tác xã, thu hút được hơn 100 chị em tiểu thương vào các ngành nghề.

Cùng với sự tiến bộ về quan hệ sản xuất, cơ sở vật chất - kỹ thuật trong ngành thủ công nghiệp bước đầu có sự chuyển biến đúng hướng. Nhiều phân xưởng sản xuất được xây dựng, nhiều máy móc tự trang tự chế đã hoàn thành, như hệ thống máy sản xuất đinh vít chạy điện, máy đinh cải tiến, máy dập bi... tạo điều kiện cho các hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất. Phong trào thi đua dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tiếp tục được duy trì và phát triển. Công tác đào tạo thợ kỹ thuật bắt đầu được đẩy mạnh. Riêng trong năm 1973, thành đã tổ chức lớp huấn luyện và kèm cặp tay nghề cho 253 xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp...

Tất cả những bước chuyển biến kể trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho thủ công nghiệp phát triển khá nhanh chóng. Tính về giá trị tổng sản lượng, năm 1973 vượt mức kế hoạch 5,8%, tăng hơn năm 1972 là 12,8%. Hàng tiêu dùng chiếm 76% ; hàng phục vụ cho công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 24% ; tư liệu phục vụ cho nông nghiệp tăng hơn năm 1972 là 1,3% ; hàng phục vụ cho công nghiệp và giao thông vận tải vượt 12% so với kế hoạch (1). Nhiều hợp tác xã vượt mức kế hoạch năm 1973, như Hồng Hà, Bắc Nam, 1/5, Cộng Đồng, Ánh Hồng v.v...

---

(1) Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố TN lần VI - tài liệu đã dẫn - trang 7.

Trên cơ sở sản xuất phát triển, thu nhập của hợp tác xã tăng lên, đời sống xã viên được cải thiện rõ rệt. Một số ngành, như rèn, vật liệu xây dựng v.v... lương bình quân của xã viên tăng từ 30% đến 50%. Nhiều hợp tác xã có nhà trẻ, nhà ăn tập thể, tủ thuốc v.v...

Từ năm 1973, trở về thành phố, ngành giáo dục đã chuyển hướng hoạt động, kịp thời khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng khôi phục và ổn định trường lớp để bảo đảm tốt nhu cầu học tập của con em nhân dân lao động. Điều đáng chú ý là phong trào thi đua "Hai tốt" vẫn giữ vững và liêntục đẩy mạnh bằng nhiều hình thức và biện pháp tích cực. Dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, phong trào "toàn Đảng, toàn dân bảo vệ và chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng" được phát động và thu nhiều kết quả". Trong năm học 1972-1973, sau khi Mỹ ngừng ném bom, các trường lớp đã bảo đảm cho 22.596 học sinh các cấp trở lại học tập bình thường, mặc dù số học sinh tăng lên 1.800 em.

Tiếp tục thực hiện phương châm "giáo dục kết hợp với lao động sản xuất", các trường đều tổ chức nung vôi, làm gạch, tự sửa chữa trường lớp, điển hình là trường phổ thông công nghiệp và trường cấp II xã Đồng Quang... Chất lượng giáo dục nhìn chung vẫn được giữ vững. Số học sinh chuyển lớp ở các cấp học đều vượt chỉ tiêu từ 1% đến 5%. Toàn thành phố có 57% số trường đạt đơn vị tiên tiến cấp thành và tỉnh ; 85% số học sinh đạt tiêu chuẩn cháu ngoan Bác Hồ...

Công tác văn hóa - thông tin trong thời gian này có nhiều hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, tích cực tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng cuộc sống mới, con người mơi, góp phần tăng thêm vẻ đẹp của thành phố.

Như vậy, chỉ sau một thời gian ngắn khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom lần II, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần

V (4/1973), cán bộ đảng viên và nhân dân thành phố Thái Nguyên thu được nhiều thắng lợi trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa. Trong hoôan cảnh đó, đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần VI được tổ chức (từ 4 đến 8/6/1974). Đại hội là nguồn cổ vũ mới cho toàn đảng bộ và nhân dân thành phố hăng hái trong cuộc xây dựng đất nước. Đại hội nêu rõ: "... Trong hai năm tới phương hướng va nhiệm vụ chung của thành phố là phải động viên và tổ chức lựclượng lao động xã hội đivào sản xuất và xây dựng, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực, tự lực cánh sinh, tạo cho được sự chuyển biến cách mạng về phong cách làm ăn mới theo hướng đi lên sản xuất lớn, trươc hết là phát triển mạnh mẽ sản xuất thực phẩm (rau, thịt, cá), trong đó lấy sản xuất rau là chủ yếu, sản xuất hàng tiêu dùng, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây lương thực nhằm giải quyết tự túc trong nội bộ nông dân, từng bước cải thiện, ổn định về tinh thần và vật chất đời sông công nhân, nông dân và nhân dân các dân tộc".

Cùng với việc triệu tập đại hội lần thứ VI, trong năm 1974 đảng bộ Thành phố còn tổ chức học tập nghiên cứu nghị quyết 22, 228 của Trung ương Đảng. Trong những ngày thu hoạch vụ mùa, giai cấp nông dân tập thể cũng hăng hái tham gia học tập chỉ thị 208, 209 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp... đó chính là những động lực mới giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thành phố hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Trong hai năm 1974, 1975, dù gặp nhiều khó khăn về nguyên vật liệu, nhưng công nghiệp và thủ công nghiệp thành phố có nhiều biện pháp tích cực để khắc phục; đồng thời biết đề ra những biện pháp tổ chức sản xuất và quản lý lao động chặt chẽ; phát động phong trào thi đua liên tục kết hợp với việc đẩy mạnh phát huy sáng kiến,. cải tiến kỹ thuật. Do đó, nhiều xí nghiệp như gỗ tháng Tám mỳ sợi Bắc Hải, quốc doanh in, xí nghiệp nước chấm, hợp tác xã cơ khí

Hồng Hà, Bắc Nam... vẫn tiếp tục giữ vững được truyền thống của những đơn vị sản xuất tiên tiến. Tại những cơ sở đó, Đảng bộ đã bám chắc nhiệm vụ chính trị, lãnh đạo đơn vị nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch một cách vững chắc. Giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp thành phố trong những năm này tiếp tục tăng: năm 1974 đạt 5.452.000đ00 (tăng 11,5% so với 1973) ; năm 1975 đạt 5.770.694đ00 (tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 1974).

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, tư tưởng chỉ đạo của thành ủy là "lấy sản xuất thực phẩm là chủ yếu, trong đó sản xuất rau là cây trồng chính. Phấn đấu từng bước đưa chăn nuôi lên thành ngành chính".

Được các chỉ thị 208, 209 của Trung ương và nghị quyết 33, 36 của Tỉnh ủy soi sáng, nông nghiệp thành phố có những chuyển biến đáng kể. Việc chống cớm tiến hành khá sôi nổi, giải phóng trên 90% đất đai bị cớm, thu hồi 46 mẫu ruộng bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép. Sự chỉ đạo thời vụ của thành ủy được kịp thời và chặt chẽ. Cho đến năm 1975, cơ cấu giống lúa được xác định, tập trung vào hai loại chủ yếu là 314 và lúa xuân. Các biện pháp kỹ thuật được chỉ đạo thống nhất từ thành đến cơ sở, có lịch gieo trồng đối với từng loại giống; hệ thống thủy lợi từng bước được củng cố và kiện toàn...

Với những bước chuyển biến trên, trong hai năm 1974-1975, sản xuất nông nghiệp thành phố thu được kết quả khá toàn diện:

- Về sản xuất rau, diện tích gieo trồng năm 1974 là 258 ha (tăng 19% so với 1973) ; năm 1975 là 330,66 ha (tăng 30,2% so với 1974). Sản lượng năm 1975 đạt 3.344 tấn, tăng 22% so với 1974; sử dụng vòng quay của đất là 2,7 lần.

- Về lúa, trong năm 1974 dù vụ đông xuân bị hạn hán và sương muối kéo dài, làm chết một số mạ, nhưng tổng sản lượng vẫn đạt 3.296 tấn, tăng 2% so với 1973. Sang năm 1975, tổng sản lượng

toàn thành đạt 3.561,768 tấn.

- Về chăn nuôi, nhiều cơ sở được củng cố và xây dựng theo thiết kế mới đặc biệt, cơ cấu đàn lợn có chuyển biến rất cơ bản: giống lợn lai đã chiếm ưu thế trong các chuồng trại tập thể (năm 1974: 90,9% số đầu lợn cũng không ngừng tăng: năm 1974 có 11.903 con (tăng 5,5% so với 1973); năm 1975 dù gặp trở ngại lớn là thiếu thức ăn nghiêm trọng, sự hỗ trợ của nhà nước có nhiều khó khăn, nạn dịch lan tràn từ đầu đến cuối năm..., nhưng tổng số đàn lợn trong toàn thành cũng lên tới 12.273 con (tăng 3% so với 1974).

Cùng với sự phát triển kinh tế công - nông, ngành tài chính, thương nghiệp có nhiều cố gắng trong quản lý thị trường, quản lý tiền tệ và công tác thu mua. Dù địa bàn thành phố rất rộng, số cán bộ quá ít, nhưng đã biết phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan, ngăn chặn được một phần hiện tượng làm ăn phi pháp... công tác thu mua được tổ chức chặt chẽ từ cơ sở, do đó kết quả ngày càng tăng. Riêng năm 1975, mức thu mua lương thực đạt 114%, lợn hơi đạt 138% so với năm 1974.

Là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả tỉnh, hơn nữa, lại là thủ phủ của khu tự trị Việt Bắc thành phố thái Nguyên có nhiều lợi thế trong việc đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế... vào những năm 1973-1975, trước những thắng lợi to lớn của cách mạng, ngành văn hóa - thông tin thành phố có nhiều hình thức tuyên truyền rất sinh động, như tranh cổ động, kẻ vẽ, tin bài, triển lãm... bên cạnh đó, thành phố đặc biệt quan tâm duy trì và phát triển các hình thức vui chơi, giải trí lành mạnh. Nhiều cơ sở thành lập các đội văn nghệ, tổ chức biểu diễn. Nhiều môn thể thao như võ dân tộc, bơi lội v.v... cũng được thường xuyên tổ chức.

Ngành giáo dục thành phố vẫn tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua "hai tốt". Trong thời gian này, Thành ủy chú trọng chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất trong các trường học. Dựa vào sự đóng góp của phụ huynh học sinh kết hợp với sự giúp đỡ

của nhà nước, dưới sự chỉ đạo của các cấp bộ đảng và phòng giáo dục, các trường học tổ chức lao động xây dựng phòng học, tu sửa bàn ghế... do đó, số phòng học bán kiên cố từ 34% trong năm học 1972-1973, lên 59% trong năm học 1973-1974.

Những thành tựu thu được trên mọi lĩnh vực trong những năm vừa qua ngày càng đem lại cho Thái Nguyên có thêm vẻ đẹp của thành phố công nghiệp. Bộ mặt của thành phố đang từng bước thay da đổi thịt.

Được sống trong hoàn cảnh hòa bình, người dân thành phố Thái Nguyên vẫn luôn hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, về thành phố Nha Trang kết nghĩa. Ngoài của cải vật chất (lương thực, thực phẩm...), Đảng bộ và nhân dân thành phố hàng năm đều tiễn con em mình lên đường nhập ngũ. Năm nào thành phố cũng hoàn thành vượt chỉ tiêu và có chất lượng tốt trong các đợt tuyển quân. Trong 3 năm (1973-1975), toàn thành có 1.319 thanh niên trai tráng tòng quân. Riêng trong năm 1975, cùng với cả nước dồn sức chi viện chiến trường miền Nam, thành phố Thái Nguyên đã tuyển được 725 người ra trận. Trong số đó, có hàng trăm thanh niên lên đường vào Nam chiến đấu; nhiều người đã anh dũng hy sinh trên chiến trường, góp phần đem lại chiến thắng vĩ đại của dân tộc trong mùa xuân 1975.

Tóm loại, trong những năm 1973-1975, đứng trước yêu cầu mới của cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, nhân dân Thái Nguyên không những thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, mà còn làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng đối với đồng bào miền Nam anh hùng.

Mặc dù còn có những sai sót trong sự lãnh đạo và chỉ đạo xây dộng và phát triển kinh tế, nhưng những thành tựu thu được trong thời gian vừa qua đã khẳng định bước trưởng thành nhanh chóng của Đảng bộ thành phố Thái Nguyên.

Thường trực ban nghiên cứu biên soạn cuốn lịch sử Đảng bộ thành phố Thái Nguyên

So với nhiều địa phương khác ở trong tỉnh, cơ sở Đảng ở thị xã Thái Nguyên ra đời muộn, vì sự kìm kẹp của thực dân Pháp và tay sai tại đây có phần khắc nghiệt hơn. Mặc dù vậy, thông qua những hoạt động của cán bộ trung ương, Xứ ủy và tỉnh ủy, ảnh hưởng của Đảng vẫn đi vào trong quần chúng ở thị xã.

Sẵn có truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhân dân các dân tộc thị xã đã tổ chức nhiều phong trào đấu tranh chống đế quốc, phong kiến. Đến khi tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang cách mạng, nhân dân thị xã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, được sự giáo dục, tuyên truyền của cán bộ cấp trên, một đội ngũ cách mạng của thị xã đã trưởng thành. Đó là cơ sở dẫn đến sự ra đời của các chi bộ Đảng đầu tiên vào đầu năm 1946, đáp ứng sự đòi hỏi của phong trào ở địa phương.

Ngay sau khi thành lập, Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng trong một hoàn cảnh đầy khó khăn, phức tạp.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ và nhân dân thị xã nhanh chóng tiêu thổ kháng chiến. Tiếp đó, trải qua những năm tháng gian khổ, nhân dân thị xã vừa trực tiếp chiến đấu giải phóng quê hương, vừa tích cực xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện tiền tuyến; đồng thời góp phần bảo vệ an toàn cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến ở vùng A.T.K.

Thắng lợi của việc thực hiện những nhiệm vụ trong những năm kháng chiến chống Pháp đã khẳng định vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của thị xã Thái Nguyên và vai trò to lớn của Đảng bộ. Dù rất non trẻ, nhưng Đảng bộ thị xã Thái Nguyên đã xứng đáng

là hạt nhân lãnh đạo mọi hoạt động của địa phương trong suốt 9 năm kháng chiến.

Sau khi hòa bình lập lại (1954), Đảng bộ thị xã Thái Nguyên bước vào một giai đoạn cách mạng mới, với nhiệm vụ to lớn, nặng nề và khó khăn hơn.

Vận dụng nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, Đảng bộ đã lãnh đạo quần chúng thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiến hành cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra...

Trong 20 năm đấu tranh và xây dựng (1955-1975), Đảng bộ thị xã luôn phát huy vai trò tổ chức và lãnh đạo của mình và đã giành được những thành tựu đáng kể trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quan trọng là Đảng bộ đã nhanh chóng đưa thị xã Thái Nguyên thoát khỏi tình trạng khó khăn, phức tạp về đời sống kinh tế, xã hội trong những năm đầu hòa bình. Kinh tế được khôi phục, bước đầu phát triển; đời sống nhân dân được ổn định; trị an xã hội được giữ vững; văn hóa giáo dục được mở mang. Đó chính là kết quả của những chủ trương, biện pháp tích cực và kiên quyết của Đảng bộ.

Kinh nghiệm chỉ đạo của Đảng bộ thị xã Thái Nguyên trong những năm 1955-1957 cho thấy, muốn ổn định đời sống các tầng lớp nhân dân thị xã, không chỉ đẩy mạnh về sản xuất, mà còn kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ tích trữ, ổn định giá cả thị trường; muốn giữ vững trị an xã hội, không chỉ trừng trị bọn tay sai phản động, bọn lưu manh, trộm cắp, thủ tiêu các tệ nạn xã hội cũ, mà còn phải khẩn trương xây dựng đời sống văn hóa mới nhằm không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị tư tưởng về nếp sống có văn hóa trong nhân dân.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ quan trọng mang tính

tất yếu trong khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ thị xã Thái Nguyên vận dụng chủ trương đường lối của Đảng đã hoàn thành công tác cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trước thời hạn.

Mặc dù trong quá trình chỉ đạo có lúc Đảng bộ còn máy móc, thể hiện trong việc xác định một số ngành nghề chưa đúng với các thành phần kinh tế cần cải tạo, nhưng thắng lợi là cơ bản. Kết quả của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống kinh tế, xã hội ở thị xã.

Thắng lợi của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ nguồn gốc bóc lột, tăng cường liên minh công nông và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ở thị xã.

Thắng lợi trong việc thiết lập quan hệ sản xuất mới - xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho nhân dân thị xã đóng góp công sức của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước.

Thái Nguyên là một thành phố công nghiệp. Song do chức năng, nhiệm vụ những năm đầu của thành phố chưa được xác định rõ ràng nên đã ảnh hưởng tới vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt kinh tế, xã hội.

Tình trạng trên dần được khắc phục. Chức năng nhiệm vụ của thành phố được quy định rõ ràng; trên cơ sở đó, Đảng bộ đã xây dựng được một cách toàn diện chiến lược kinh tế xã hội của thành phố.

Mặc dầu còn có những vấn đề tồn tại, nhưng dưới ánh sáng nghị quyết các Đại hội Đảng bộ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thành phố Thái Nguyên đạt được nhiều thành tựu trên các mặt.

Trong nông nghiệp, do bước đầu áp dụng được những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa giống mới có năng suất cao vào sản xuất, tổ chức lao động hợp lý, đã có tác dụng đưa năng suất và sản lượng

cây trồng lên khá cao. Nhân dân đã tự giải quyết được một phần về lương thực và đáp ứng nhu cầu cơ bản về rau xanh cho thành phố.

Bên cạnh trồng trọt, ngành chăn nuôi - nhất là chăn nuôi lợn phát triển khá mạnh. Việc đưa giống mới - lợn lai kinh tế - vào chăn nuôi, tăng nhanh trọng lượng đã khuyến khích các hộ gia đình và tập thể chăn nuôi lợn.

Những thành tựu và bước phát triển mới về nông nghiệp là thành tích của Đảng bộ trong công tác chỉ đạo. Nếu như các chính sách cụ thể cho cây trồng và vật nuôi được Đảng bộ quan tâm hợp lý hơn nữa, sẽ còn khuyến khích sự phát triển nông nghiệp tiến lên những bước mạnh mẽ hơn.

Trong xây dựng kinh tế, sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp được Đảng bộ đặc biệt quan tâm chỉ đạo, trước hết và về phương hướng, kế hoạch, nhằm bảo đảm sản xuất ra những mặt hàng phục vụ chủ yếu cho nhu cầu tiêu dùng và cho sản xuất nông nghiệp.

Từ một thị xã nghèo, trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Thái Nguyên đã trở thành thành phố công nghiệp, có những cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp tương đối lớn, sản xuất ra các mặt hàng đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân.

Sự ra đời khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên đã có tác dụng thúc đẩy bước phát triển đi lên của ngành công nghiệp và thủ công nghiệp thành phố. Tuy vậy, trong bước trưởng thành, vẫn còn nhiều hạn chế: chất lượng nhiều mặt còn yếu, chưa thật phong phú, chưa đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, sự lãnh đạo của Đảng bộ, trong gần nửa thế kỷ qua, nhất là trong 20 năm trở lại đây, đã đạt được những thành tích đáng kể, đưa nền văn hóa giáo dục... tiến những bước xa trong lịch sử trường học, bệnh viện, nhà trẻ và các công trình phúc lợi được xây dựng ngày càng khang trang hơn, đầy đủ

tiện nghi hơn, từng bước thỏa mãn những nhu cầu về ăn, ở, làm việc, học tập và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Chiến lược về con người được Đảng bộ quan tâm, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có năng lực, sức khỏe và phẩm chất tốt đẹp, phục vụ cho nhu cầu xã hội.

Trên bước đường phát triển đi lên, thị xã Thái Nguyên, sau đó là thành phố Thái Nguyên (từ 1962) đã tiến những bước dài trong lịch sử. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Thành phố Thái Nguyên gắn liền với quá trình lớn mạnh của tỉnh Bắc Thái đã trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc nằm trong hậu phương của miền Bắc xã hội chủ nghĩa với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh đã hiên ngang bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, chi viện đắc lực cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Trong hai lần chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bằng không quân vô cùng dã man và tàn bạo trên thành phố Thái Nguyên, Đảng bộ đã nêu cao quyết tâm và ý chí chiến đấu nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ những thành quả lao động của nhân dân ta trong hơn mười năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa về xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nét nổi bật trong tổ chức chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ là phát huy được sức mạnh tổng hợp của đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta. Đảng bộ đã phát động và tổ chức được những phong trào cách mạng sục sôi trong nhân dân nhằm bảo đảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu thắng lợi.

Quần chúng nhân dân được Đảng giáo dục và tổ chức, đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và trong chiến đấu, góp phần làm thất bại âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ ở

miền Bắc, ủng hộ sức người sức của vào cuộc đấu tranh đánh cho "Mỹ cút", "ngụy nhào" của đồng bào miền Nam ruột thịt.

Từ trong thực tế chỉ đạo các nhiệm vụ trong chiến tranh Đảng bộ đã rút ra được những kinh nghiệm quý báu trong việc giải quyết mối quan hệ giữa sản xuất và chiến đấu, về việc tổ chức chỉ đạo chiến đấu, cần nêu cao bài học cảnh giác, tránh chủ quan và giải quyết một cách đồng bộ giữa yêu cầu sản xuất và chiến đấu với việc ổn định đời sống nhân dân.

Những thành tích đạt được qua 45 năm của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo các nhiệm vụ chiến lược của Đảng gắn liền với quá trình không ngừng xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt.

Từ chi bộ đầu tiên ra đời năm 1946, trong đấu tranh cách mạng, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Đảng bộ từng bước được kiện toàn về tổ chức, nhằm đáp ứng những yêu cầu của lịch sử.

Sự ra đời của Ban cán sự Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp đã nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ ở thành phố. Khi bước vào thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, thị ủy Thái Nguyên được thành lập thay thế cho vai trò của Ban cán sự. Bước chuyển biến này là tất yếu, có thể đặt ra sớm hơn, nhằm bảo đảm sự thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy quyền chủ động sáng tạo của tổ chức Đảng cơ sở.

Cùng với việc thành lập thành phố Thái Nguyên, chức năng, quyền hạn của Đảng bộ cũng được nâng lên để bảo đảm việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn lịch sử mới.

Công tác phát triển Đảng được các cấp ủy quan tâm. Sau 45 năm xây dựng, từ một chi bột với 5 đảng viên, đã phát triển thành một Đảng bộ vững mạnh gồm 86 đảng bộ trực thuộc với trên 2,300 đảng viên. Đó là một bước trưởng thành quan trọng của Đảng bộ

thành phố.

Tuy vậy, trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ thành phố trong những năm 1955-1965 còn có những hạn chế, chưa thể hiện được chức năng của một Đảng bộ thành phố công nghiệp. Đó cũng là những kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ nhằm không ngừng nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng.

Trong xây dựng Đảng, Đảng bộ đã kết hợp chặt chẽ việc xây dựng Đảng về ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp cũng như sau ngày hòa bình lập lại, hầu hết cán bộ, đảng viên thị xã có trình độ văn hóa rất thấp, hạn chế đến trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, nhất là trong lĩnh vực tổ chức, quản lý kinh tế.

Các cấp lãnh đạo Đảng ở thị xã một mặt vừa củng cố, kiên toàn tổ chức, mặt khác bố trí, sắp xếp lực lượng, tổ chức cho cán bộ đảng viên đi tham dự các khóa học văn hóa, các lớp chính trị, nghiệp vụ tập trung.

Qua các đợt chỉnh huấn tự phê bình và phê bình trong Đảng và bằng việc rèn luyện trong thực tế đấu tranh, trong lao động sản xuất và chiến đấu đã góp phần nâng cao thêm trình độ giác ngộ chính trị, tư tưởng trong đảng viên và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Từ năm 1963, Đảng bộ thành phố đã coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực tổ chức lãnh đạo của đảng viên và các cấp ủy. Ngoài việc cử cán bộ đi học tại các khóa huấn luyện của tỉnh và Trung ương, Đảng bộ đã thường xuyên mở các lớp đào tạo tại chức cho các đảng viên cơ sở.

Nhờ vậy, Đảng bộ có một đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị tốt, nắm vững lý luận Mác - Lênin và đường lối chính sách của Đảng, có trình độ chuyên môn cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ ở cương vị công tác của mình.

Cùng với việc không ngừng nâng cao trình độ chính trị tư tưởng, xây dựng lập trường cách mạng kiên định, đứng vững trên quan điểm Mác - Lênin, chống mọi biểu hiện và các khuynh hướng lệch lạc đi ngược lại đường lối của Đảng, Đảng bộ còn không ngừng tăng cường sự thống nhất về tổ chức, chống mọi tư tưởng cục bộ, bè phái.

Sự thống nhất về tổ chức và đoàn kết nhất trí trong Đảng là một trong những nhân tố bảo đảm Đảng bộ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Đảng qua các thời kỳ.

Công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức là những vấn đề hết sức quan trọng đối với một Đảng cầm quyền. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác này, Đảng bộ đã không ngừng tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh từ Đảng bộ đến các tổ đảng, coi việc nâng cao chất lượng cơ sở Đảng là kết quả của việc nâng cao chất lượng của mỗi đảng viên. Do vậy, Đảng bộ hết sức coi trong sinh hoạt của các chi bộ, tổ đảng; thông qua sinh hoạt trong Đảng để giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, kiên quyết đấu tranh khắc phục những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản, chủ nghĩa tự do tản mạn, vô tổ chức, kỷ luật, bệnh quan liêu mệnh lệnh, xa rời quần chúng...

Nhờ vậy, Đảng bộ thành phố luôn luôn là một Đảng bộ vững mạnh của tỉnh Đảng bộ.

Sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ còn được thể hiện trong mối liên hệ giữa Đảng với chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Đảng nắm chính quyền thông qua hệ thống chuyên chính vô sản, gồm các cơ quan chính quyền và các tổ chức quần chúng. Đảng bộ đã bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối có tính nguyên tắc của mình đối với toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản.

Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng chính quyền và đoàn

thể quần chúng các cấp, nhằm nâng cao vai trò và hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản.

Sức mạnh của Đảng bộ được thể hiện trong mối quan hệ giữa Đảng với dân. Đảng luôn luôn quan hệ chặt chẽ với quần chúng, chăm lo với lợi ích của quần chúng lao động.

Nhận thức rõ vai trò của quần chúng là đầu tàu của lịch sử, trong quá trình đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Đảng bộ chẳng những đã biết dựa vào quần chúng, mà còn tổ chức, động viên, phát huy tính tích cực cách mạng của quần chúng. Những thành tựu to lớn mà Đảng bộ đã giành được trong cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế văn hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở thành phố, chính là những kết quả to lớn trong việc thực hiện đường lối quần chúng và phát huy sức mạnh quần chúng của Đảng bộ.

Đảng vì dân, dân có Đảng, quyện chặt trong mối quan hệ mật thiết, gắn bó, đã tạo nên sức mạnh vật chất kỳ diệu cho Đảng bộ và nhân dân thành phố liên tiếp giành được từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*

**

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua nhìn lại lịch sử, Đảng bộ và nhân dân thành phố có quyền tự hào chính đáng với trang sử vẻ vang của mình.

Phát huy những kinh nghiệm và truyền thống tốt đẹp của Đảng ta trong cách mạng tháng Tám (1945), ngay từ khi Đảng ra đời, Đảng bộ đã phấn đấu không mỏi mệt cho sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Hồ Chủ tịch đã vạch ra. Trong chiến đấu, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh, góp phần đem lại cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân.

Trung thành với những lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự nghiệp cách mạng của Đảng, Đảng bộ được nhân dân tin yêu, hết lòng ủng hộ và kiên quyết đi theo ngọn cờ vẻ vang của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và chiến đấu, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, lập nên những thành tích xuất sắc, tạo nên những đổi thay lớn lao trong đời sống xã hội của thành phố.

Từ một chi bộ, được sự quan tâm dìu dắt của Tỉnh ủy, ngày nay Đảng bộ thành phố đã trưởng thành về mọi mặt đang tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ cách mạng của Đảng.

Tự hào về những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân ta đã giành được, toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ, cùng nhân dân các dân tộc trong thành phố mãi mãi giữ trọn niềm tin, ra sức phấn đấu thắng lợi những mục tiêu kinh tế xã hội mà Đảng bộ đã đề ra trong giai đoạn lịch sử mới.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 12 năm 1990

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	3
CHƯƠNG MỞ ĐẦU	5
Thành phố Thái Nguyên	5
CHƯƠNG I	
Phong trào đấu tranh chống áp bức bóc lột, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1930-8/1945)	31
I - Thị xã Thái Nguyên dưới ách thống trị của thực dân Pháp	31
II - Phong trào đấu tranh cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1930-1945)	40
CHƯƠNG II	
Đấu tranh bảo vệ chính quyền DCND và kháng chiến chống thực dân Pháp (9-1945-7/1954)	55
I - Bảo vệ và cũng cố chính quyền dân chủ nhân dân (9/1945 - 12/1954)	55
II - Tích cực chuẩn bị về mọi mặt, tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (12/1946 - 10/1950)	63
III - Xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn (10/1950 - 7/1954)	76
CHƯƠNG III	
Đảng bộ Thái Nguyên trong thời kỳ thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa (1954 - 1964)	87

I - Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa (1954 - 1957) 87
II - Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1958 - 1964) 96
CHƯƠNG IV
Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1965 - 1975) 112
I - Giữ vững sản xuất, phát triển văn hóa - giáo dục, trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần I của đế quốc Mỹ (1965 - 1968) 112
II - Khôi phục kinh tế, chi viện chiến trường, sẵn sàng chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần II của đế quốc Mỹ (1969 - 1/1973) 131
III - Củng cố hậu phương vững mạnh, dồn sức chi viện chiến trường miền Nam (1973 - 1975) 142
KẾT LUẬN 151

In 1.200 cuốn tại Công ty DIAFILM TW liên kết tổ hợp Vĩnh Thái. Giấy phép XB số :

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0